

SÁCH TRẮNG VỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP ĐÀI LOAN TẠI VIỆT NAM



2017'



Hiệp Hội Thương Mại Đài Loan
Tại Việt Nam

SÁ CH TRẮNG
VỀ
ĐẦU TƯ KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP ĐÀI LOAN
TẠI VIỆT NAM

**White Paper on Doing Business in
Vietnam**

MỤC LỤC

Lời tựa

TÓ M TẮT CHUNG	1
Phần I: Tình hình chung	7
I. Nguồn gốc	7
II. Giao lưu về kinh tế, văn hóa giữa Đài Loan và Việt Nam	9
III. Môi trường kinh doanh tổng thể của Việt Nam	13
1. Nền kinh tế phát triển đi lên và ổn định.....	13
2. Liên tục mở cửa và hội nhập quốc tế	15
3. Doanh nghiệp nước ngoài liên tục tăng vốn đầu tư	16
4. Không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh	17
Phần II. Những vấn đề quan tâm của doanh nghiệp Đài Loan và một số kiến nghị	20
I. Khái quát tình hình và đặc điểm doanh nghiệp Đài Loan đầu tư tại Việt Nam	20
1. Doanh nghiệp tiên phong	20
2. Khái quát tình hình đầu tư các ngành nghề quan trọng và thành tích đóng góp đối với Việt Nam	22
3. Nét chuyển biến, đặc trưng và những vướng mắc của doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam	30
II. Những vấn đề quan tâm của doanh nghiệp Đài Loan và các kiến nghị	31
1 Kiến nghị về hệ thống pháp lý và quy trình thực hiện.....	31
(1) Quy phạm pháp luật.....	31
➤Cung cấp các văn bản pháp quy tiếng Anh, cải thiện mức độ minh bạch của văn bản pháp quy	31
➤Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các văn bản pháp quy và giải nghĩa liên quan	33
➤Công khai minh bạch dữ liệu thống kê về xe máy.....	35
(2) Quy trình thực hiện.....	36
➤ Đảm bảo tính nhất quán giữa quy trình thực hiện và quy định của pháp lệnh.....	36
➤Tăng cường sự thống nhất về diễn giải pháp lệnh từ chính phủ trung ương đến chính quyền địa phương	37
2/. Về lao động.....	38
(1) Số giờ làm thêm.....	38
➤Nâng số giờ làm thêm tối đa hàng năm đến hơn 500 giờ.	38

(2) Bảo hiểm xã hội	40
➤ Xác lập phạm vi và mức đóng bảo hiểm xã hội tối đa hợp lý .40	
➤ Cho phép người nước ngoài được tự do lựa chọn tham gia bảo hiểm y tế hoặc bảo hiểm xã hội.....	42
(3) Giải quyết tranh chấp lao động và đình công bất hợp pháp.....	43
➤ Giải quyết tranh chấp lao động và đình công bất hợp pháp theo luật định	43
(4) Giấy phép lao động.....	45
➤ Nâng tính linh hoạt cấp phép lao động cho lao động nước ngoài	45
(5) Tiền lương	47
➤ Duy trì tốc độ tăng lương ổn định.....	47
(6) Thời hạn thử việc.....	49
➤ Kéo dài thời hạn thử việc.....	49
(7) Điều kiện hưu trí	50
➤ Tách rời điều kiện hưu trí với thời hạn đóng bảo hiểm xã hội .50	
(8) Tổ chức công đoàn.....	51
➤ Giảm gánh nặng phí công đoàn cho doanh nghiệp.....	51
3/ Về thuế.....	52
(1) Ưu đãi về thuế, tiền thuế.....	52
➤ Làm rõ điều kiện được hưởng ưu đãi.....	52
(2) Thuế nhà thầu nước ngoài	53
➤ Trường hợp máy móc, thiết bị nhập khẩu gắn liền với dịch vụ cung cấp, đề nghị miễn giảm thuế theo Hiệp định thỏa thuận của Tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế.....	53
(3) Kiểm tra thuế và lãi tiền thuế nộp thêm	55
➤ Rút ngắn thời hạn truy thu thuế, và tính lãi tiền nộp thêm thuế theo lãi suất thị trường	55
(4) Chuyển giá.....	56
➤ Tăng tính minh bạch và hợp lý khi kiểm soát chống chuyển giá1	56
(5) Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ Đài Loan.....	57
➤ Đối với cán bộ Đài Loan, phải xem như cư dân phi thuế, theo nguyên tắc thuế về cư dân phi thuế, chỉ đánh thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập có nguồn gốc Việt Nam của họ	57
(6) Hoàn thuế VAT.....	58
➤ Xử lý hoàn thuế VAT qua hệ thống điện tử	58
(7) Xử lý phế liệu của hàng gia công xuất khẩu.....	59

➤ Xây dựng biện pháp cụ thể về xử lý phế liệu hàng xuất khẩu, được miễn thuế quan khi kê khai đúng luật	59
4/ Về vấn đề thương mại	60
(1) Thuế và hải quan.....	60
➤ Hạ thấp hàng rào thuế quan song phương	60
➤ Duy trì tính nhất quán về nhận định nguyên tắc thuế hải quan	60
➤ Bỏ mức trần niên hạn đối với thiết bị nhập khẩu đã qua sử dụng	62
➤ Đơn giản hóa thủ tục và tăng tính minh bạch	63
(2) Hỗ trợ thương mại	64
➤ Hỗ trợ đối phó với vấn đề sản phẩm bán phá giá	64
5/ Về đầu tư.....	65
(1) Cấp phép đầu tư.....	65
➤ Đơn giản hóa thủ tục đầu tư.....	65
(2) Giấy phép và cấp phép.....	66
➤ Thúc đẩy chế độ thừa nhận lẫn nhau	66
➤ Đẩy nhanh tiến trình cấp phép chứng nhận ATTP(Nafiq) cho DN	66
➤ Cho phép ngân hàng Đài Loan mở thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh thành	67
(3) Bảo hộ đầu tư.....	68
➤ Tăng cường bảo hộ đầu tư một cách cụ thể	68
6/ Về nguồn nhân lực	70
(1) Lao động kỹ thuật.....	70
➤ Tăng cường hoạt động giáo dục dạy nghề, đào tạo lao động kỹ thuật.....	70
(2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp.....	72
➤ Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp.....	72
7/ Bảo vệ môi trường và pháp lý	73
(1) Quy phạm pháp lệnh	73
➤ Cung cấp các văn bản pháp quy tiếng Anh, tăng cường tính minh bạch	73
(2) Quy trình thi hành.....	74
➤ Cho doanh nghiệp có thời gian điều chỉnh, và duy trì tính nhất quán khi các tỉnh thành thi hành	74
8/ Về cơ sở hạ tầng.....	75

(1) Xây dựng cơ sở hạ tầng và bảo đảm chất lượng.....	75
➤ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bảo đảm chất lượng	75
(2) Mạng lưới thông tin di động và bảo đảm chất lượng.....	76
➤ Hoàn thiện mạng lưới thông tin và bảo đảm chất lượng	76
Phần III Thúc đẩy triển vọng về đẩy mạnh hợp tác thương mại và đầu tư giữa Đài Loan- Việt Nam	78
I. Hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực	79
II. Hợp tác về nông nghiệp công nghệ cao, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	82
III. Hợp tác về y tế	86
IV. Hợp tác về khởi nghiệp sáng tạo.....	88
V. Hợp tác về công nghệ thông tin truyền thông	91
VI. Đẩy mạnh hợp tác thu hút vốn đầu tư doanh nghiệp Đài Loan	94
Phần IV. Kết luận và kiến nghị.....	98
Phụ lục	Phụ lục
I. Giới thiệu về Tổng hội Thương gia Đài Loan thế giới.....	Phụ lục -1
II. Giới thiệu về Tổng hội Thương gia Đài Loan Châu Á	Phụ lục -2
III. Giới thiệu về Tổng hội Thương gia Đài Loan Việt Nam.....	Phụ lục -3

Bảng biểu

Bảng 1	Xếp hạng và một số tiêu chí Việt Nam cần tiếp tục cải thiện theo những tiêu chí cạnh tranh toàn cầu.....	19
Bảng 2	Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam.....	22
Bảng 3	Quy định mức trần về tổng số giờ làm việc bình thường và giờ làm thêm của một số quốc gia ASEAN chủ yếu.....	40
Bảng 4	Tỉ lệ tổng mức đóng BHXH, BHYT, BHTN của các nước ASEAN	41
Bảng 5	Mức lương danh nghĩa và tỉ lệ tăng lương thực của các nước Đông Á trong năm 2015	48
Bảng 6	Thời gian và chi phí thông quan của một số nước chính	63
Bảng 7	Khái quát về sự dụng Internet của 6 nước ASEAN	77

Biểu đồ

- 1 Tổng kim ngạch XNK hàng hóa của VN sang Đài Loan từ năm 2006-201511
- 2 Khái quát GDP và tỉ lệ tăng trưởng kinh tế của VN trong những năm 2006- 201614

Lời tựa



VIETNAM CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY

Head Office : international trade Center - 9 Dao Duy Anh Str., Hanoi
Tel : (84-4) 35742022 - Fax : (84-4) 35742020 , 35742030
Email : vcci@fmail.vnn.vn - Web : www.vcci.com.vn

Lời tựa

Doanh nghiệp Đài Loan đã có những đóng góp mang tính lịch sử đối với kinh tế Việt Nam. 30 năm trước, khi Việt Nam bắt đầu quá trình mở cửa, các doanh nghiệp Đài Loan đã mang trong mình một niềm tin đến Việt Nam đầu tư, trở thành những nhà đầu tư nước ngoài đầu tiên của Việt Nam. Doanh nghiệp Đài Loan đầu tư chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, chế tạo, nên đã mang lại nhiều công ăn việc làm cho người dân Việt Nam. Đầu tư của doanh nghiệp Đài Loan đã giúp cải thiện đời sống, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động Việt Nam. Doanh nghiệp Đài Loan cũng luôn hưởng ứng các chính sách xã hội của chính phủ Việt Nam. Bên cạnh việc đầu tư kinh doanh, các doanh nghiệp Đài Loan đã luôn không quản ngại khó khăn, gian khổ, bất kể to nhỏ, bất kể nơi nào, có tiền góp tiền, có sức góp sức, thực hiện các hoạt động công ích từ thiện ở Việt Nam một cách thực tế!

Các doanh nghiệp Đài Loan luôn nỗ lực phấn đấu vì sự phát triển kinh tế của Việt Nam, mong muốn thông qua cuốn sách trắng này với nội dung phong phú để bày tỏ sự quan tâm và kỳ vọng của mình đối với kinh tế Việt Nam.

Tôi hy vọng cuốn sách sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan chính phủ, cho cộng đồng doanh nghiệp và tất cả những cá nhân, tổ chức có liên quan trong những nỗ lực góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy đầu tư phát triển trên cơ sở bảo đảm hài hoà lợi ích của Việt Nam, các nhà đầu tư Đài Loan và các nền kinh tế khác trên thế giới./.

Vũ Tiến Lộc
Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
Đồng Chủ tịch Liên minh Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF)

TÓ M TẮT

Năm 1986, chính phủ Việt Nam áp dụng chính sách đổi mới và bắt đầu thu hút đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp Đài Loan đã đến đầu tư tại Việt Nam bắt đầu từ năm 1989, và trong 20 năm qua luôn là nhà đầu tư nước lớn nhất của Việt Nam. Qua 30 năm lặn lội trong gian khó, doanh nhân Đài Loan đã xây dựng được mối quan hệ hữu nghị sâu sắc đối với mảnh đất và nhân dân Việt Nam, chính vì thế, tuy sự kiện 513 trong năm 2014 gây thiệt hại đáng kể cho nhiều công ty Đài Loan vô tội, song họ vẫn lựa chọn quay lại xây dựng lại nhà máy, khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh tại VN. Đối với nhiều doanh nhân Đài Loan, Việt Nam không chỉ là một nơi đầu tư, mà còn là quê hương thứ hai của mình.

Doanh nhân Đài Loan luôn luôn là người sản xuất chịu khó và siêng năng, hơn 80% nguồn vốn của họ đầu tư vào các ngành sản xuất chế tạo và gia công tại Việt Nam, chủ yếu làm gia công cho các thương hiệu quốc tế, mặc dù không có tên tuổi, song luôn đóng vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy bước đi ban đầu về công nghiệp hóa của Việt Nam, hướng tới xây dựng một xã hội giàu đẹp. Doanh nghiệp Đài Loan không chỉ mang về cho Việt Nam nguồn thu ngoại tệ rất lớn, mà còn giúp địa phương giải quyết 1,4 triệu công ăn việc làm, đào tạo được nhiều cán bộ kỹ thuật và quản lý xuất sắc. Dưới sự đầu tư và nỗ lực của doanh nghiệp Đài Loan, đội ngũ cán bộ kỹ thuật Việt Nam ngày một tăng lên, chuỗi ngành nghề ngày một hoàn thiện, không chỉ góp phần làm giảm nhu cầu nhập khẩu máy móc công nghệ, mà còn tạo một nền tảng tốt để thu hút người nước ngoài đến đầu tư tại Việt Nam cho giai đoạn sau.

Cùng với kinh tế Việt Nam, việc làm ăn của doanh nghiệp Đài Loan cũng phát triển đi lên. Trong 30 năm qua, môi trường đầu tư của Việt Nam không ngừng được cải thiện, cơ sở hạ tầng được nâng cấp và cải tạo, đời sống nhân dân Việt Nam khá hơn, góp phần đẩy nhanh tốc độ mở cửa thị trường và hội nhập quốc tế, ra sức phát triển trở thành nơi sản xuất quan trọng và thị trường tiêu dùng mới nổi của thế giới. Doanh nghiệp Đài Loan tự hào được đóng góp vào bản thành tích sáng chói rực rỡ này của Việt Nam. Với tâm nguyện hỗ trợ Việt Nam vươn tới “ tầm cao hơn”, và mong ước bám trụ lâu dài, tiếp tục phát triển bền vững sự nghiệp tại Việt Nam trong tương lai, đồng thời hưởng ứng chính sách tại nghị quyết số 35/NQ-CP ban hành vào tháng 5/2016, tạo nên cục diện ba bên cùng

thắng giữa chính phủ, người dân Việt Nam và nhà đầu tư Đài Loan - những doanh nghiệp tạo cơ hội việc làm cho người dân Việt Nam nhiều nhất, Tổng hội các doanh nghiệp Đài Loan Thế giới, Tổng hội các doanh nghiệp Đài Loan châu Á và Tổng hội các doanh nghiệp Đài Loan Việt Nam xin phát hành ấn phẩm đặc biệt “Sách trắng về đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam” để hai bên Đài Loan và Việt Nam cùng tham khảo, hy vọng thông qua kinh nghiệm thực tiễn của doanh nghiệp Đài Loan đầu tư tại Việt Nam, đóng góp cho chính phủ Việt Nam các kiến nghị tham khảo về cải cách hành chính, đổi mới thể chế, tháo gỡ vướng mắc pháp lý, tối ưu hóa môi trường đầu tư, thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế và nâng cấp chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh của Việt Nam. Bên cạnh đó, dựa theo nhu cầu và thế mạnh phát triển của các ngành nghề Việt Nam và Đài Loan, đưa ra các khả năng về triển vọng hợp tác đi vào chiều sâu trong tương lai về các lĩnh vực như đào tạo nguồn nhân lực, kỹ thuật canh tác và nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, y tế, sáng tạo và khởi nghiệp, xuất khẩu hệ thống và ngành thông tin viễn thông, xuất khẩu các hệ thống như chính phủ thông minh, trường học thông minh, thành phố thông minh, với ước mong thiết lập mối quan hệ đối tác toàn diện cùng có lợi giữa Đài Loan và Việt Nam, dẫn dắt mối quan hệ liên kết về lĩnh vực kinh tế, thương mại, xã hội, văn hóa của Đài Loan và Việt Nam hướng tới một cột mốc mới.

Dựa trên đặc tính chủ yếu đầu tư vào ngành gia công chế xuất, cho nên rào cản vướng mắc mà các doanh nghiệp Đài Loan gặp phải tại Việt Nam thường khác hẳn so với các doanh nghiệp đa quốc gia Âu, Mỹ. Ý kiến phản ánh của các doanh nghiệp Đài Loan chủ yếu liên quan đến việc sản xuất và xuất khẩu, mục đích đưa ra kiến nghị với chính phủ Việt Nam để được hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc cũng là mong muốn nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng xuất khẩu, tạo cho lao động Việt Nam có một môi trường làm việc ổn định hơn. Cho nên điều mong mỏi trước tiên của doanh nghiệp Đài Loan là chính phủ Việt Nam có thể tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật và quy trình thực hiện, ban hành các quy định luật pháp, văn bản chi tiết thi hành bằng tiếng Anh, giải tỏa kịp thời các thắc mắc, nâng cao tính minh bạch trong quy trình thực thi, nhấn mạnh tính nhất quán về diễn giải các Nghị định của chính phủ trung ương và địa phương, đơn giản hóa quy trình xin phép và thủ tục cấp phép đầu tư, làm giảm chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp ở các khâu như lao động, thuế, bảo vệ môi trường, hải quan, đầu tư....

Các doanh nghiệp Đài Loan sử dụng rất nhiều lao động Việt Nam, hầu như là một thể thống nhất với lao động Việt Nam, vì vậy họ rất quan tâm vấn đề lao động và nguồn nhân lực, và hy vọng những đề nghị liên quan có thể mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, lao động và chính phủ Việt Nam. Doanh nghiệp Đài Loan đề xuất nới rộng số giờ làm thêm tối đa, trì hoãn đưa các khoản phụ cấp khác vào cơ sở tính mức bảo hiểm xã hội, giảm tần suất đình công bất hợp pháp, duy trì tính ổn định trong việc tăng lương, giảm phí công đoàn lao động, tất cả đều là nhằm hy vọng có thể tăng thu nhập hoặc giảm gánh nặng cho người lao động, tạo ra môi trường làm việc ổn định. Các công ty Đài Loan cũng đề nghị Chính phủ cho phép họ được điều hành linh hoạt hơn khi áp dụng quy định tuyển dụng và đóng bảo hiểm đối với các chuyên gia nước ngoài, cũng như thời gian thử việc và hưu trí của người lao động. Mặt khác, do ngành công nghiệp sản xuất Việt Nam phát triển nhanh chóng, nên nhu cầu về nguồn nhân lực kỹ thuật và chuyên môn cũng tăng lên, doanh nghiệp Đài Loan đề xuất với Chính phủ Việt Nam việc tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực trên cơ sở giao lưu nhân lực hiện có, thông qua việc trao đổi hai chiều giữa học sinh và nguồn nhân lực sản xuất, cùng với sự kết hợp giữa lao động Việt Nam, và vợ chồng, con cái của họ tại Đài Loan, đẩy mạnh trao đổi giao lưu hai chiều về nguồn lực lao động chất lượng cao, đồng thời thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực Việt Nam, thu hẹp khoảng cách thiếu vắng nguồn lực kỹ thuật công nghệ và chuyên môn trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các lĩnh vực khác của Việt Nam hiện nay.

Thuế có tác động rất lớn đối với kết quả kinh doanh, là một yếu tố quan trọng khi nhận xét đánh giá để quyết định đầu tư ra nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia. Để hỗ trợ Chính phủ Việt Nam cải thiện hệ thống thuế, hình thành môi trường kinh doanh thân thiện để đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp Đài Loan đề xuất các vấn đề về thuế để Chính phủ Việt Nam tham khảo. Về khía cạnh thuế xuất nhập khẩu, đầu tiên là thuế nhà thầu nước ngoài. Khi các doanh nghiệp Đài Loan nhập khẩu máy móc, thiết bị tinh vi hiện đại từ nước ngoài, kim ngạch nhập khẩu thường bao gồm phí dịch vụ vận chuyển và lắp đặt khó tách biệt rõ ràng, theo quy định hiện hành, tổng kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị phải chịu thuế nhà thầu nước ngoài 5%, đó là một gánh nặng lớn đối với doanh nghiệp. Do đó các DN Đài Loan đề nghị nên áp một tỷ lệ thuế hợp lý hơn đối với các trường hợp nhập khẩu máy móc thiết bị mà không thể tách bạch rõ ràng phí dịch vụ, và đề

ngiht được miễn thuế GTGT trong trường hợp dịch vụ gắn liền chỉ giới hạn trong một vài ngày. Thứ hai, đối với hoàn thuế GTGT và xử lý phế liệu chế xuất, đề nghị chính phủ Việt Nam giám sát và đẩy nhanh thời gian và quy trình giải quyết về thuế thông qua hệ thống điện tử hóa, để giảm gánh nặng thuế cho các DN.

Về thuế kinh doanh nói chung, những năm gần đây do Việt Nam tăng cường kiểm tra chống chuyển giá, nhiều công ty Đài Loan cũng bị yêu cầu nộp thêm thuế. Nhưng do các công ty Đài Loan chủ yếu gia công cho các thương hiệu quốc tế, mô hình kinh doanh khác hẳn với hầu hết các nhà sản xuất nói chung, lợi nhuận thấp là do mô hình kinh doanh, chứ không phải cố tình chuyển giá trốn thuế. Các DN Đài Loan đề nghị Chính phủ Việt Nam nâng cao mức độ minh bạch và tính hợp lý của tiêu chuẩn kiểm tra chống chuyển giá và đảm bảo thủ tục minh bạch và hợp lý, ký thỏa thuận xác định giá trước với DN, giảm xung đột khi kiểm tra sau này. Về việc kiểm tra thuế và lãi tiền thuế nộp thêm, đề nghị Chính phủ Việt Nam tham khảo kinh nghiệm quốc tế, rút ngắn thời hạn chung về nộp thuế và lãi chậm nộp thuế xuống còn 05 năm, và lãi phạt chậm nộp thuế tính theo mặt bằng lãi suất thị trường trung bình của Ngân hàng trong năm đó.

DN Đài Loan tại Việt Nam chủ yếu đầu tư ngành gia công chế xuất, đóng vai trò liên kết giữa Việt Nam với chuỗi cung ứng toàn cầu, vì vậy, cơ chế đầu tư thương mại thuận tiện, hiệu quả, và kênh liên kết với nước ngoài thông thoáng, sẽ giúp tăng cường sức cạnh tranh về sản xuất và xuất khẩu của các DN Đài Loan tại Việt Nam với quốc tế. Hưởng lợi từ mạng lưới FTA của Việt Nam, làm tăng thể mạnh hoạt động xuất nhập khẩu của DN Đài Loan tại Việt Nam với đối tác thương mại lớn, tuy nhiên thương mại với Đài Loan, vẫn còn nhiều rào cản. Do giữa Đài Loan và Việt Nam không có ký kết FTA, khiến cho DN Đài Loan phải chịu giá thành cao khi phải nhập khẩu các bán thành phẩm và phụ tùng từ Đài Loan, kể cả các mặt hàng do họ sản xuất tại Việt Nam và hàng nông nghiệp, thủy sản của Việt Nam cũng không thể mở rộng xuất khẩu sang Đài Loan, bất lợi cho sự phát triển của thương mại song phương.

Tương tự như vậy, vì chưa ký kết FTA giữa Đài Loan và Việt Nam, nên có nhiều ngành dịch vụ của Việt Nam chưa mở cửa cho Đài Loan, dẫn đến các biện pháp hỗ trợ như chuỗi cung ứng công nghiệp, xúc tiến thương mại, nguồn nhân lực, công nghệ, tài chính, chứng nhận lẫn nhau

và thiết lập các tiêu chuẩn chung đều không thể thực hiện tới nơi tới chốn, nhiều cơ hội trao đổi và hợp tác về nông nghiệp, thủy sản, y tế, sáng chế, khởi nghiệp và dịch vụ thông tin bị giảm hiệu quả đáng kể do thiếu cơ chế hoàn thiện điều hành; đồng thời xua tan ý tưởng đầu tư vào Việt Nam của nhiều ngành dịch vụ mới mẽ như dịch vụ tích hợp hệ thống, sáng chế và khởi nghiệp của DN Đài Loan.

Hướng tới tương lai, DN Đài Loan mong muốn tiếp tục tăng cường sự hợp tác hiện có, đồng thời mở rộng, tăng cường thêm trong các lĩnh vực khác nhau thông qua sự sắp xếp thể chế hóa. Ví như ngành nông nghiệp, thủy sản, ngoài hợp tác riêng về khai thác giống, công nghệ, sinh thái, môi trường, hệ thống, còn mở rộng thêm về khâu sản xuất, gia công, xuất khẩu và tiếp thị, phát triển theo ngành nghề 6 cấp và làm tăng giá trị mặt hàng nông nghiệp, thủy sản của Việt Nam, tăng thu nhập cho nông dân và ngư dân. Về hợp tác y tế, khuyến khích mở rộng mạng lưới hợp tác giữa các bệnh viện Đài Loan và Việt Nam, xây dựng các cơ chế đào tạo y bác sĩ, tăng cường các dịch vụ y tế đặc biệt, đồng thời hợp tác đi vào chiều sâu giữa các công ty dược phẩm và nhà máy sản xuất trang thiết bị y tế giữa Đài Loan và Việt Nam, hỗ trợ Việt Nam nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân Việt Nam nói chung và doanh nhân Đài Loan nói riêng.

Về kinh tế kỹ thuật số, các DN Đài Loan cũng mong muốn được tích hợp các nguồn lực và lợi thế hai bên, đi tới mục đích thu hút công nghệ và các mô hình tiên tiến, đào tạo tài năng sáng tạo, thúc đẩy trong các lĩnh vực mới như mạng internet vạn vật (IoT), ứng dụng di động, phần mềm...đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp của tuổi trẻ Việt Nam, Đài Loan. DN Đài Loan cũng rất sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm, hỗ trợ thiết thực nhằm thỏa mãn các nhu cầu về phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể như cải thiện hệ thống thông tin liên quan lĩnh vực thuế, hải quan, xét duyệt đầu tư, thống kê khảo sát... nâng cao hiệu quả quản lý hành chính tại Việt Nam; đồng thời hướng tới hợp tác các ngành nghề mới như : giao thông thông minh, thành phố thông minh, hải quan điện tử, chính phủ điện tử, trường học thông minh...hợp sức xây dựng mô hình mẫu, một mặt giúp Việt Nam rút ngắn khoảng cách về kỹ thuật số; mặt khác thông qua sự hợp tác cùng chia sẻ cơ hội kinh doanh về kỹ thuật số.

Tình hữu nghị của DN Đài Loan dành cho Việt Nam luôn chung thủy, bất kể môi trường kinh tế đối ngoại có nhiều thay đổi, đặc biệt là

qua thử thách của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, và thậm chí sau sự kiện 513 trong năm 2014, DN Đài Loan vẫn cố gắng bám trụ, hội nhập hơn nữa vào nền văn hóa địa phương, bén rễ tại VN. Và tin chắc rằng, mối quan hệ hữu nghị này sẽ càng tiếp tục sâu đậm hơn dưới giao lưu kinh tế thương mại, xã hội giữa Việt Nam và Đài Loan. Doanh nhân Đài Loan đã coi VN là quê hương thứ hai, và mong muốn đền đáp, thực hiện trách nhiệm xã hội, tham gia hoạt động từ thiện, chăm lo phúc lợi công đồng, góp một phần sức lực xây dựng xã hội tốt đẹp hơn cùng với chính phủ Việt Nam ; Cùng lúc đó, doanh nhân Đài Loan cũng mong muốn Chính phủ Việt Nam xem họ như là một thành viên trong đại gia đình Việt Nam, hỗ trợ họ vượt qua các rào cản về đầu tư và kinh doanh, như xây dựng cơ chế thẩm tra trước biểu thuế hải quan, thủ tục thông quan công khai minh bạch và có tính xác định cao; đơn giản hóa thủ tục thẩm duyệt đầu tư nước ngoài, đẩy nhanh thời gian cấp phép; cho phép ngành dịch vụ tài chính phụ trợ thiết lập nhiều điểm kinh doanh tại các thành phố lớn, tiện cho các DN tiếp cận; Trên cơ sở nghiên cứu chung về ECA giữa Đài Loan và Việt Nam hiện có, triển khai các cuộc thảo luận tiếp theo, loại bỏ rào cản thương mại và đầu tư song phương; và cập nhật thỏa thuận bảo hộ đầu tư Đài Loan-Việt Nam, đảm bảo DN Đài Loan được đối xử công bằng và an toàn tính mạng và tài sản, qua đó thu hút càng nhiều DN Đài Loan đến Việt Nam đầu tư, tạo điều kiện cho DN Đài Loan bén rễ lâu dài, phát triển bền vững tại Việt Nam.

Phần I: Tình hình chung

I. Nguồn gốc

Từ những năm 1980, các công ty Đài Loan bắt đầu đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Cùng với sự gia tăng đầu tư, các hội doanh nghiệp Đài Loan ở các nước được thành lập. Tháng 9 năm 1994, Tổng hội liên hiệp các doanh nghiệp Đài Loan thế giới được thành lập, nhằm đoàn kết sức mạnh của các hội thương gia các nước, dưới Tổng hội còn có 6 Tổng hội khu vực, đó là Tổng hội châu Á, châu Âu, Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ, Châu Đại Dương và Châu Phi, phân bố tại 73 quốc gia và khu vực, với 189 hội theo vùng, và hơn 40.000 công ty thành viên, đây là một đoàn thể dân sự thế giới được các giới coi trọng. Được thành lập với tôn chỉ mục đích là nâng cao vị thế quốc tế của DN Đài Loan, bảo vệ quyền lợi DN Đài Loan tại các nước đầu tư, đồng thời đóng vai trò nhịp cầu giao lưu giữa nước đầu tư với Đài Loan, hỗ trợ xây dựng mối quan hệ đối tác toàn diện.

Cùng với việc đầu tư đi vào chiều sâu, nhiều doanh nhân Đài Loan đã quyết định bén rễ tại nước đầu tư, biến tha hương thành quê hương, và cho ra đời thế hệ thứ hai... Thế hệ mới này có hiểu biết sâu rộng đối với nền văn hóa của nước đầu tư và văn hóa Đài Loan, được giáo dục tốt và có thể nói nhiều ngôn ngữ, đây là nguồn nhân lực quý giá chung của nước đầu tư và Đài Loan.

DN Đài Loan tỏ ra tích cực nhất khi đầu tư vào các nước láng giềng châu Á. Giữa những năm 1980, chính phủ Việt Nam áp dụng chính sách đổi mới, ban hành "Luật Đầu tư nước ngoài", thu hút được nhiều doanh nhân Đài Loan, và trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Và nguồn vốn này tiếp tục gia tăng, kích hoạt một làn sóng đầu tư mới sau khi Hiệp định TPP (Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương) được khởi động đàm phán, theo thống kê chính thức, DN Đài Loan chiếm khoảng 10% tổng mức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, nhưng nếu tính cả đầu tư gián tiếp từ nước thứ ba, thì tỷ lệ đầu tư thực tế cao hơn nhiều. Ước tính sơ bộ có đến 4.000 doanh nghiệp Đài Loan, với hơn 50.000 người có mặt tại Việt Nam, có đóng góp to lớn về thúc đẩy phát triển các ngành nghề, giải quyết công ăn việc làm và góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

Đầu tư của DN Đài Loan tại Việt Nam khác với các nhà đầu tư nước ngoài đến từ châu Âu, Mỹ ở chỗ, vì hơn 80% trong số họ là thuộc ngành chế tạo và gia công, chiếm hơn 15% trên tổng vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này tại Việt Nam. Đầu tư của DN Đài Loan đã góp phần mở trang đầu cho công nghiệp hóa ở Việt Nam, là điểm khởi đầu hướng tới một xã hội giàu đẹp. Với gia công sản xuất cho các thương hiệu quốc tế là chính, DN Đài Loan không chỉ mang về nguồn thu ngoại tệ cho Việt Nam, tạo ra 1,4 triệu công ăn việc làm cho người dân địa phương, đào tạo đội ngũ nhân lực kỹ thuật và quản lý xuất sắc. Dưới sự đầu tư và nỗ lực của DN Đài Loan, đội ngũ Việt Nam có tay nghề cao ngày một tăng lên, chuỗi ngành nghề ngày một hoàn thiện, không chỉ góp phần làm giảm nhu cầu nhập khẩu, mà còn tạo một nền tảng tốt để thu hút nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư tại Việt Nam trong tương lai.

Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, người dân cần cù thông minh, những năm gần đây, Nhà nước vừa tích cực đẩy mạnh chính sách cải cách đối nội, vừa thúc đẩy liên kết thương mại với quốc tế, có tiềm năng đầu tư chiều sâu. Việt Nam liên tục được thăng hạng theo tiêu chí kinh doanh trên thế giới đã chứng tỏ điều đó.

Dựa trên mối quan hệ thương mại chặt chẽ giữa Đài Loan- Việt Nam, mối quan hệ thân thiết giữa người dân hai bên, doanh nhân Đài Loan đã xem Việt Nam là quê hương thứ hai của họ. Tổng hội các DN Đài Loan Thế giới, Tổng hội các DN Đài Loan châu Á và Tổng hội các DN Đài Loan Việt Nam (dưới đây gọi chung là Hiệp hội DN Đài Loan) phát hành một ấn phẩm đặc biệt “ Sách trắng về đầu tư kinh doanh của DN Đài Loan tại Việt Nam”, một mặt hướng ứng chính sách tại nghị quyết số 35/NQ-CP ban hành vào tháng 5/2016, tạo cục diện ba bên cùng thắng giữa chính phủ, người dân Việt Nam và nhà đầu tư Đài Loan – những doanh nghiệp tạo cơ hội việc làm cho người dân Việt Nam nhiều nhất, mặt khác, cũng hy vọng thông qua kinh nghiệm thực tiễn của DN Đài Loan đầu tư tại Việt Nam, gửi tới chính phủ Việt Nam các kiến nghị tham khảo về cải cách hành chính, đổi mới thể chế, tháo gỡ vướng mắc về quy định pháp luật, nhằm góp phần tối ưu hóa môi trường kinh doanh, thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế; đồng thời bổ sung thế mạnh cho nhau, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong tương lai, đi tới mục tiêu hỗ trợ lẫn nhau, cùng lớn mạnh, phát triển cùng có lợi trên các ngành nghề mới..

II. Giao lưu về kinh tế thương mại và văn hóa

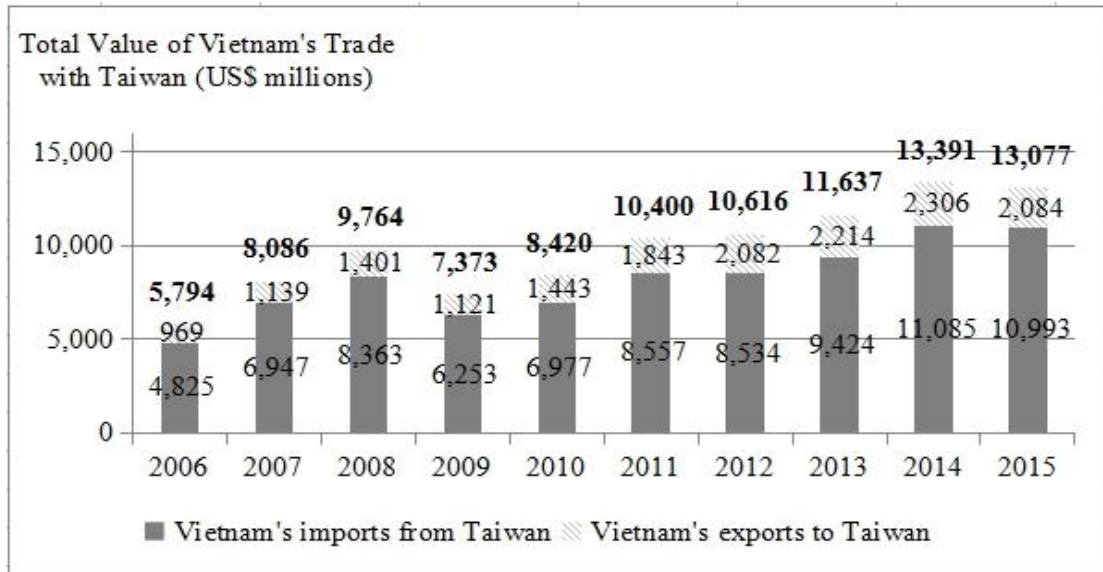
giữa Đài Loan và Việt Nam

Bắt đầu từ những năm 1980, cùng với sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng ở Đài Loan, nhà sản xuất bắt đầu phải đối mặt với các vấn đề như : sự tăng giá của đồng Đài tệ (TWD), lao động, đất đai và chi phí sản xuất khác, đã chuyển hướng tăng dần các hoạt động đầu tư ra nước ngoài sau đó, để tìm ra một địa điểm sản xuất mới. Đúng lúc đó, năm 1986, Chính phủ Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, và bắt đầu thu hút nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư, do khoảng cách địa lý không xa, văn hóa, phong tục và đặc tính cần cù, ôn hòa của người dân có nhiều điểm tương đồng, nên DN Đài Loan bắt đầu đến Việt Nam đầu tư vào năm 1989, và trở thành nguồn vốn ngoại lớn nhất tại Việt Nam trong vòng 20 năm qua. Tính đến năm 2016, có 2.509 dự án của Đài Loan đầu tư tại Việt Nam, với tổng vốn 31,5 tỷ USD, nếu tính gộp số vốn mà Đài Loan thông qua nước thứ ba chuyển đến đầu tư tại Việt Nam như: Trung Quốc đại lục, Singapore, Samoa, British Virgin Islands..., thì số vốn đầu tư thực tế sẽ cao hơn nhiều so với thống kê chính thức của Việt Nam.

Tháng 3 năm 1991, Hiệp hội phát triển ngoại thương Đài Loan thiết lập văn phòng thương vụ tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, và Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc của Đài Loan lần lượt ra mắt tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 11 năm 1992. Đến tháng 7 năm 1993, Việt Nam thành lập Văn phòng Kinh tế và Văn hóa tại Đài Bắc, mở ra cục diện mới cho hoạt động giao lưu kinh tế và thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam, hai bên đã ký kết hơn 30 thỏa thuận song phương quan trọng, trong đó có thỏa thuận bảo hộ đầu tư, thỏa thuận tránh đánh thuế hai lần, thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản, thỏa thuận cử và tiếp nhận lao động Việt Nam. Đến nay, đã có khoảng 180.000 người lao động Việt Nam làm việc tại Đài Loan, trong đó hơn 88% làm việc tại các nhà máy sản xuất, đặc biệt là ngành đúc kim loại, máy móc thiết bị, nhựa và dệt may... và là nguồn lao động nước ngoài chủ yếu trong ngành công nghiệp Đài Loan. Người Việt xuất khẩu lao động sang Đài Loan, chẳng những mang về số lượng lớn ngoại tệ lớn cho nước nhà, đồng thời có cơ hội học hỏi kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm sản xuất quản lý, và quay về khởi nghiệp tại quê nhà hoặc phục vụ cho DN trong nước.

Cùng với sự gia tăng đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam, đã thắt chặt thêm mối liên kết sản xuất đôi bên, và Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi ngành nghề sản xuất của Đài Loan ở khu vực Đông Nam Á và toàn cầu, tạo nên tam giác quan hệ thương mại chặt chẽ giữa Đài Loan - Việt Nam – các nước Âu Mỹ, chính do mối quan hệ đầu tư và phân công này đã đưa kim ngạch thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam có xu hướng tăng ổn định (xem biểu đồ 1), và là chủ đạo cho hình thái thương mại song phương. Đài Loan là đối tác thương mại lớn thứ năm và đối tác nhập khẩu lớn thứ tư của Việt Nam vào năm 2015, với kim ngạch nhập khẩu từ Đài Loan lên tới 11 tỷ USD và xuất khẩu sang Đài Loan là 2,1 tỷ USD, giữa nhập khẩu và xuất khẩu có khoảng chênh lệch không nhỏ.

Nguyên nhân nhập siêu từ Đài Loan chủ yếu do phân công trong chuỗi ngành nghề sản xuất toàn cầu mà ra. Dù trong quá trình đầu tư, Đài Loan luôn cố gắng khai thác nguồn cung ứng, sản xuất và giải quyết công ăn việc làm cho địa phương, nhưng trước khi hình thành được hệ thống chuỗi cung ứng ngành nghề và các biện pháp hỗ trợ đầy đủ như giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, thì DN Đài Loan vẫn còn phải nhập khẩu nhiều loại máy móc thiết bị, công nghệ chủ chốt, nguyên liệu, linh phụ kiện từ Đài Loan, dẫn đến hiện tượng nhập siêu nêu trên. Tuy nhiên, số trang thiết bị và linh phụ kiện nhập khẩu này chủ yếu được dùng vào sản xuất tại địa phương, cuối cùng sẽ làm lợi cho xuất khẩu của các DN địa phương và các DN nước ngoài, mang về nguồn thu ngoại tệ cho Chính phủ Việt Nam. Trong bối cảnh các ngành sản xuất của Việt Nam dần được phát triển, nâng cấp lên, giá trị gia tăng của sản phẩm trung gian cũng có xu hướng tăng lên, từ gia công bán thành phẩm trước kia, nay là các sản phẩm điện tử và linh kiện (chủ yếu là chip IC), nguyên liệu nhựa và các sản phẩm nhựa, xăng, dầu diesel, máy móc thiết bị và phụ tùng dùng trong sản xuất, gang thép, sản phẩm dệt trung nguồn và thượng nguồn, pin mặt trời và bo mạch in... Mặt khác, do chưa ký FTA song phương, khiến cho các sản phẩm có sức cạnh tranh cao của Việt Nam, đặc biệt là mặt hàng nông sản, thủy sản và thực phẩm chế biến không thể xuất sang thị trường Đài Loan do hàng rào thuế quan cao, làm cho xuất khẩu của Việt Nam sang Đài Loan không thể tăng nhanh được, đó cũng là một trong những lý do khiến cán cân thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan phát triển thiếu cân bằng.



Nguồn tư liệu: Kho dữ liệu UN Comtrade.

Biểu đồ 1 Tổng kim ngạch thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam đối với Đài Loan trong giai đoạn năm 2006-2015

Việt Nam và Đài Loan ngoài mối quan hệ thương mại chặt chẽ, đồng thời cũng tạo dựng lên mối giao lưu thân thiết về mặt văn hóa xã hội. Chính các mối quan hệ gần gũi, tìm hiểu sâu sắc nên trên, với cá tính dịu dàng, hiền thực của phụ nữ Việt Nam, văn hóa và phong tục tập quán cũng có nhiều điểm tương đồng, giống như cùng ăn Tết Nguyên đán, rằm tháng bảy, Tết Trung Thu có tập tục ăn bánh trung thu, cơm là thức ăn chính và có thói quen dùng dưa v.v..., Việt Nam đã trở thành nước có con rể Đài Loan nhiều thứ hai. Tính đến cuối năm 2016, gần 100.000 người Đài Loan kết hôn với người Việt, chiếm khoảng 20% cặp vợ chồng lấy người nước ngoài tại Đài Loan. Theo ông Đỗ Tiến Sâm, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Trung Quốc thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, phụ nữ Việt Nam lấy chồng người Đài Loan là xu hướng toàn cầu hóa, bao gồm cả sự lưu chuyển của nguồn vốn, công nghệ và nhân lực, cũng là sự thể hiện chính sách mở cửa của Việt Nam.

¹Trong những năm gần đây, các mô hình hôn nhân Đài Loan - Việt Nam đã thay đổi, trước kia chủ yếu là phụ nữ Việt gả sang Đài Loan, song do đầu tư kinh doanh của Đài Loan tại Việt Nam ngày càng tăng,

¹ Hứa Văn Đường (2014), “Nhìn lại và phân tích quan hệ song phương Đài Loan-Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế Đài Loan xuất bản hàng quý, quyển 10, kỳ 3, trang 75-111, mùa thu năm 2014. <http://www.tisanet.org/quarterly/10-3-4.pdf>.

các nhà quản lý Đài Loan có mặt lâu dài ở địa phương, đã có nhiều bạn trẻ Đài Loan tìm được bạn đời tại Việt Nam, và quyết định bén rễ tại đây.

Với sự gia tăng về số lượng vợ người Việt, dần dần hình thành một cộng đồng mới tại Đài Loan, để giảm bớt sự cô đơn và lạ lẫm khi mới sang Đài Loan, đồng thời hỗ trợ họ thiết lập mối quan hệ bạn bè tại nơi mới họ sinh sống, các huyện và thành phố ở Đài Loan đã thành lập “Câu lạc bộ di dân mới”, tổ chức một loạt các khóa học và sinh hoạt để giúp vợ/chồng người nước ngoài học tiếng Trung, tìm hiểu về văn hóa Đài Loan, thói quen ăn uống, và thậm chí đào tạo lực lượng thông dịch viên v...v..., với mong muốn quan trọng là giúp đỡ những Việt kiều này tìm được cảm giác quen thuộc như quê nhà, kết bạn với nhau và chia sẻ các câu chuyện của cuộc sống, mở đầu một cuộc sống mới tại Đài Loan một cách thuận lợi.

Bên cạnh đó, trẻ em ra đời do hôn nhân Đài- Việt cũng tăng qua các năm, có 85.000 em đang trong độ tuổi học sinh cấp I và cấp II, chiếm 40% tổng số cư dân trẻ mới của Đài Loan, trong tương lai gần nhất, số người sử dụng tiếng Việt tại Đài Loan có thể vượt qua tất cả các ngôn ngữ bản địa, trở thành ngôn ngữ lớn thứ tư tại Đài Loan.²

Ngoại trừ lao động Việt Nam có phối ngẫu đến định cư do quan hệ hôn nhân, còn có một số lượng lớn sinh viên đến Đài Loan du học. Nhiều bạn thời trẻ từng qua tiếp xúc, để lại ấn tượng sâu sắc đối với môi trường văn hóa và xã hội Đài Loan,³ số sinh viên quốc tịch Việt mong muốn đến hoặc ở lại tiếp tục nghiên cứu học tập tại Đài Loan, tăng hơn 10 lần từ 400 người năm 2006 lên hơn 4.774 người vào năm 2016. Trong năm 2016, có hơn 3.100 sinh viên Việt theo học đại học, và hơn 1.600 người chuyên tu tiếng Trung tại Đài Loan.

Với sự giao lưu và hội nhập giữa văn hóa Đài Loan-Việt Nam ngày thêm sâu sắc, nền văn hóa và ẩm thực Việt Nam ngày càng trở nên phổ biến tại Đài Loan, và những bài giới thiệu về món ăn ngon nổi tiếng bắt đầu xuất hiện trên blog và trang web. Bên cạnh đó, ngày càng nhiều sinh

² Huỳnh Trí Phương: Tiếng Việt có khả năng trở thành ngôn ngữ thông dụng thứ 4 tại Đài Loan. Tin tức tài chính của Ettoday. <http://www.ettoday.net/news/20160815/755930.htm#ixzz4VY4OZyFk> (Ngày xem gần nhất: 12/1/2017)

³ 「“Học sinh rất muốn đến Đài Loan học tập” giáo viên Việt nam: Hy vọng chính sách hướng Nam mới tạo cơ hội. Trang tin tức và đời sống của ETtoday , <http://www.ettoday.net/news/20160812/754193.htm#ixzz4VY572Di3> (Ngày xem gần nhất: 12/1/2017)

viên Đài Loan bắt đầu học tiếng Việt, và chọn Việt Nam làm điểm đến của chuyến đi du lịch hoặc làm việc. Tin rằng với trao đổi thương mại và văn hóa song phương sâu sắc hơn nữa, mối quan hệ liên kết trong tương lai sẽ càng thêm chặt chẽ.

III. Môi trường kinh doanh tổng thể của Việt nam

1. Nền kinh tế phát triển đi lên và ổn định

Sau năm 2013, những tác động của vấn đề TPP và cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế lắng dịu, nền kinh tế toàn cầu dần dần phục hồi, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam từ 5,42 % tăng lên 6,68%, GDP đạt mức cao kỷ lục, với con số 193,6 tỷ USD vào năm 2015 (bảng tham chiếu 2). GDP bình quân đầu người tăng ổn định trong các năm 2006-2015 do hưởng lợi từ đổi mới kinh tế và mở cửa cho người nước ngoài vào đầu tư, dự kiến sẽ vượt hơn 2.000 USD vào năm 2016. Đến năm 2016, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng thiên tai (như hạn hán ở đồng bằng trung bộ và xâm nhập mặn của ven biển Nam bộ), cùng với nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chủ lực nói riêng và nền kinh tế quốc tế nói chung còn yếu, do đó tốc độ tăng trưởng GDP thấp hơn 6,7% so với dự kiến, song vẫn giữ được ở mức 6.21%, là một điều không dễ dàng.⁴

⁴ “ Điểm sáng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2016 và trọng tâm thực hiện năm 2017”, website dịch vụ danh nghiệpĐL toàn cầu của Bộ Kinh tế.
<http://twbusiness.nat.gov.tw/countryNews.do?id=367722525&country=VN> (Ngày xem gần nhất : 18/1/2017)



Ghi chú : Số liệu năm 2016 là con số dự kiến do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố .

Nguồn tư liệu : IMF World Economic Outlook Database, Oct. 2016.

Biểu đồ 2 Tăng trưởng GDP và kinh tế Việt Nam

trong giai đoạn từ năm 2006-2016

Giữa các năm 2010-2012, Việt Nam trải qua thời kỳ lạm phát nghiêm trọng, đồng tiền bị mất giá, nền kinh tế và xã hội rơi vào khủng hoảng, nhiều DN nước ngoài hoãn đầu tư với thái độ xem xét. Tuy nhiên, sau đó Chính phủ Việt Nam đã áp dụng một loạt các biện pháp đổi mới và khôi phục, đã kiểm soát lại giá cả trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017, được các tổ chức quốc tế quan trọng đánh giá ở mức lạc quan thận trọng. Tháng 10 năm 2016 Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2017 đạt mức 5,1%, và các cơ quan dự báo kinh tế lớn khác như Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asian Development Bank), Global Insight và Ngân hàng Thế giới (World Bank) v.v.. đã dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2017 lên tới 6,2-6,3%.

Nhìn về bức tranh phát triển kinh tế của Việt Nam sắp tới, thách thức chính sẽ cải thiện sức khỏe nền kinh tế và điều chỉnh cơ cấu ngành. Cải thiện sức khỏe nền kinh tế bao gồm: phải kiểm soát lạm phát một cách hiệu quả, giảm thâm hụt thương mại, đẩy mạnh cải cách DN nhà nước và hệ thống tài chính, để tăng cường sự ổn định của nền kinh tế tổng thể; điều chỉnh cơ cấu ngành là tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư , thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành sản xuất công nghệ cao, cũng như phát triển

các ngành dịch vụ hiện đại, nhằm bơm động lực mới cho sự phát triển kinh tế.

2. Liên tục mở cửa và hội nhập quốc tế.

Kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007, tích cực thúc đẩy các chính sách mở cửa, đã hoàn thành việc ký kết FTA với các đối tác thương mại quan trọng như Trung Quốc đại lục, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nga, Liên minh châu Âu, đồng thời tích cực tham gia TPP, khiến cho mạng lưới FTA của Việt Nam ngày càng hoàn chỉnh, thu hút nhiều nguồn vốn nước ngoài.

Mặc dù thời gian mở cửa không lâu, nhưng chính phủ Việt Nam khá tích cực tham gia hội nhập kinh tế khu vực, cải thiện môi trường kinh doanh đáng kể. Mạng lưới FTA hoàn thiện giúp cho Việt Nam thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài, các DN nước ngoài không chỉ thiết lập dây chuyền sản xuất tại Việt Nam, được hưởng mức thuế xuất khẩu ưu đãi của nước FTA, qua đó nâng cao sức cạnh tranh về giá sản phẩm trên thị trường quốc tế, điều này cho thấy môi trường kinh doanh tổng thể, cơ chế pháp lý của Việt Nam thông qua số lượng và chất lượng ký kết FTA, ngày càng tiếp cận với chuẩn mực quốc tế và thúc đẩy hơn nữa nhiều khía cạnh cải cách trong nước. Mặc dù hiệu lực TPP chịu ảnh hưởng phần nào do Mỹ rút lui, nhưng vẫn còn nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã đến giữ chỗ với tầm nhìn lạc quan về nguồn lợi cơ bản từ mạng lưới FTA của Việt Nam, Việt Nam mặc nhiên trở thành tâm điểm ưu tiên đầu tư của nhiều công ty đa quốc gia.

Ngoài ra, để thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Chính phủ Việt Nam đã từng bước sửa đổi luật và quy định đầu tư liên quan, để cải thiện môi trường đầu tư trong nước, gồm có Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Phá sản và pháp luật mới về nhà ở và Luật kinh doanh bất động sản.... Hội Doanh nghiệp Đài Loan bày tỏ cảm ơn chân thành và công nhận những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam, mong muốn chính phủ tiếp tục tăng cường chính sách mở cửa, tăng cường triển khai mạng lưới FTA, để tạo ra một môi trường đầu tư tốt hơn và thúc đẩy nền kinh tế và công nghiệp của Việt Nam phát triển.

3. Doanh nghiệp nước ngoài liên tục tăng vốn đầu tư

Kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO, thông qua mở cửa thị trường, từng bước hội nhập vào hệ thống thương mại toàn cầu, đồng thời thu hút một lượng lớn nguồn vốn nước ngoài. Giai đoạn 2013-2016, Việt Nam mỗi năm thu hút hơn 20 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt đã mời gọi thành công các công ty IT tầm cỡ thế giới như Samsung, Nokia và LG vào Việt Nam đầu tư trong năm 2014, và công ty Hồng Hải của Đài Loan cũng mở rộng việc đầu tư tại Việt Nam vào năm 2016.

Nhìn chung, môi trường đầu tư của Việt Nam rất có sức hút với các doanh nghiệp nước ngoài, theo phân tích của các tổ chức quốc tế như: “môi trường kinh doanh toàn cầu” do Ngân hàng Thế giới công bố,⁵ “Báo cáo đầu tư thế giới năm 2016” (World Investment Report 2016) của Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (United Nations Conference on Trade and Development, UNCTAD),⁶ “Bản tuyên bố về môi trường đầu tư” (Investment Climate Statements 2016) do Bộ Ngoại giao Mỹ đã đưa ra, “Châu Á kinh doanh Khảo sát Outlook 2016” (Asia Business Outlook Survey 2016) do The Economist (The Economist) xuất bản,⁷ thì sức thu hút đầu tư của Việt Nam bao gồm (1) Chính trị và an ninh trật tự tương đối ổn định; (2) tài nguyên thiên nhiên dồi dào; (3) chính phủ tích cực phát triển kinh tế, mạng FTA hoàn chỉnh; (4) sự tăng trưởng của thị trường trong nước có tiềm năng lớn, và (5) chi phí lao động vẫn còn rẻ và dồi dào.

Việt Nam với mạng FTA hoàn chỉnh, với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và lực lượng lao động trẻ dồi dào, có sức hấp dẫn rất mạnh đối với các DN chế xuất nước ngoài. Chẳng hạn như sau khi Việt Nam công bố tham gia TPP và ký FTA với EU, tạo ra một làn sóng mới thu hút vốn đầu tư nước ngoài, không chỉ thu hút các DN nước ngoài mới hiện diện, kể cả các DN nước ngoài cũ cũng tăng cường đầu tư để mở rộng nhà máy. Ngoài nguồn vốn đầu tư cho ngành gia công xuất khẩu, còn có rất nhiều DN nước ngoài khác nhắm đến đối tượng dân số trẻ Việt Nam có thu nhập khá trong vài năm gần đây và xu hướng chi tiêu tăng lên, dự kiến sẽ trở thành thị trường tiêu dùng mới trên thế giới, đón đầu

⁵ worldbank, 「Doing Business」, <http://www.doingbusiness.org/>

⁶ UNCTAD, 「World Investment Report」, http://unctad.org/en/PublicationsLibrary/wir2015_en.pdf

⁷ The Economist, 「Asia Business Outlook Survey 2016」, http://www.amcham.org.sg/wp-content/uploads/2015/08/ABOS_16_preview.pdf.

bố trí có mặt trong thị trường nội địa Việt Nam. Do đó, nếu Chính phủ Việt Nam kiên trì tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường lợi thế cạnh tranh tổng thể, nâng cao chất lượng lực lượng lao động, chắc chắn sẽ thu hút ngày càng nhiều các công ty nước ngoài chọn Việt Nam là địa điểm đầu tư, tạo nên cục diện thắng lợi chung cho sự phát triển các ngành nghề của Việt Nam và thành quả kinh doanh của DN nước ngoài.

4. Không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh.

Kể từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới từ tháng 12 năm 1986 đến nay, đã liên tục sửa đổi pháp luật, cải thiện môi trường đầu tư, nhằm thỏa mãn các nhu cầu của các DN nước ngoài, chẳng hạn như bốn lần điều chỉnh “Luật Đầu tư nước ngoài” ban hành từ năm 1987, và ban hành “Luật Đầu tư mới” vào năm 2015, chính thức thay thế luật cũ. Dưới sự nỗ lực của chính phủ Việt Nam, cho thấy sức cạnh tranh toàn cầu và môi trường đầu tư của Việt Nam đang dần cải thiện.

Theo “Báo cáo Cạnh tranh Toàn cầu (The Global Competitiveness Index) 2016-2017” do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum, WEF) công bố, Việt Nam đứng thứ 60 trong 138 quốc gia, lên 8 bậc so với 2014-2015, nhưng nếu so với 2015-2016 thì sụt 4 bậc, cho thấy Việt Nam còn phải tiếp tục nỗ lực hơn để duy trì thành tích môi trường kinh doanh; còn theo “Chỉ số tự do kinh tế” (2016 Index of Economic Freedom) từ kết quả khảo sát của Heritage Foundation năm 2016, Việt Nam xếp hạng thứ 131, thăng 17 bậc so với năm trước; Ngoài ra, “Bản báo cáo môi trường kinh doanh năm 2017 (Doing Business)” của Ngân hàng thế giới công bố vào năm 2016, môi trường kinh doanh Việt Nam xếp hạng 82 toàn thế giới, lên 8 bậc so với 2015. Tóm lại, Hội doanh nghiệp Đài Loan khẳng định sự nỗ lực của chính phủ Việt Nam, và vững tin rằng dưới mục tiêu tiếp tục củng cố môi trường kinh doanh của các cơ quan chính phủ, nền kinh tế tổng thể Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Mặc dù khả năng cạnh tranh tổng thể của Việt Nam tiếp tục đi theo xu hướng cải thiện, song vẫn tồn tại một số hạng mục tiến bộ tương đối chậm, đòi hỏi chính phủ Việt Nam quan tâm nhiều hơn, và chúng tôi tin rằng điều đó sẽ mang đến hiệu quả lớn cho việc cải thiện môi trường đầu tư nói chung tại Việt Nam, thu hút nhiều hơn doanh nghiệp nước ngoài khác đến đầu tư. Ví dụ, theo “ Báo cáo Cạnh tranh Toàn cầu 2016-2017 ” của WEF, Việt Nam được xếp hạng 60 theo tiêu chí chung, tuy nhiên có

một phần chỉ số tiêu chí bị sụt giảm, thậm chí bị rớt bậc, điều này đáng chú ý.

Hội doanh nghiệp Đà Loan tiên hành so sánh sự thay đổi về thứ hạng phân mục các tiêu chí của Việt Nam trong hai năm trở lại đây, và đưa ra danh sách các tiêu chí liên quan nhiều đến mức độ trở ngại vướng mắc mà doanh nhân Đà Loan gặp phải khi kinh doanh tại Việt Nam (bảng 1), kết quả cho thấy những trở ngại trong kinh doanh các doanh nghiệp Đà Loan thường phản ánh cũng chính là các tiêu chí bị đánh giá thấp khảo sát đánh giá của các tổ chức quốc tế, mặc dù đại đa số các phân mục đều cải thiện hơn năm trước, nhưng hàng rào phi thuế quan đối với thương mại (hạng thứ 108) và quy trình thông quan (hạng thứ 103), bị sụt giảm 8 và 13 bậc, không những chỉ xếp hạng 100 trong tổng số 138 quốc gia, mà sự cải thiện rất khiêm tốn, dẫn tới hậu quả bị sụt hạng nói chung. Trở ngại thường gặp trong quy trình thông quan, cũng là vấn đề được khá nhiều doanh nghiệp Đà Loan phản ánh. Ví dụ, do cán bộ hải quan không thông suốt pháp luật liên quan hoặc nhập nhằng giữa quy định cũ và mới, dẫn tới sự hiểu lầm khi xác định, dẫn đến làm chậm quy trình thông quan, gây thiệt hại kinh doanh. Hoặc do các tiêu chuẩn kiểm tra kiểm dịch không hoàn toàn công khai, phải qua cán bộ Hải quan giải thích hoặc nhận xét thực hiện theo chủ quan, kinh nghiệm thông quan thành công cũ không còn phù hợp, khiến quy trình khai báo hải quan và thông quan hàng hóa không rõ ràng, không chỉ gây phiền nhiễu cho doanh nghiệp, mà còn kéo dài thời gian sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường của các doanh nghiệp, đồng thời gây ấn tượng xấu về hiệu quả hành chính thấp của cơ quan Hải quan Việt Nam, làm giảm năng suất tổng thể và khả năng cạnh tranh của Việt Nam.

Bên cạnh đó, tần suất và tiêu chuẩn kiểm toán tài chính (xếp hạng 122), lành mạnh tài chính (117), số ngày cấp phép kinh doanh (103), chất lượng cơ sở hạ tầng tổng thể (85), năng lực cung cấp dịch vụ chất lượng cao và chuyên nghiệp trong nước (110), cũng như môi trường kinh doanh (bao gồm cả chất lượng của các nhà cung cấp trong nước) (109), chiều rộng chuỗi giá trị doanh nghiệp (112) vẫn cần cải thiện. Ví dụ, việc cung cấp điện khó đảm bảo trong mùa khô do ngành điện lực chủ yếu dựa trên nguồn thủy điện, hiện tượng cả nước thiếu điện khá phổ biến; tốc độ mạng internet chậm và không ổn định, cũng làm tăng giá thành kinh doanh. Mặc dù Việt Nam là nước có lực lượng lao động trẻ và dồi dào, song lại thiếu thốn đội ngũ kỹ thuật và công nhân lành nghề, khó đáp ứng

nhu cầu tuyển dụng của đa số DN có vốn nước ngoài trong những năm gần đây. Và chuỗi công nghiệp phụ trợ chưa hoàn chỉnh, cũng là khó khăn phổ biến nhất mà các công ty nước ngoài phải đối mặt.

Một số lượng đáng kể DN Đài Loan đã đến đầu tư tại Việt Nam ngay từ khi bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa, họ chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế, tiên bộ, cũng như nỗ lực trong đổi mới kinh tế của Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đều cảm nhận được các khâu tiến độ còn chậm. Với tâm nguyện thúc đẩy tiến trình đổi thay của Việt Nam nhanh chóng hơn, qua bộ sách trắng này, DN Đài Loan chân thành phản ánh tâm tư nguyện vọng và kinh nghiệm qua nhiều năm kinh doanh tại Việt Nam, hy vọng Việt Nam có thể đi xa hơn trong tương lai. Nếu Chính phủ Việt Nam tập hợp các kiến nghị của các doanh nghiệp nước ngoài, kiên trì cải tiến khắc phục, chắc chắn sẽ nâng cao thứ hạng bình xét đánh giá chung của Tổ chức kinh tế quốc tế về Việt Nam, đồng thời tăng khả năng thu hút đầu tư nước ngoài. Doanh nhân Đài Loan hy vọng chính phủ Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh tốc độ và chiều sâu cải cách, chúng tôi tin rằng khả năng cạnh tranh quốc tế nói chung của Việt Nam sẽ mạnh hơn nữa trong tương lai.

Bảng biểu 1 Tiêu chí cạnh tranh Toàn cầu của Việt Nam, có một số tiêu chí và xếp hạng sau đây cần được cải tiến liên tục

Tiêu chí	Xếp hạng 2016 -2017	Xếp hạng 2015-2016	Thay đổi thứ hạng 2016-2017
Xếp hạng chung	60	56	-4
Tần suất và tiêu chuẩn kiểm toán tài chính	122	130	+8
Lành mạnh tài chính	117	124	+7
Quy trình thủ tục cấp phép kinh doanh	116	116	0
Chiều rộng chuỗi giá trị doanh nghiệp	112	109	-3
Năng lực cung cấp dịch vụ chất lượng cao và chuyên nghiệp trong nước	110	111	+1
Chất lượng nhà cung cấp trong nước	109	105	-4
Rào cản thương mại phi thuế quan	108	100	-8
Trình độ tin dùng của giám đốc chuyên nghiệp	106	109	+3
Chi phí ngoại lệ và hối lộ	104	106	+2

Giá thành cắt giảm nhân lực (tính bằng lương hàng tuần)	104	108	+4
Số ngày cấp phép	103	119	+16
Quy trình thông quan	103	90	-13
Chất lượng giao thông	89	93	+4
Mức độ minh bạch khi xây dựng chính sách qui định của nhà nước	88	89	+1
Chất lượng vận tải hàng không	86	75	-11
Chất lượng cơ sở hạ tầng tổng thể	85	99	+14
Sự ổn định của cung cấp điện	85	87	+2
Cung cấp nguồn nhân lực khoa học, công trình	84	75	-9
Thuế suất chung (% trên lợi nhuận)	75	86	+11
Đào tạo tại chức	70	73	+3

Ghi chú 1 : Có tổng cộng 140 nước được xếp hạng từ năm 2015-2016; và có 138 nước được xếp hạng từ năm 2016-2017.

Ghi chú 2 : Các tiêu chí có nền màu xám là cản ngại trong kinh doanh được nhiều doanh nhân Đài Loan phản ánh.

Nguồn : WEF *Global Competitiveness Report 2016-2017* và *Global Competitiveness Report 2015-2016*.

Phần II. Những vấn đề được doanh nghiệp Đài Loan quan tâm và một số kiến nghị

I. Khát quát tình hình và đặc điểm doanh nghiệp Đài Loan đầu tư tại Việt Nam

1. Doanh nghiệp tiên phong

Theo số liệu của Ủy ban thống kê đầu tư nước ngoài của Đài Loan, nguồn vốn đầu tiên của doanh nhân Đài Loan vào Việt Nam bắt đầu từ năm 1964, song mãi đến năm 1988, Việt Nam mới có hệ thống pháp quy và thống kê hoàn chỉnh về đầu tư, do đó, số liệu thống kê chính thức Việt Nam về đầu tư Đài Loan bắt đầu từ năm 1989. Ngay từ đó, đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam tăng dần theo năm tháng, tính đến trước năm 2010, Đài Loan là nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam, đủ để chứng tỏ tinh thần mạnh dạn khai sáng, không ngại gian khổ của DN Đài Loan.

Theo số liệu thống kê đầu tư nước ngoài của Cục Thống kê quốc gia Việt Nam, trong khoảng thời gian từ năm 1988 đến cuối năm 2016, có tổng số 2.509 dự án do các công ty Đài Loan đầu tư (bao gồm cả mới và thoái vốn), đứng thứ ba các nước, vốn đầu tư lên tới 31.568.960.000 USD, xếp thứ 4 các nước, chiếm 10,77 % tổng vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều công ty Đài Loan do cân nhắc về chiến lược bố cục phân bổ toàn cầu hoặc các vấn đề về thuế, không dùng danh nghĩa công ty mẹ ở Đài Loan, mà thông qua nước thứ ba như Trung Quốc đại lục, Singapore, British Virgin Islands, Samoa...đến đầu tư tại Việt Nam. Do đó, với “các DN Đài Loan” mang ý nghĩa khái quát trên, số vốn đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam sẽ càng ấn tượng hơn.⁸

Nếu xét về khu vực phân bổ vốn đầu tư của DN Đài Loan tại Việt Nam, theo thông tin của Hội Phát triển Ngoại thương Đài Loan, doanh nghiệp Đài Loan đầu tư khắp 48 tỉnh thành, chủ yếu tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Đồng Nai, Bình Dương⁹, chiếm 70-80% tổng vốn đầu tư của DN Đài Loan. Dưới sự đầu tư chiều sâu và bố trí chuỗi ngành cung ứng, DN Đài Loan góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế và công nghiệp của các tỉnh thành, thu hút ngày càng nhiều công ty nước ngoài vào đầu tư. Trong những năm gần đây, địa chỉ đầu tư của Đài Loan đa dạng hơn, mở rộng dần về khu vực phía Bắc và miền trung, dự án đầu tư tại Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh lân cận tăng dần, góp phần thúc đẩy sự phát triển cân đối ở hai miền nam bắc Việt Nam.

Theo quan sát về ngành nghề kinh doanh của DN Đài Loan cho thấy, chủ yếu tập trung vào “Gia công và sản xuất”, chiếm hơn 80% tổng mức đầu tư, tiếp theo là các ngành bất động sản (khoảng 6%), xây dựng (4%), nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (2%), v.v..., và các trường hợp đầu tư còn lại phân bổ trong 15 ngành nghề khác, nhưng chỉ dưới 1% tổng vốn. Trong giai đoạn đầu, “Gia công và sản xuất” của Đài Loan với ngành nghề truyền thống là chính, trong đó, hàng dệt may, giày dép, thực phẩm và nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, máy móc, cơ khí kim loại, cao su, đồ gỗ, và phương tiện vận tải chiếm nhiều nhất. Kinh doanh lâu dài tại Việt Nam, Các DN Đài Loan đã giúp cho xuất khẩu Việt Nam tăng trưởng, tạo ra nguồn dự trữ ngoại hối lạc quan, đồng thời giải quyết nhiều

⁸ Loạt bài sau gọi chung là “ Tổng vốn đầu tư”, căn cứ theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Quốc gia Việt Nam.

⁹ “ Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan”, <http://www.taitraesource.com/total01.asp>, Ngày xem cuối cùng là ngày 8 tháng 3 năm 2017.

công ăn việc làm, đào tạo đội ngũ kỹ thuật và quản lý, xây dựng các chuỗi cung cấp cho các ngành nghề liên quan của Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng tại địa phương, qua đó cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam.

2. Khát quát tình hình đầu tư các ngành nghề quan trọng và thành tích đóng góp tại Việt Nam

(1) Mang về ngoại tệ do xuất khẩu, giải quyết công ăn việc làm

Ngành dệt may và giày dép là hai trong số các ngành nghề phát triển sớm nhất tại Việt Nam, không chỉ thu hút một số lượng lớn dân số làm việc, và cũng là ngành hàng thu nhập ngoại hối lớn nhất vào năm 2010, chiếm hơn 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (Bảng 2), và cũng là hai ngành sáng giá nhất của DN Đài Loan tại Việt Nam. Theo thống kê, Việt Nam hiện nay có khoảng 3.800 DN Dệt may, là nước xuất khẩu lớn thứ năm trên thế giới, với hơn 2 triệu lao động.¹⁰ Trong đó, có hơn 200 DN Đài Loan, chiếm 40% DN nước ngoài.¹¹ Thời gian đầu chủ yếu gia công ở công đoạn và hàng vải cấp thấp, những năm gần đây dần dần mở rộng sang công đoạn cao, đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy quá trình nâng cấp và hoàn thiện chuỗi sản xuất dệt may Việt Nam, không chỉ rút ngắn chuyển giao sản xuất của DN Đài Loan, còn trở thành nhà cung ứng cho DN nước ngoài khác, tăng khả năng cạnh tranh cho ngành dệt may Việt Nam trên thị trường quốc tế. Các công ty nổi tiếng như Viễn Đông Tân, dệt Đài Nam, Phúc Mậu, Nho Hồng, Đắc Lực, Lovetex Industrial Corp, đều mở rộng quy mô đầu tư tại Việt Nam, xây dựng dây chuyền công đoạn khép kín, liên tục mang về nguồn lớn ngoại hối và giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương.

Bảng biểu 2 Sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam

Đơn vị tính : Triệu USD, %

Sản phẩm	1995	2000	2005	2010	2015
Tổng kim ngạch xuất khẩu	5,449	14,483	32,447	72,237	186,837

¹⁰ The International Trade Administration (ITA), 2016 ITA Technical Textiles Top Markets Report, “2016 Top Markets Report Technical Textiles-Country Case Study (Vietnam)”, http://www.trade.gov/topmarkets/pdf/Textiles_Vietnam.pdf

¹¹ The Saigon Times (2009), “Taiwan textile suppliers seek to further penetrate Vietnam”, <http://english.thesaigontimes.vn/Home/business/other/4709/>

(Triệu USD)					
Hàng cấp I	67.2%	55.8%	49.6%	34.9%	23.8%^a
Hàng công nghiệp	32.8%	44.2%	50.4%	65.1%	76.2%^a
Điện thoại và phụ kiện	-	-	0.0%	3.2%	16.1%
Dệt may	14.0%	13.1%	14.7%	15.5%	12.2%
Phụ kiện điện tử, vi tính và phụ kiện vi tính	-	5.4%	4.4%	5.0%	8.4%
Giày dép	5.4%	10.2%	9.4%	7.1%	6.4%
Gỗ và mặt hàng gỗ	-	2.2%	4.8%	4.8%	3.7%

Ghi chú : Bảng a, số liệu năm 2014.

Nguồn : Chính lý và tính trên số liệu thống kê do Cục Thống kê Việt Nam công bố.

https://www.gso.gov.vn/default_en.aspx?tabid=780

Về ngành giày dép, DN Đài Loan đầu tư có quy mô lớn gồm Pou chen, Feng Tay, Fulgent Sun. Trong đó, nhà máy Việt Nam cho năng suất cao nhất trong hệ thống toàn cầu của Pou chen, Feng Tay, chiếm 42% và 53% trong tổng năng suất của hai tập đoàn này; và chiếm 31% trong tổng năng suất của Fulgent Sun, tuy nhiên DN này đang tiếp tục mở rộng quy mô, dự kiến năng suất nhà máy tại Việt Nam và Campuchia sẽ vươn lên chiếm 50% tổng năng suất của Tập đoàn này trong hai năm tới. Pou chen đầu tư vào Việt Nam bắt đầu từ năm 1994, hiện nay có 7 nhà máy đóng tại 5 tỉnh thành với gần 100 dây chuyền sản xuất, tuyển dụng 160.000 lao động địa phương; Feng Tay có hai nhà máy quy mô lớn tại Đồng Nai và Bà Rịa- Vũng Tàu, đang mở rộng thêm quy mô trong thời gian gần đây; còn Fulgent Sun, ngoài nhà máy đóng tại Hưng Yên, đã khánh thành cơ sở mới tại Hải Dương, để tiếp tục phát triển thêm khách hàng mới.

Ngành công nghiệp xuất khẩu quan trọng khác của Việt Nam là đồ gỗ, mặc dù kim ngạch xuất khẩu chưa bằng dệt may và da giày, nhưng vẫn là một trong năm ngành công nghiệp xuất khẩu hàng đầu trong những năm qua, năm 2015 kim ngạch xuất khẩu đạt gần 7 tỷ USD, chiếm 4% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Theo số liệu Hiệp hội Gỗ Và Lâm sản Việt Nam, trong nước hiện có khoảng 2.500 xưởng đồ gỗ, trong đó khoảng 420 DN nước ngoài và phần lớn là DN Đài Loan đóng ở khu vực phía nam như thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương..., '

¹²Và hai nhà sản xuất đồ gỗ nội thất lớn Kaiser và Shing Mark Vina thành lập vào năm 2004, đang đứng đầu bảng tại Việt Nam.

Nhìn chung, các công ty Đài Loan thành lập nhà máy tại Việt Nam ngoài tạo cơ hội việc làm đáng kể cho dân bản xứ và tăng cường dự trữ ngoại hối cho Việt Nam, đồng thời còn du nhập nhiều công nghệ, máy móc thiết bị, kỹ thuật sản xuất và quản lý mới, chẳng hạn như công nghệ dệt sợi Performance và vật liệu giày đặc biệt, thiết bị hiện đại về sản xuất đồ nội thất, đẩy mạnh hợp tác đào tạo nhân lực, hình thành một đội ngũ kỹ thuật cao, đóng góp đáng kể cho việc nâng cao năng suất lao động sản xuất tại Việt Nam.

¹² Văn phòng Hiệp hội Thương Mại tại TP HCM (2009) , Ngành đồ gỗ nội thất Việt Nam , http://hochiminh.taiwantrade.com/news/detail.jsp?id=1030&lang=zh_TW

(2) Cải thiện chuỗi cung ứng công nghiệp địa phương, giảm phụ thuộc nhập khẩu

Chuỗi cung ứng hoàn chỉnh là yếu tố quan trọng khi quyết định thực hiện các bước đầu tư của các công ty đa quốc gia, trong khi đó, do đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam triển khai tương đối sớm, nên có một đóng góp không thể xóa nhòa về cải thiện chuỗi cung ứng công nghiệp của Việt Nam, điều này có thể thấy rõ qua ngành công nghiệp xe máy. Việt Nam là thị trường xe máy lớn thứ tư trên thế giới, trung bình cứ hai người có một chiếc xe máy. Theo thống kê Hiệp hội Các nhà sản xuất xe máy Việt Nam (Vietnam Association of Motorcycle Manufacturers, VAMM), trong năm 2016, hãng Honda, Piaggio, Suzuki, Sanyang (SYM) và Yamaha là 5 thương hiệu xe máy hàng đầu, sản phẩm của họ chiếm hơn 95% thị phần VN, trong đó xe máy Honda chiếm khoảng 70%.

SYM đến xây dựng nhà máy tại Việt Nam bắt đầu vào năm 1992, với nguồn vốn đầu tư 120 triệu USD, đồng thời kéo theo hàng chục cơ sở vệ tinh, giúp cho Đồng Nai trở thành khu vực cung cấp linh kiện xe máy hoàn chỉnh, bao gồm nhà máy cấu kiện đúc, ống xả, giảm xóc, kính chiếu hậu, khung, động cơ, lốp xe, ắc quy, hệ thống dây điện, khuôn mẫu ... chiếm khoảng 50-75% hệ thống cung ứng của địa phương không chỉ thỏa mãn nhu cầu của SYM Việt Nam, đồng thời trở thành nguồn cung cấp phụ tùng cho các hãng Honda, Suzuki, Yamaha và các doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam, là một nhân tố góp phần quan trọng trong tỉ lệ nội địa hóa trên 80% của ngành sản xuất xe máy Việt Nam. Về ngành xe đạp, Đài Loan đến VN đầu tư vào giai đoạn sau năm 1990, hiện có khoảng hơn 30 DN gồm dây chuyền lắp ráp, sản xuất khung xe, phụ tùng và gia công xi mạ, hình thành chuỗi cung ứng đơn sơ, gồm nhà máy thành phẩm (như Asama Yuh Jiun, Strongnam...), phụ tùng (như Active- sản xuất đệm - Hsu Sheng- khung, Alhonga sản xuất phanh, KMC – sản xuất dây xích...), đáp ứng nhu cầu nội địa, để người dân Việt Nam có thể sở hữu chiếc xe đạp chất lượng tốt, giá cả phải chăng, không cần phải nhập khẩu từ nước ngoài, vừa giúp cải thiện mức sống của người dân, mà còn giúp giảm chi ngoại hối cho VN.

Về ngành xe đạp, Đài Loan đến VN đầu tư vào giai đoạn sau năm 1990, hiện có khoảng hơn 30 DN gồm dây chuyền lắp ráp, sản xuất

khung xe, phụ tùng và gia công xi mạ, hình thành chuỗi cung ứng đơn sơ, gồm nhà máy thành phẩm (như Asama Yuh Jiun, Strongnam...), phụ tùng (như Active- sản xuất đệm - Hsu Sheng- khung, Alhonga sản xuất phanh, KMC – sản xuất dây xích...), đáp ứng nhu cầu nội địa, để nhân dân Việt Nam có thể sở hữu chiếc xe đạp chất lượng tốt, giá cả phải chăng, không cần phải nhập khẩu từ nước ngoài, vừa giúp cải thiện mức sống của người dân, mà còn giúp giảm chi ngoại hối cho VN.

Sự góp mặt của ngành công nghiệp xe máy, xe đạp của Đài Loan, không chỉ tạo thêm cơ hội việc làm cho ngành phương tiện vận tải, nâng cao năng lực kỹ thuật liên quan, đào tạo nhân lực chuyên ngành, mà còn góp phần hoàn thiện chuỗi cung ứng. Vừa đáp ứng nhu cầu của ngành, đồng thời hỗ trợ sự phát triển của ngành nghề khác như ô tô, điện tử, máy móc cơ khí và thúc đẩy các DN nước ngoài khác tăng cường đầu tư tại Việt Nam.

(3) Du nhập công nghệ, nâng giá trị gia tăng của các nguồn lực tại chỗ

Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên phong phú dồi dào, là quê hương của cá và gạo, sản lượng của ngành nông – lâm – ngư nghiệp và chăn nuôi gia súc chiếm khoảng 20 % GDP, giải quyết công ăn việc làm cho 40% dân số, có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế và an ninh xã hội của Việt Nam. Việt Nam là một trong các nước xuất khẩu gạo và thủy sản chủ yếu của thế giới, rất thuận lợi cho gia công nông sản thô tại chỗ, mà doanh nghiệp gia công thực phẩm và nông lâm thủy sản của Đài Loan lại có lợi thế trong lĩnh vực này và đã chọn Việt Nam để đầu tư. Doanh nghiệp Đài Loan trong quá trình đầu tư vào Việt Nam, ngoài việc đưa kỹ thuật chế biến thực phẩm vào, nâng cao giá trị gia tăng của các nguồn tài nguyên, mà còn giúp nông dân, ngư dân VN cải thiện kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, tăng năng suất, chất lượng và tăng thu nhập.

Uni President, Ve Wong, Vedan, Dah che, Dai Phat, Want Want, Triko, I mei, King Car và VN Taiwan sugar đều là DN đài Loan nổi tiếng có mặt tại VN, trong đó, Uni President chủ yếu sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản, bột mì, mì ăn liền và dầu ăn, cung cấp cho thị trường nội địa, đồng thời xuất khẩu sang Đông Nam Á ...; Ve Wong sản xuất gia vị và mì ăn liền là chính; Want Want khai thác ưu thế nông sản Việt Nam, xây nhà máy sản xuất bánh gạo, thực phẩm ăn nhẹ, và bắt đầu cải tiến kỹ

thuật canh tác trồng lúa tại Việt Nam; và Vedan là DN ứng dụng công nghệ lên men vi sinh vật, sản xuất bột ngọt từ tinh bột sắn Việt Nam, và xuất sang các nước trên thế giới, giữ vị trí quan trọng tại thị trường tiêu dùng VN. Hiện nay, Vedan là DN thực phẩm sản xuất bột ngọt qui mô lớn nhất và duy nhất có bột ngọt xuất khẩu tại VN.

(4) Mô hình đầu tư mới, thúc đẩy phát triển cân bằng trong khu vực và chuyển đổi và nâng cấp công nghiệp

Sau năm 2006, mô hình đầu tư của DN Đài Loan có sự thay đổi, chuyển hướng sang miền bắc theo xu hướng công nghệ cao và thâm dụng vốn. Ngành công nghiệp công nghệ cao, chủ yếu là ngành điện tử, các nhà sản xuất CNTT nổi tiếng như Hon Hai (Foxconn), Compal, Wintek ...lần lượt vào Việt Nam, xây dựng nhà máy ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, và kéo theo hàng loạt nhà máy phụ trợ. Cách bố trí của DN công nghiệp điện tử Đài Loan tại Việt Nam chia làm hai phần, DN điện tử Teco, Ritek và Compal phụ trách sản xuất các thiết bị đầu cuối, còn phần linh kiện do các DN vốn đầu tư lớn hơn như Foxconn, Umec, Ability Opto, Mitac Precision Technology và Young Fast đảm nhận, trong đó, Foxconn bỏ ra 22 triệu USD mua lại nhà máy Microsoft tại VN vào năm 2016, cộng thêm cổ phần thương hiệu Nokia do Hon Hai nắm giữ, sắp tới sẽ tiến hành sản xuất và tiêu thụ điện thoại chức năng và thông minh, dự kiến tạo ra công ăn việc làm đáng kể và đẩy mạnh xuất khẩu, cũng như cải thiện hệ thống chuỗi cung ứng của ngành công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.¹³

Các ngành thâm dụng vốn là ngành công nghiệp sắt thép, chẳng hạn như China Steel - Sumitomo Metal Group đóng tại Bà Rịa-Vũng Tàu do China Steel Sumikin Đài Loan và Sumitomo Metal Nhật Bản cùng thành lập vào năm 2011, với tổng vốn đầu tư khoảng 1,2 tỷ USD, trong đó China Steel chiếm 51% tỉ lệ cổ phần; Tập đoàn Formosa thành lập từ năm 2012 tại Hà Tĩnh với tổng vốn đầu tư lên đến 10 tỷ USD. Ngành sắt thép là ngành công nghiệp cơ bản, cung cấp nguồn nguyên liệu thiết yếu cho các ngành sản xuất như phương tiện vận tải, thiết bị điện tử, máy móc, công nghệ cao, hiện nay do VN chưa thể tự cung tự cấp về sản phẩm thép cán nóng (nguyên vật liệu chính cho thép cuộn cán nguội) và thép không gỉ, cần phải nhập khẩu với số lượng lớn từ đại lục Trung Quốc. Tuy nhiên,

¹³ “ Foxconn xông thị trường điện thoại, bỏ đồng vốn khổng lồ mua lại nhà máy Việt Nam của Microsoft” · <https://kknews.cc/zh-tw/tech/8mgng.html>, ngày xem mới nhất : 8/3/2017.

sau khi hoàn thành hai nhà máy có vốn đầu tư Đài Loan, tượng trưng cho Việt Nam đã có năng lực sản xuất sắt thép của nhà máy luyện thép lò cao quy trình khép kín, trong tương lai, ngoài việc đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển công nghiệp nội địa, giảm áp lực ngoại hối vì chi tiêu nhập khẩu thép, VN thậm chí còn có nhiều khả năng trở thành một nước xuất khẩu thép lớn, giành lấy nhiều cơ hội kinh doanh lớn về xây dựng các thành phố ASEAN.

(5) Dịch vụ hỗ trợ tài chính, hỗ trợ nhu cầu vốn cho các DN vừa và nhỏ

Ngoài lĩnh vực chế biến chế tạo, việc doanh nghiệp Đài Loan đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính cũng là một nhân tố quan trọng để hỗ trợ các ngành nghề và các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam phát triển. Theo thống kê của FSC Đài Loan, tính đến cuối năm 2016, các ngân hàng vốn Đài Loan đã thành lập 12 chi nhánh, 9 văn phòng và 34 cơ sở giao dịch khác (kể cả ngân hàng con) tại VN. Trong số đó, Chinfon Bank là ngân hàng thành lập tại Việt Nam có sở hữu 100% vốn Đài Loan từ rất sớm (từ năm 1993). Năm 2000, Ngân hàng Cathay United đã cùng Ngân hàng Công Thương Việt Nam hợp tác thành lập “Ngân hàng Indovina”, mỗi bên sở hữu 50%, có 33 đơn vị chi nhánh, là ngân hàng có vốn Đài Loan có số lượng địa điểm giao dịch nhiều nhất tại VN, với hơn 70% là khách hàng nội địa. Ngoài ra, để hưởng ứng chính sách của chính phủ Việt Nam, ngân hàng Cathay United đã thành lập chi nhánh Chu Lai tại miền Trung Việt Nam vào năm 2006.

Ngân hàng có vốn Đài Loan không chỉ phục vụ cho các doanh nghiệp Đài Loan, đồng thời còn cung cấp dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp có vốn nước ngoài khác tại Việt Nam. Dựa trên kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của Đài Loan khai thác phát triển thị trường nước ngoài trước đây, và các chi nhánh phân bố trên toàn thế giới hiện có, Ngân hàng có vốn Đài Loan đã hỗ trợ cho DN Việt Nam tiếp cận các khoản vay nước ngoài, thực hiện nghiệp vụ đầu tư ra nước ngoài, bên cạnh đó thông qua mạng lưới chi nhánh trên khắp thế giới, hỗ trợ các doanh nghiệp ở nước ngoài tiếp cận được khoản vay vốn khi đầu tư tại Việt Nam. Nói một cách khác, ngân hàng có vốn Đài Loan không chỉ hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam nhận được vốn vay cần thiết khi thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu thương mại, giúp đỡ các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, hơn nữa còn là kênh thu

hút vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam, là nguồn hậu thuẫn tài chính cho doanh nghiệp nước ngoài khi đến Việt Nam đầu tư, và đưa vào Việt Nam các dịch vụ và sản phẩm tài chính hiện đại, qua đó nâng cao sức cạnh tranh của ngành ngân hàng Việt Nam.

(6) Chăm sóc nhân đạo, thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội

Với tư cách là một thành viên trong xã hội Việt Nam, các doanh nghiệp Đài Loan luôn có tâm niệm tri ân xã hội, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội, tổ chức các hoạt động từ thiện công ích như chăm lo hỗ trợ người nghèo, từ thiện, cứu trợ thiên tai lũ lụt. Tuy nhiên, đa số doanh nhân Đài Loan tham gia chăm sóc người lao động và cộng đồng một cách âm thầm, không vì danh lợi, chẳng hạn như xây dựng cầu đường, phòng học, hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị vật tư, cứu trợ hiện vật, tài trợ chương trình hoạt động văn thể mỹ, nhận nuôi trẻ mồ côi, thăm hỏi gia đình nghèo khó, trợ cấp học bổng cho học sinh nghèo, đồng thời hưởng ứng các chính sách của chính phủ Việt Nam, xây tặng nhà tình thương cho đối tượng vô gia cư. Ngoài ra, cũng có những DN Đài Loan tài trợ dài hạn cho các chương trình viện trợ y tế quốc tế dành cho trẻ em Việt Nam bị bệnh hiểm nghèo; góp công sức vào việc điều trị các bệnh hiểm nghèo tại Việt Nam. Đặc biệt, Tổng hội DN Đài Loan tại Việt Nam và các chi hội thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động từ thiện, hoạt động văn hóa và giáo dục, chẳng hạn như hơn mười năm nay, chi hội Hải Phòng đã liên tục hợp tác cùng Hội Chữ thập đỏ VN tổ chức hoạt động từ thiện như tổ chức cứu trợ các hộ nghèo, thăm viện dưỡng lão và trung tâm trẻ mồ côi vào mỗi dịp xuân về. Bên cạnh đó, DN Đài Loan kết hợp với Quỹ phát triển nông nghiệp Đài Loan xây dựng nhiều thí điểm nông nghiệp mới, hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam.

Sắp tới, DN Đài Loan ngoài việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy kinh tế và công nghiệp Việt Nam phát triển đi lên, đồng thời thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội, bao gồm chăm lo người lao động, chăm sóc xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động hội nhập vào xã hội và văn hóa địa phương, trở thành đối tác tốt của chính quyền địa phương, xã hội, lao động.

3. Nét chuyển biến, đặc điểm và những vướng mắc của DN Đài Loan tại Việt Nam

Đài Loan sang đầu tư tại Việt Nam từ rất sớm, đến nay đã có lịch sử hơn 30 năm, ban đầu đầu tư ngành nông, lâm, ngư nghiệp, sau đó chuyển đổi sang ngành sản xuất chế biến và gia công xuất khẩu, và từ các ngành sử dụng nhiều lao động dần dần chuyển sang ngành sử dụng nhiều vốn kỹ thuật công nghệ. Ngày càng nhiều Đài Loan tham gia thị trường tiêu dùng và dịch vụ trong nước, mô hình đầu tư ngày một đa dạng hơn. Tuy nhiên, nhìn chung, mô hình đầu tư DN Đài Loan khác biệt đáng kể so với DN châu Âu, Hoa Kỳ, với hơn 80% doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực gia công xuất khẩu, xây dựng khoảng hơn 4000 nhà máy, với khoảng 50.000 doanh nhân, nếu tính luôn người thân của họ thì khoảng 60.000 người, tạo ra 1,4 triệu công ăn việc làm trực tiếp tại địa phương. Các doanh nghiệp Đài Loan không những tạo ra nhiều cơ hội việc làm và ngoại tệ cho Việt Nam, đồng thời đem tới nhiều kiến thức và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật và quản lý xuất sắc. Dưới sự đầu tư và nỗ lực của DN Đài Loan, lực lượng nhân tài kỹ thuật VN ngày càng nhiều hơn, dây chuyền sản xuất hiện đại hơn, tạo nền tảng vững chắc để thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

Tình hữu nghị của DN Đài Loan dành cho Việt Nam không hề thay đổi dù đứng trước biết bao tác động đổi thay của môi trường kinh tế bên ngoài, chẳng hạn như sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, các quốc gia khác đua nhau điều chỉnh chiến lược đầu tư tại Việt Nam, thậm chí rút vốn đầu tư, chỉ có DN Đài Loan tiếp tục ở lại. Tương tự như sau khi sự kiện 513 vào năm 2014 xảy ra đã gây tổn thất nghiêm trọng cho các doanh nghiệp Đài Loan, nhưng với tình nghĩa sâu nặng mà họ dành cho Việt Nam, các doanh nghiệp Đài Loan vẫn quyết định ở lại Việt Nam chấp nhận xây dựng lại nhà máy, khôi phục hoạt động. Trên thực tế, nhiều doanh nhân Đài Loan đã gắn bó lâu dài tại Việt Nam, thế hệ thứ 2 của họ cũng đã ra đời tại Việt Nam, nơi đây trở thành quê hương thứ hai của họ.

Những năm gần đây, môi trường đầu tư tại Việt Nam nói chung mặc dù có những bước cải thiện đáng kể, nhưng các doanh nghiệp Đài Loan vẫn phải gặp phải rất nhiều khó khăn và rào cản cần phải được giải quyết trong quá trình kinh doanh tại Việt Nam. Do đặc điểm đầu tư đặc thù của các doanh nghiệp Đài Loan, các DN trong lĩnh vực chế biến chế tạo của

Đài Loan còn phải đối mặt với vướng mắc trở ngại về pháp lý, lao động, thuế, thương mại, đầu tư, nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, xây dựng cơ sở hạ tầng..., DN tiêu thụ hàng trong nước thì đứng trước những rào cản pháp lý, giấy phép đầu tư và quyền sở hữu trí tuệ ... Tóm lại, vấn đề phản ánh của DN chủ yếu liên quan đến sản xuất và xuất khẩu, mong muốn được chính phủ Việt Nam hỗ trợ giải quyết, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng xuất khẩu, để lao động Việt Nam có được một môi trường làm việc ổn định hơn, DN được kinh doanh lâu dài tại Việt Nam. Sau đây đưa ra một số vấn đề và biện pháp kiến nghị liên quan đến đầu tư của DN Đài Loan, kính mong được các cơ quan chức năng của Chính phủ Việt Nam hỗ trợ giải quyết.

II. Những vấn đề quan tâm và các kiến nghị

1. Vấn đề hệ thống pháp lý và quy trình thực hiện (cơ quan liên quan: Các bộ ngành, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Công nghệ Thông tin)

(1) Quy phạm pháp luật

Cung cấp các văn bản pháp quy tiếng Anh, cải thiện mức độ minh bạch của văn bản pháp quy

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Dựa trên quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc Hội Việt Nam thông qua năm 2015 và có hiệu lực kể từ 01-07-2016, VN có 15 loại quy phạm pháp luật chung chung, trừu tượng, áp dụng nhiều lần đối với một vài đối tượng không xác định,¹⁴ do hệ thống chính trị xã hội đặc thù của VN và chính quyền các cấp khác nhau soạn thảo và sửa đổi. Chẳng hạn như văn bản qui phạm pháp luật trong lĩnh vực lao động, có thể chi thành 4 cấp độ, cao nhất là Luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn vệ sinh lao động, các luật này cấu thành nên khung luật Lao động. Cấp độ 2 là cấp độ mà Việt Nam gọi là Nghị định (decree), do chính phủ Việt Nam ban hành. Nghị định chính phủ, tương tự như qui định chi tiết thi hành của Đài Loan, quy định chi tiết việc thực thi pháp luật một cách cụ thể. Cấp độ 3 là Thông tư (circular)

¹⁴ Điều 3, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

do thủ trưởng các bộ hoặc cơ quan ngang bộ ban hành, đều là quy định chung. Cấp độ 4 là công văn của cơ quan hành chính Việt Nam trả lời về từng trường hợp cụ thể, tính chất tương tự như thư giải thích của Đài Loan. Khi ban hành hoặc sửa đổi một pháp lệnh mới, thông thường là ban hành luật trước tiên, sau đó một khoảng thời gian mới ban hành quy định hướng dẫn thi hành cụ thể.

Trở ngại lớn nhất đối với các DN nước ngoài tại Việt Nam là rào cản ngôn ngữ. Mặc dù tại điều 102 Nghị định số 34/2016/ND-CP ban hành vào ngày 14/5/2016 của Chính phủ Việt Nam, có qui định dịch một số văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng Anh, nhưng DN quan tâm nhiều hơn về quy định chi tiết thi hành, nhưng thông thường chỉ có bản tiếng Việt, hoặc có văn bản tiếng Anh, nhưng chậm công bố, phần dịch chưa chuẩn xác. Trước kia, DN thường nhờ phía cơ quan dịch thuật, văn phòng luật, văn phòng kế toán và công ty tư vấn hỗ trợ, và phát hiện tồn tại chênh lệch khá lớn giữa các phiên dịch và nội dung lý giải về pháp lệnh, và đôi khi không được chính phủ trung ương hoặc chính quyền địa phương công nhận. DN nước ngoài do không nắm chính xác các quy phạm pháp lệnh, phải tiếp tục gửi công văn cho chính quyền địa phương và bộ ngành trung ương để làm rõ, tốn kém rất nhiều nhân lực, tiền bạc và thời gian, nhưng vẫn có thể bị Chính phủ Việt Nam nhận xét là vi phạm pháp luật, làm gia tăng nguy cơ bất ổn về kinh doanh.

Ví dụ, “Điều lệ Công đoàn Việt Nam ” do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam biên soạn, Luật Công đoàn, Luật Lao động có tên tiếng Anh khác nhau Bên cạnh đó, cơ sở tính phí công đoàn dựa trên cách tính của phí bảo hiểm xã hội, nhưng ý nghĩa diễn đạt tại phiên bản tiếng Anh không rõ ràng. Chúng tôi dù pháp luật đã quy định, nhưng vẫn làm cho các nhà đầu tư nước ngoài cảm thấy rắc rối khi thực hiện.

Kiến nghị

Đối với những vấn đề nêu trên, DN Đài Loan có vài kiến nghị sau đây, kính mong hỗ trợ Chính phủ Việt Nam tăng cường tính minh bạch về đạo luật, giảm rủi ro kinh doanh cho các DN nước ngoài, tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi hơn :

1. Tiếp tục nâng cao kỹ thuật lập pháp

Mặc dù kỹ thuật lập pháp của VN trong những năm gần đây có nhiều tiến bộ, song nếu có thể xúc tiến song song việc lập pháp cùng với ban hành nghị định, thông tư liên quan, thì các DN chấp hành sẽ dễ dàng hơn. Hoặc dù không thể hoàn thành song song, nên điều chỉnh hiệu lực của Luật, chờ khi ban hành nghị định, thông tư liên quan mới được thi hành. Ngoài ra, để thu hẹp khoảng chênh lệch về giải thích từ ngữ, tránh dẫn đến mâu thuẫn thực thi, kiến nghị Chính phủ Việt Nam nên quy phạm hóa các định nghĩa, quy trình thủ tục, phạm vi áp dụng, điều kiện cụ thể bằng mệnh lệnh hành chính ... tránh tình trạng các DN gặp khó khăn trong quá trình thực thi.

2. Kịp thời cung cấp phiên bản tiếng Anh về các quy định pháp luật quan trọng, để giảm nguy cơ bị lỗi trong giải thích

Trong những năm gần đây, mặc dù một số luật quan trọng đã có phiên bản tiếng Anh, nhưng bản dịch dùng từ chưa thống nhất, nếu được cải thiện, sẽ giúp đỡ rất nhiều cho DN nước ngoài thi hành. Kiến nghị Chính phủ Việt Nam khi ban hành nghị định, đặc biệt là quy định chi tiết thi hành và lệnh hành chính, kèm theo công bố phiên bản tiếng Anh được chính thức công nhận, hoặc nếu không thể công bố cùng một lúc, ít nhất phải công bố trước ngày đạo luật có hiệu lực thi hành, cho DN nước ngoài có thời gian đáp ứng đầy đủ.

Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các văn bản pháp quy và giải nghĩa liên quan

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

DN nước ngoài đang gặp phải hai vấn đề lớn về cập nhật văn bản pháp lý, một là vấn đề thu thập thông tin về các quy định pháp luật. DN Đài Loan mong muốn cập nhật được văn bản pháp lý tiếng Việt và phiên bản tiếng Anh từ các trang web chính thức của cơ quan thẩm quyền, nếu được bổ sung thêm một kênh công bố thông tin một cửa, nâng cao chức năng phân loại và tìm kiếm quy định pháp luật, đồng thời liên kết với các trang web của cơ quan thẩm quyền, việc này chắc chắn sẽ giúp cho DN cập nhật thông tin quy định pháp luật quan trọng và nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp tốt hơn.

Hai là vấn đề tìm hiểu thêm ý kiến giải thích từ phía cơ quan thẩm quyền đối với các quy định pháp luật. Báo cáo rà soát cam kết minh bạch giữa vụ quy định pháp luật EVFTA do VCCI biên soạn chỉ ra rằng, Việt Nam thiếu qui phạm ở chỗ: 1. Khi cơ quan có thẩm quyền nhận được yêu cầu, có trách nhiệm giải thích rõ về mục đích quy phạm pháp luật và lý do pháp lý; 2. nên thiết lập cơ chế thích hợp để đáp ứng yêu cầu tư vấn của các bên có lợi ích liên quan.¹⁵ Các DN Đài Loan mong muốn chính phủ Việt Nam giúp họ hiểu rằng, sắp tới nếu có điều luật nào chưa rõ, có thể tham khảo ý kiến với cơ quan trung ương nào, đồng thời nhận được trả lời cụ thể bằng văn bản của cơ quan đó. Và văn bản này cũng sẽ là căn cứ thi hành cho cán bộ thực thi pháp luật tại địa phương sau này.

Kiến nghị

DN Đài Loan mong chờ các kiến nghị sau đây có thể hỗ trợ Chính phủ Việt Nam cải thiện các kênh thông tin quy định pháp luật về đầu tư nước ngoài, qua đó nâng cao sự hiểu biết pháp luật của DN.

1. Thiết lập kênh cung cấp thông tin độc lập chính thức công bố Pháp lệnh phiên bản tiếng Anh.

Ngoài các Bộ luật do Quốc hội thông qua, còn có nhiều dự thảo qui định pháp luật sửa đổi do các cơ quan có thẩm quyền công bố, đề nghị nên thiết lập kênh riêng để công bố Pháp lệnh phiên bản tiếng Anh và thông báo những sửa đổi quy định chi tiết thi hành, nhằm hoàn thiện việc phân loại quy phạm pháp luật và chức năng tìm kiếm thông tin, đồng thời liên kết với các trang web của cơ quan thẩm quyền, tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tìm hiểu và tra cứu. Và cửa sổ này cũng là kênh công bố các dự thảo pháp luật cần bổ sung sửa đổi, để tiếp nhận ý kiến đóng góp của các bên lợi ích liên quan.

2. Thành lập Kênh liên hệ một cửa dành cho đầu tư nước ngoài

Chính phủ Việt Nam chưa thiết lập cơ chế một cửa cho đầu tư nước ngoài, giả sử khi gặp phải vướng mắc về văn bản pháp quy, đối với DN Đài Loan trong khu công nghiệp, có thể tìm kiếm sự giúp đỡ từ Ban Quản lý KCN, nhưng đối với DN không nằm trong khu công nghiệp thì phải xin ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, hoặc tư vấn thêm các đơn vị khác

¹⁵ Id., at 9-19.

mới có giải đáp. Đề nghị chính phủ Việt Nam trước mắt hãy cho DN biết rõ khi có vướng mắc về giải thích luật pháp, có thể tham khảo ý kiến của cơ quan trung ương nào, và nhận được trả lời cụ thể bằng văn bản. Và sắp tới, cán bộ thực thi pháp luật tại địa phương sẽ dựa theo văn bản đó thi hành. Về lâu về dài, chúng tôi kiến nghị thiết lập một đầu mối liên hệ một cửa dành cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và điện tử hóa hệ thống văn bản pháp quy, tiết kiệm thời gian tư vấn đi lại cho các DN nước ngoài, nhanh chóng nhận được văn bản trả lời cụ thể.

3. Xuất bản và cập nhật định kỳ trên trang web các tài liệu hỏi đáp thắc mắc thường gặp cho doanh nghiệp tham khảo.

Do đại đa số DN Đài Loan hoạt động trong lĩnh vực gia công chế xuất, nên những vấn đề phải đối mặt khá giống nhau. Hiện nay, DN Đài Loan thường phải nhờ văn phòng luật, tư vấn hoặc thảo công văn gửi cơ quan chủ quản để tìm hiểu thêm các quy định pháp lý chưa rõ ràng, tuy nhiên, vẫn khó tránh khỏi hiểu sai từ ngữ và làm tăng gánh nặng cho cơ quan thẩm quyền. Đề nghị chính phủ Việt Nam tham khảo cách làm của Đài Loan và các nước tiên tiến khác, tức là xuất bản và cập nhật định kỳ tài liệu hỏi đáp thắc mắc thường gặp cho DN tham khảo thường xuyên cập nhật và công bố trên trang web các tài liệu hỏi đáp thắc mắc thường gặp cho DN tham khảo, nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện, và giảm bớt gánh nặng cho các quan chức năng.

Công khai minh bạch dữ liệu thống kê về xe máy

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Theo phản ánh của DN ngành xe máy Đài Loan, các dữ liệu đăng ký xe máy rất quan trọng đối với quy hoạch sản xuất kinh doanh trong ngành, kết quả kinh doanh khá hơn khi kế hoạch sản xuất của họ được dựa trên số lượng đăng ký xe công khai của cơ quan thẩm quyền. Hiện nay, tại Đài Loan hoặc các nước khác, họ hoàn toàn có thể đóng phí để mua lại các dữ liệu thống kê chính thức tương tự. Nhưng ở VN thì không. Dữ liệu lấy từ hệ thống công an giao thông các tỉnh lại thiếu thống nhất, DN muốn nhận được dữ liệu chính xác, chính thức tại Việt Nam thật không dễ dàng. Vấn đề tương tự, các nhà đầu tư nước ngoài khác cũng đã nhiều lần phản ánh với chính phủ Việt Nam.

Kiến nghị

Đề nghị tham khảo cách làm ở Đài Loan và quốc gia khác, chính phủ VN nên đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu, kết nối với các hệ thống điện tử, để DN trả phí sưu tập dữ liệu đăng ký xe máy, vừa giúp các nhà sản xuất phân tích thị trường và lập kế hoạch sản xuất, mặt khác cải thiện tính minh bạch của thông tin chính phủ và lưu giữ thông tin lịch sử. Nguồn thu qua cung cấp thông tin cũng có thể dùng cho việc duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu.

(2) Quy trình thực hiện

Đảm bảo tính nhất quán giữa quy trình thực hiện và quy định của pháp lệnh

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Tích cực tham gia hội nhập kinh tế khu vực, VN có tiến bộ rõ rệt về nâng cao tính minh bạch của văn bản pháp quy trong những năm gần đây, tuy nhiên, các vấn đề về hiệu suất, năng lực, quy trình thủ tục hành chính và tính minh bạch khi thực hiện của các cơ quan nhà nước còn có chỗ cho sự cải tiến. Đơn cử, đạo luật đã có hiệu lực, nhưng quy định chi tiết thi hành chưa công bố hay không cụ thể, dẫn đến sự mâu thuẫn chồng chéo khi triển khai tại các sở ngành, các tỉnh thành khác nhau hoặc nhận định của cán bộ thực thi trước và sau. Khiến cho các DN rất khó ứng xử, đặc biệt là các DN lớn có nhà máy đóng ở các tỉnh thành phố khác nhau, tăng khó khăn khi hoạt động.

Thủ tục hành chính rườm rà không những tăng thêm giá thành kinh doanh, còn hạn chế ý muốn chấp hành luật của các DN vừa và nhỏ, chẳng hạn như phải làm thủ tục xin phép khi DN quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, tuy nhiên do thủ tục hành chính quá rườm rà, có thể dẫn đến một số DN đóng cửa nghỉ ngang, gây ra nhiều hậu quả di chứng như thất thu thuế, nợ đền bù lao động bị thôi việc.....

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ Việt Nam công bố quy định chi tiết thi hành phiên bản tiếng Anh trước khi đạo luật có hiệu lực thi hành, hạn chế nhập nhằng trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó chính phủ Việt Nam cũng

nên chỉ định đầu mối liên hệ cấp Trung Ương một cách chính xác, để các DN có thể đề nghị tư vấn khi không rõ về lời giải thích văn bản luật, và qua đó nhận được công văn phản hồi cụ thể của các cơ quan chức năng, để làm cơ sở cho việc thực thi về sau, hạn chế trường hợp xử sự theo nhận định cá nhân chủ quan của cán bộ thực thi pháp luật. Cán bộ chuyên trách của đầu mối trả lời của phía Việt Nam, quan chức địa phương và cán bộ thực thi pháp luật liên quan, nên quán triệt nguyên tắc văn bản dưới luật không thể vượt luật, duy trì tính nhất quán khi thực thi pháp luật, giảm tranh chấp đầu tư.

Tăng cường tính nhất quán về giải thích pháp lệnh từ trung ương đến địa phương

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Như phần trên đã trình bày, do pháp lệnh Việt Nam rườm rà, sửa đổi liên tục, quy định chi tiết thi hành sau luật ban hành không kịp thời, dẫn đến nhiều trường hợp dù pháp luật có hiệu lực, song cơ quan chức năng cấp dưới có nhìn nhận khác nhau, không biết nên áp dụng ra sao, như trường hợp điều chỉnh tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội gần đây. Do khác nhau về cơ cấu lương và hạng mục trong DN, sau khi ban hành thông tư 59/2015/TT-BLD-TBXH, về cơ sở đóng bảo hiểm xã hội bao gồm lương, phụ cấp và trợ cấp khác, doanh nghiệp không hiểu những khoản lương mà họ chi trả cho người lao động như hiện nay có bao gồm trong đó hay không, doanh nghiệp đã phản ánh tới cơ quan quản lý lao động cấp trung ương và địa phương nhưng lại nhận được các câu trả lời khác nhau. Về xác định mức thuế ưu đãi, DN Đài Loan cũng gặp nhiều cú sốc khi chính quyền địa phương cam kết cho hưởng thuế ưu đãi nhưng thanh tra thuế trung ương không chấp nhận. Bên cạnh đó, quy định về bảo vệ môi trường cũng tồn tại thi hành thiếu nhất quán giữa các tỉnh thành. Theo phản ánh của DN Đài Loan, yêu cầu nạp bình chữa cháy ở các tỉnh đầy mâu thuẫn, có nơi yêu cầu 6 tháng nạp mới một lần, có nơi là một năm. Gây khó xử cho DN lớn có nhà máy và dây chuyền phân bố ở nhiều tỉnh, thành.

Kiến nghị

Đề nghị Chính phủ Việt Nam chỉ định đầu mối giải đáp ở cấp Trung ương đối với các pháp lệnh cụ thể, và có văn bản trả lời giải đáp thắc mắc

cho DN, làm cơ sở thực thi cho cơ quan chức năng từ trung ương đến địa phương. Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế phối hợp đồng bộ giữa chính quyền trung ương và địa phương, trên nguyên tắc, các quan chức thực thi pháp luật phải dựa theo giải thích pháp luật trung ương, song, các đơn vị Trung ương cũng cần tôn trọng chính quyền địa phương đã cam kết ưu đãi cho các DN, nhằm đảm bảo tính nhất quán và khả năng dự báo của pháp lệnh, làm giảm nguy cơ bất ổn của DN đầu tư nước ngoài.

2. Về Lao động (Bộ ngành liên quan: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Vụ Bảo hiểm xã hội)

(1) Số giờ làm thêm.

Nâng số giờ làm thêm tối đa hàng năm lên hơn 500 giờ.

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Theo điều 104 “Luật Lao động Việt Nam” (10/2012 / QH13) quy định, giờ làm việc của lao động VN không quá 8 giờ một ngày, không quá 48 giờ một tuần, trường hợp DN áp dụng quy định làm việc theo tuần, thời gian làm việc hàng ngày không quá 10 giờ, không nhiều hơn 48 giờ mỗi tuần.¹⁶ Số giờ làm thêm theo định nghĩa của Điều 106 “Luật Lao động Việt Nam” : Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường được quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động, bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, trường hợp áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 30 giờ trong 01 tháng và tổng số không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định thì được làm thêm giờ không quá 300 giờ trong 01

¹⁶ Điều 104. Luật Lao động (10/2012/QH13): Thời giờ làm việc bình thường

1. Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần.

2. Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần .

Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ.

3. Thời giờ làm việc không quá 06 giờ trong 01 ngày đối với những người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.

năm.¹⁷ Theo quy định điều 14 Nghị định 95/2013/ND-CP : Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động huy động người lao động làm thêm giờ vượt quá số giờ quy định cao nhất và đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng.

Việt Nam hiện đang đóng vai trò của cơ sở sản xuất toàn cầu, thiết kế của hệ thống giờ làm việc có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng cạnh tranh tổng thể của kinh tế VN nói chung và của tính linh hoạt trong điều hành sản xuất của nhà sản xuất. Ví dụ, ngành sản xuất công nghệ do thiết bị vận hành đòi hỏi tốn nhiều thời gian, thường cân nhắc hoạt động liên tục 24 giờ, việc giới hạn làm thêm giờ gây cản ngại lớn cho xếp lịch lên ca, trong tình hình thiếu hụt lao động lành nghề, có thể phát sinh tình trạng không đủ lao động thay ca. Đối với ngành công nghiệp thâm dụng lao động, rất bó tay khi điều chỉnh giờ làm việc theo nhu cầu hoạt động và theo mùa vụ.

Các công ty Đài Loan đa số gia công cho thương hiệu quốc tế, vì yêu cầu thương hiệu và bản thân DN, họ luôn chấp hành nghiêm túc pháp luật lao động của nước sở tại. Tuy nhiên, lại dẫn đến hậu quả tỷ lệ bất ổn và nghỉ việc cao do lao động VN muốn được tăng ca để có thêm thu nhập, do đó các DN Đài Loan đang phải đối mặt với tình trạng khó xử giữa tuân thủ quy định và hiệu quả kinh doanh. Họ cho rằng, giới hạn làm thêm giờ quá khắc khe, không đạt được mục đích đảm bảo sức khỏe của người lao động, ngược lại, lao động do không được làm thêm giờ, tiền lương không đủ, phải ra ngoài làm thêm 2 hoặc 3 công việc; Mặt khác, các công ty không thể tăng năng suất, điều hành kém linh hoạt, chi phí vận hành gia tăng đáng kể, hậu quả là cả DN, lao động và nhà nước đều bị thua thiệt.

¹⁷ Điều 106. Luật Lao động (10/2012/QH13): :Làm thêm giờ

1. Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường được quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động.

2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Được sự đồng ý của người lao động;

b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, trường hợp áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 30 giờ trong 01 tháng và tổng số không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định thì được làm thêm giờ không quá 300 giờ trong 01 năm;

c) Sau mỗi đợt làm thêm giờ nhiều ngày liên tục trong tháng, người sử dụng lao động phải bố trí để người lao động được nghỉ bù cho số thời gian đã không được nghỉ.

Kiến nghị

DN nước ngoài đã nhiều lần phản ánh với chính phủ về quy định làm thêm giờ quá nghiêm ngặt. Đề nghị Việt Nam xem xét về tổng số giờ làm việc (giờ làm việc bình thường cộng với giờ làm thêm) thấp hơn so với các nước ASEAN (xem bảng 3), khuyến cáo chính phủ mở rộng tổng số giờ làm thêm hàng năm, tăng lên đến hơn 500 giờ, để tăng tính linh hoạt cho DN.

Bảng biểu 3 Quy định về tổng số giờ làm việc bình thường và giờ làm thêm của các nước ASEAN

Đơn vị : giờ

Tên nước		Giờ làm việc	Tổng số giờ làm thêm	Số giờ bình thường/năm	Tổng số giờ làm thêm /năm	Tổng số giờ làm việc/năm
Các nước ASEAN	Việt Nam	48/tuần	200-300/năm	2,496	300	2,796
	Indonesia	40/tuần	14/tuần	2,080	728	2,808
	Lào	48/tuần	45/tháng	2,496	540	3,036
	singapore	44/tuần	72/ tháng	2,288	864	3,152
	Malaysia	48/tuần	104/tháng	2,496	1,248	3,744
	Thái Lan	48/tuần	36/tuần	2,496	1,872	4,368

Nguồn : tự chỉnh lý

(2) Bảo hiểm xã hội

Xác lập phạm vi và mức đóng bảo hiểm xã hội tối đa hợp lý.

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Là một nước xã hội chủ nghĩa, quyền lợi bảo hiểm xã hội của lao động được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo quy định luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, người lao động làm việc lĩnh lương tháng theo HĐLĐ có thời hạn trên 12 tháng, mức lương đóng BHXH bắt buộc là 26%, trong đó người LĐ đóng 8%, đơn vị đóng 18%; Cộng thêm mức đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, tổng các mức đóng bảo hiểm của phía DN là 22%, phía lao động 10,5%, tổng cộng 32,5%, cao hơn nhiều so với các nước Asean khác như Malaysia, Philippines, Indonesia và Thái Lan... (xem bảng 4)

Bảng biểu 4 Tỷ lệ tổng mức đóng BHXH, BHYT, BHTN của các nước ASEAN

Tên nước	Tỷ lệ mức đóng BHXH, BHYT, BHTN của lao động và đơn vị hàng tháng
Malaysia	13%
Philippines	10%
Indonesia	8%
Thái Lan	5%
Việt Nam	32.5%

Nguồn : EuroCham(2017), Whitebook 2017: Trade & Investment Issues and Recommendations, p.44, table 5.

Theo điều 90 Luật Lao động (10/2012 / QH13), Tiền lương LĐVN bao gồm mức lương theo công việc, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác, ¹⁸ Chính phủ Việt Nam nhiều lần điều chỉnh định nghĩa đối với mức lương tính phí BHXH. Các quy định sớm nhất là tính bằng mức lương cơ bản, và thông tư 59/2015 / TT-BLĐT-BXH qui định 2016-2017 , tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương và phụ cấp lương. Từ 2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH có thêm các khoản bổ sung khác .

Do Luật mới mở rộng phạm vi xác định mức lương đóng bảo hiểm xã hội, dẫn đến chi phí bảo hiểm xã hội của DN cao hơn, tức là tăng chi phí lao động nói chung, mặc dù sự gia tăng chi phí lao động sẽ phụ thuộc vào các tính chất của ngành nghề, chẳng hạn như biên độ chi phí lao động tăng trong các DN sử dụng nhiều lao động sẽ cao hơn so với các ngành tự động hóa. DN Đài Loan chủ yếu là gia công sản xuất, sử dụng nhiều lao động, nên chi phí lao động được dự kiến sẽ tăng 10-25%, khiến phần lớn DN Đài Loan cảm thấy lo ngại vì chi phí vận hành chịu nhiều ảnh hưởng.

¹⁸ Luật Lao động (10/2012/QH13) Điều 90. Tiền lương

1. Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận.

Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

Mức lương của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định.

2. Tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng công việc.

3. Người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau.

Qua tính toán kỹ cơ cấu tiền lương, DN cho biết sự thay đổi về mức đóng BHXH đã đẩy chi phí lao động lên quá cao, đồng thời tăng thêm gánh nặng cho bản thân lao động, họ đang tỏ ra bức xúc. Do trong thời gian qua DN từng phối hợp với chính phủ Việt Nam để điều chỉnh chế độ BHXH, tăng mức đóng của người lao động, gây ra các cuộc biểu tình, thậm chí đình công, DN đang lo ngại quy định mới này có khả năng khiến lao động Việt Nam càng thêm bất mãn.

Kiến nghị

Chính phủ Việt Nam nên xem xét thêm về quy định mở rộng mức lương tính BHXH, hoãn lại mức tính các khoản bổ sung khác, hoặc tính toán giảm bớt tỉ lệ mức đóng. Ngoài ra, đề nghị Chính phủ Việt Nam cần tăng cường tuyên truyền giáo dục về lao động hiểu thêm về thay đổi cách tính mức đóng BHXH, hạn chế khả năng xảy ra đình công do hiểu lầm.

Việt Nam hiện nay giống như các nước khác, quy định mức lương tối đa để tính mức đóng BHXH, nhưng không có tác dụng gì cả. Theo Luật lao động hiện hành của Việt Nam, mức lương tối đa tính mức đóng BHXH là 20 lần mức lương cơ bản, mà mức lương cơ bản hiện nay ở Việt Nam là 2,58 -3,75 triệu đồng (tương đương 103-150 USD), nghĩa là mức lương tối đa phải là 3.000 USD, cao hơn nhiều so với 1.477 USD của Đài Loan (bằng 2,2 lần mức lương cơ bản, 1,2 lần so với mức lương trung bình). Kiến nghị Chính phủ Việt Nam nên tham khảo kinh nghiệm của các nước khác, xác lập quy định mức lương tối đa tính mức đóng BHXH hợp lý hơn, chẳng hạn như cách tính của Đài Loan và Trung Quốc đại lục¹⁹, VN nên ở mức 206-650 USD (tính theo lương tháng bình quân là 217 USD). Hoặc tham khảo mức đóng BHXH cho lương hưu tối đa hàng tháng ở Indonesia là 7 triệu rupiah, tương đương với khoảng 610 USD.

¹⁹ Mức đóng BHXH tối đa của TQ Đại lục là 3 lần tiền lương tháng bình quân của lao động

Cho phép người nước ngoài được tự do lựa chọn tham gia bảo hiểm y tế hoặc bảo hiểm xã hội

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Kể từ năm 2012, pháp luật Việt Nam quy định trường hợp ký hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài có thời hạn ba tháng (bao gồm) trở nên, phải đóng phí bảo hiểm y tế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 trở đi, đối với lao động là công dân nước ngoài có giấy phép lao động, giấy chứng nhận thực tập, giấy phép thực tập, cũng phải đóng BHXH theo quy định Luật BHXH (58/2014 / QH13).

Nói chung, lao động là công dân nước ngoài thường có BHXH tại nước mẹ, thậm chí còn tự nguyện mua thêm BHYT toàn cầu, do cân nhắc về ngôn ngữ và cảm giác an toàn, họ thường chọn phương án trở về nước khám chữa bệnh khi có nhu cầu, chính phủ Việt Nam có nhã ý cho phép lao động nước ngoài tham gia BHYT và BHXH, nhưng với họ lợi ích thực sự rất hạn chế, thậm chí tăng thêm gánh nặng chi tiêu, kể cả chi phí lao động của DN nơi họ làm việc.

Kiến nghị

Chính phủ Việt Nam hãy tham khảo kinh nghiệm của Đài Loan, lo bảo vệ quyền lợi của người lao động trong nước trước tiên, và cho phép lao động là công dân nước ngoài tự do quyết định việc tham gia BHXH và BHYT ở Việt Nam. Đối với trường hợp họ có nhu cầu bảo hiểm bổ sung, chính phủ Việt Nam không chỉ không phải trợ cấp, còn có thể lập mức giá cao hơn, thực hiện nguyên tắc sử dụng và thanh toán, để dành nguồn vốn có hạn cho người lao động thực sự cần thiết.

(3) Giải quyết tranh chấp lao động và đình công bất hợp pháp

Giải quyết tranh chấp lao động và đình công bất hợp pháp theo luật

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Luật Lao động VN (10/2012/QH13) có quy định đầy đủ về giải quyết tranh chấp lao động và đình công bất hợp pháp. Tranh chấp lao

động bao gồm tranh chấp lao động cá nhân và tranh chấp lao động tập thể. Đối với tranh chấp lao động cá nhân, trừ trường hợp lao động đã bị sa thải, chấm dứt hợp đồng, trên nguyên tắc phải tiến hành hòa giải, sau đó giao cho Tòa án nhân dân xét xử. Tranh chấp lao động tập thể phức tạp hơn, nhưng về mặt nguyên tắc, cũng phải hòa giải, nếu hòa giải không thành, tranh chấp về quyền lợi, hai bên có quyền yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét xử, tranh chấp về phúc lợi, có thể đưa ra Hội đồng Trọng tài lao động, nếu không thể giải quyết, mới tổ chức đình công. Nói một cách khác, lao động chỉ đình công khi tranh chấp phúc lợi, chứ không phải tranh chấp quyền lợi lao động, đình công phải do tổ chức công đoàn lãnh đạo, thông qua trình tự hòa giải giữa nhà sử dụng và lao động, nếu không thể giải quyết, mới đưa ra đình công. Hơn nữa lao động của các DN khác nhau, không được lôi kéo nhau đình công.

Theo quy định tại điều 213 Luật Lao động VN (10/2012/QH13) và (12/2012/QH13), Ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu đình công, Ban chấp hành công đoàn gửi quyết định đình công cho người sử dụng lao động, đồng thời gửi 01 bản cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh, 01 bản cho công đoàn cấp tỉnh. Đến thời điểm bắt đầu đình công, nếu người sử dụng lao động không chấp nhận giải quyết yêu cầu của tập thể lao động thì Ban chấp hành công đoàn tổ chức và lãnh đạo đình công.

DN Đài Loan cho rằng, Luật Lao động Việt Nam tuy cho phép lao động quyền lợi đình công, nhưng hầu hết các cuộc đình công không tuân theo thủ tục pháp lý, nên tất cả thuộc về một đình công bất hợp pháp, DN có quyền theo đúng quy định Luật Lao động, sa thải những lao động nghỉ 5 ngày không có lý do chính đáng trong một tháng. Trong những năm gần đây, Luật Lao động (sửa đổi) có quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người sử dụng lao động do đình công bất hợp pháp, do đó giai đoạn năm 2014-2015, số vụ đình công bất hợp pháp giảm xuống, tuy nhiên trong 2 tháng đầu năm 2016, vẫn xảy ra 39 vụ đình công bất hợp pháp (trong đó có 20 vụ xảy ra tại DN vốn ngoại, chiếm 68,9%). Do DN Đài Loan hơn 80% đầu tư vào ngành chế xuất và nông nghiệp, thủy sản, giải quyết 1,4 triệu công ăn việc làm, nên đặc biệt quan tâm đến vấn đề lao động đình công bất hợp pháp, không chấp hành quy định thông báo trước cho người sử dụng lao động và cơ quan chức năng liên quan theo Luật Lao động.

Kiến nghị

Từ năm 2011 trở về sau, Chính phủ Việt Nam đã lập đầu mối liên lạc khẩn cấp (dưới sự chủ trì của Bộ Lao động và Bộ Công an), khi DN Đài Loan đối mặt với đình công bất hợp pháp, phải thông tin ngay cho Văn phòng đại diện Đài Loan tại Việt Nam, văn phòng sẽ thông báo đến chính quyền tỉnh sở tại, yêu cầu Sở Công an và Sở Lao động tỉnh cử cán bộ có mặt tại hiện trường để phối hợp giải quyết. DN Đài Loan sẽ rất biết ơn sự hỗ trợ bởi cơ chế này.

Cơ chế giải quyết tranh chấp lao động của VN tuy đã hoàn tất, nhưng trên thực tế vẫn tồn tại các trường hợp đình công không thực hiện đúng luật, gây khó khăn cho người sử dụng lao động, có nguy cơ thiệt hại về tài sản, an toàn cá nhân. Mặc dù đình công bất hợp pháp trên khắp nước Việt Nam đã xu hướng giảm, nhưng vẫn còn xảy ra rải rác, kiến nghị chính phủ Việt Nam tiếp tục tăng cường tuyên truyền về xử phạt vi phạm đình công bất hợp pháp. Xử lý nghiêm minh đối với trường hợp vi phạm, nhằm giảm rủi ro kinh doanh cho DN. Nâng cao ý thức chấp hành của lao động, động viên giải quyết tranh chấp lao động bằng con đường hòa giải, mặt khác cho thời gian hợp lý để DN giải quyết yêu cầu của lao động, giảm tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh bởi đình công, có lợi cho DN và lao động.

(4) Giấy phép và cấp phép lao động

Nâng tính linh hoạt cấp phép lao động cho lao động nước ngoài

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Nghị định Chính phủ số 11/2016 / NĐ-CP ban hành vào ngày 03 tháng 2 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4, thay thế Nghị định số 102/2013 / NĐ-CP ban hành vào ngày 05 tháng 9 năm 2013 và điểm a điều 4 của Nghị quyết số 47 / NQ / CP ban hành vào ngày 08 tháng 7 năm 2014, nhằm đơn giản hóa thủ tục xin cấp phép lao động cho người lao động nước ngoài của các công ty nước ngoài. Theo quy định tại khoản 3 điều 3 Nghị định số 11/2016 / NĐ-CP, Chuyên gia là người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có văn bản xác nhận là chuyên gia của cơ quan, tổ chức, DN tại nước ngoài; b) Có bằng đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 03 năm

kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

DN Đài Loan cho biết các quy định mới có thể khiến các chuyên gia nước ngoài khi giấy phép lao động hết hạn, sẽ không được cấp giấy phép mới vì không đáp ứng được tại điểm b, buộc phải nghỉ việc trở về nước. Trong khi đó, ngành công nghiệp Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển tăng tốc, đòi hỏi nâng cấp công nghệ, nhu cầu về thợ giỏi tay nghề hoặc kỹ thuật sang Việt Nam hướng dẫn và truyền nghề ngày càng tăng, tuy nhiên tay nghề của thợ giỏi có được là nhờ tích lũy qua năm tháng học nghề và kinh nghiệm làm việc thực tế, không nhất thiết có bằng cấp học lực hoặc chứng chỉ chuyên ngành, do đó sẽ khó đáp ứng điều kiện cấp phép lao động theo quy định mới, hoặc thủ tục xin phép rườm rà, dẫn đến lực lượng cán bộ mà DN cất công nhiều năm để đào tạo không thể tiếp tục làm việc, gây thiệt hại nghiêm trọng cho DN Đài Loan.

Theo phản ánh của một số DN Đài Loan, cơ quan chủ quản chỉ công nhận bằng cấp và kinh nghiệm làm việc theo nghề khi cấp giấy phép làm việc cho một số nhân viên quốc tịch nước ngoài chuyên môn về tài chính, kế toán, pháp lý, nguồn nhân lực, quản lý thông tin ...tại DN, tuy nhiên các nghề này lại rất thông dụng trong các ngành sản xuất nói chung, ít khi ảnh hưởng đến đặc tính của ngành sản xuất. Đề nghị chính phủ VN mở rộng mức chuẩn công nhận kinh nghiệm làm việc đối với nhân lực chuyên nghiệp này làm việc tại các ngành sản xuất nói chung. Bên cạnh đó, ngày càng nhiều thế hệ trẻ là con của cư dân mới tại Đài Loan sau khi tốt nghiệp Đại học, mong muốn đến làm việc cho DN Đài Loan tại Việt Nam, nhưng không thể thực hiện vì không đáp ứng yêu cầu về 3 năm kinh nghiệm làm việc. Do thế hệ trẻ Đài Loan không thể đến làm việc tại Việt Nam, trong khi đó nguồn nhân lực kỹ thuật Việt Nam nói chung chưa đủ khả năng tiếp nhận công việc, dẫn đến hậu quả nguồn nhân lực của DN Đài Loan bị khan hiếm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh quốc tế của các DN.

Kiến nghị

Đối với quy định cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài, DN Đài Loan kiến nghị mở rộng điều kiện cấp phép, tăng tính linh hoạt cho việc tuyển dụng lao động của các DN Đài Loan.

1. Ký gia hạn giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài, các nhà quản lý đã được cấp phép theo qui định cũ (Nghị định 102/2013 / ND-CP) và làm việc lâu dài tại Việt Nam, để tránh các DN Đài Loan bị thiếu hụt nhân sự và bị thiệt thòi do không thể nâng cấp công nghệ sản xuất.

2. Đối với các nhân viên chuyên ngành về tài chính, kế toán, pháp lý, nguồn nhân lực, quản lý thông tin ...làm việc tại các ngành nghề nói chung, công nhận về kinh nghiệm làm việc không nên chỉ giới hạn chuyên ngành liên quan.

3. Đề nghị sửa đổi khoản 3 điều 3 Nghị định số 11/2016 / ND-CP như sau: Chuyên gia là người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có văn bản xác nhận là chuyên gia của cơ quan, tổ chức, DN tại nước ngoài; b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương ; c) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

(5)Tiền lương

Duy trì tốc độ tăng lương ổn định

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Đối với chủ DN, việc tăng lương tối thiểu ngoài trực tiếp làm tăng chi phí tiền lương lao động, còn nảy sinh các khoản chi phí lao động khác, chẳng hạn như bảo hiểm xã hội, lương làm thêm giờ, tiền thưởng cuối năm, kinh phí công đoàn, làm tăng chi phí kinh doanh. DN Đài Loan đa số đầu tư ngành chế xuất, sử dụng một số lượng công nhân Việt Nam đáng kể, vì vậy khi lương tăng, thêm gánh nặng đối với DN vì chi phí lao động chiếm một tỷ lệ rất cao trong chi phí kinh doanh. Tốc độ tăng lương quá mức khiến cho DN Đài Loan bị mất lợi thế cạnh tranh về chi phí lao động. Gánh nặng chi phí quá mức, e rằng sẽ khiến họ chuyển đến khu vực khác có chi phí lao động rẻ hơn, điều này ảnh hưởng bất lợi cho việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam điều chỉnh mức lương tối thiểu từng vùng mỗi năm, mức lương tối thiểu trong năm 2016 là 2,4-3,5 triệu VND, và năm

2017 điều chỉnh lên 2,58 - 3,75 triệu đồng (tương đương 103-150 USD), tốc độ tăng từ 7,1-7,5%. Các công ty Đài Loan đều cho rằng, tiền lương chi trả cho lao động Việt Nam hiện nay thường cao hơn mức lương tối thiểu theo luật định. Theo Tổ chức ILO (International Labor Organization) thống kê, năm 2015 ở Trung Quốc, mức lương danh nghĩa hàng tháng (nominal wage) trung bình 830 USD, Thái Lan là 394, Philippines là 222, Việt Nam là 217, Campuchia là 159, Indonesia là 156, cho thấy mức lương hiện tại vẫn là lợi thế cạnh tranh của Việt Nam²⁰

So với những năm 2006 đến 2012, Việt Nam do lạm phát nghiêm trọng, mức lương tối thiểu tăng thường xuyên hơn 20%, DN Đài Loan khẳng định những nỗ lực kiềm chế lạm phát và tăng lương của Chính phủ Việt Nam. Từ năm 2015- 2017, mức lương tối thiểu được điều chỉnh bình quân từ 15%, 12,4% và 7,3%, có xu hướng chậm lại. Tuy nhiên, số liệu thống kê của ILO về tốc độ tăng trưởng đồng lương thực vào năm 2015 của Việt Nam vẫn có phần cao hơn so với các nước ASEAN khác (Bảng 5), do đó, DN Đài Loan đề nghị chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng lương ổn định trong thời gian tới, để tạo một môi trường đầu tư tốt hơn, đảm bảo lợi thế cạnh tranh cho DN.

Bảng 5 Mức lương danh nghĩa và tỉ lệ tăng đồng lương thực của các nước đông Á trong năm 2015

Tên nước	2015		Nguồn tư liệu
	Lương danh nghĩa (USD/tháng)	Tỉ lệ tăng đồng lương thực (%)	
TQ đại lục	830	6.9	National Bureau of Statistics China
VN	217	4.8	General Statistics Office of Vietnam
Philippines	222	4.1	National Statistical Office of the Phillipines
Malaysia	755	4.0	Department of Statistics of

²⁰ International Labor Organization (2016) , “Global Wage Report 2016 / 17 : Wage inequality in the workplac,” available at http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/---publ/documents/publication/wcms_537846.pdf

			Malaysia
Singapore	3,558	4.0	Statistics Singapore
Thái Lan	394	2.8	National Statistical Office of Thailand
Indonesia	155	-0.4	Statistics Indonesia of the Republic of Indonesia

Nguồn : căn cứ theo Global Wage Report 2016/17.

http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/---publ/documents/publication/wcms_537846.pdf

Kiến nghị

Để duy trì tốc độ tăng lương ổn định, và cho phép các DN có thể dự đoán về mức tăng lương tối thiểu, kiến nghị Chính phủ Việt Nam tham khảo cách làm của Indonesia, lấy tỉ lệ lạm phát và tốc độ tăng trưởng GDP làm căn cứ cho việc điều chỉnh mức lương tối thiểu mỗi năm, một mặt đảm bảo sức tiêu dùng ổn định cho lao động Việt Nam, mặt khác đáp ứng thay đổi về năng suất tổng thể. Tỷ lệ tăng lương hợp lý sẽ góp phần thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa, ổn định thị trường lao động, hỗ trợ DN kinh doanh liên tục và tạo thêm nhiều cơ hội việc làm.

(6) Thời gian thử việc

Kéo dài thời gian thử việc

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Điều 27 Luật Lao động (10/2012/QH13) quy định, thời gian thử việc của lao động không quá 6 ngày, DN cho rằng trên thực tế không đủ thời gian để nhận định lao động đó có thực sự phù hợp cho công việc hay không. Nhưng sau thời gian thử việc, phải ký hợp đồng lao động 1 năm, có nghĩa là ký hợp đồng bắt đầu từ ngày làm việc thứ 7. Để chấm dứt hợp đồng, phải chờ một năm hết hạn hợp đồng, hoặc phải thỏa thuận đôi bên, không chỉ gây bất lợi cho hiệu suất sử dụng nhân lực, bản thân lao động cũng bị thiệt hại về thể chất và tâm lý do không đáp ứng yêu cầu công việc, dễ gây ra tranh chấp lao động.

Người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại công việc để tuyển dụng và sắp xếp lao động. Hằng

năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề. Tuy nhiên kết quả kiểm tra sức khỏe thông thường chỉ có sau 20 ngày, đã vượt quá thời hạn thử việc, dù phát hiện người lao động không phù hợp với công việc, song chủ DN và người lao động đã ký kết hợp đồng lao động, ảnh hưởng đến kết quả tuyển dụng.

Kiến nghị

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm xung đột lao động, đề nghị chính phủ tham khảo kinh nghiệm của TQ đại lục, thời gian thử việc ít nhất kéo dài từ 1-2 tháng. Điều 19 Luật Hợp tác lao động Trung Quốc quy định, hợp đồng lao động có thời hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm, thời gian thử việc không được vượt quá 1 tháng; hợp đồng lao động từ trên 1 năm và dưới 3 năm, thời gian thử việc không quá 2 tháng; hợp đồng lao động cố định có thời hạn trên 3 năm hoặc không thời hạn, thời gian thử việc không quá 6 tháng.

(7) Điều kiện hưu trí

Tách rời điều kiện hưu trí với thời hạn đóng bảo hiểm xã hội

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Điều 36 Luật Lao động (10/2012/QH13) quy định, các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động bao gồm chủ DN và lao động song phương thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động, và lao động đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội và tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 187 của Bộ luật này.²¹ Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội,

²¹ Luật Lao động (10/2012/QH13) Điều 36. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động

1. Hết hạn hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 192 của Bộ luật này.
2. Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.
3. Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động.
4. Người lao động đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội và tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 187 của Bộ luật này.
5. Người lao động bị kết án tù giam, tử hình hoặc bị cấm làm công việc ghi trong hợp đồng lao động theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.
6. Người lao động chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết.
7. Người sử dụng lao động là cá nhân chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết; người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động.
8. Người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải theo quy định tại khoản 3 Điều 125 của Bộ luật này.
9. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật này.
10. Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật này; người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế hoặc do sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp, hợp tác xã.

nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi, thời gian đóng bảo hiểm xã hội hơn 20 năm được hưởng lương hưu theo quy định. Các công ty sẽ phải đối mặt với lao động tuổi cao và các vấn đề quản lý. Ví dụ, dây chuyền dệt may, giày dép và điện tử đòi hỏi lao động phải nhanh nhẹn, một khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi, phản ứng chậm lại rõ rệt, không còn thích hợp với công việc, nhưng có lẽ là do lao động có thời hạn đóng bảo hiểm xã hội không đủ 20 năm, không muốn nghỉ hưu, DN không thể chấm dứt hợp đồng lao động, dẫn đến vô hiệu quả về nhân lực và sản xuất.

Kiến nghị

DN Đài Loan đa số đầu tư ngành công nghiệp chế xuất, thâm dụng lao động, nên chất lượng lao động của dây chuyền sản xuất ảnh hưởng quan trọng đối với hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm, đề nghị Chính phủ Việt Nam tham khảo thực tiễn của Trung Quốc, Indonesia và Đài Loan, đưa ra điều kiện hưu trí bắt buộc đặc thù, cụ thể bằng cách tách rời điều kiện hưu trí và thời hạn đóng BHXH, để DN có thể áp dụng điều kiện nghỉ hưu bắt buộc khi lao động đủ tuổi nghỉ hưu.

(8) Tổ chức công đoàn

Giảm gánh nặng phí công đoàn cho doanh nghiệp

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Nghị định chính phủ số 191/2013 / NĐ-CP ban hành vào ngày 21 tháng 11 năm 2013, quy định điều chỉnh mức đóng phí công đoàn từ 1% đến 2% tổng mức tiền lương của lao động thuộc đối tượng phải đóng BHXH. Trong tình hình mức lương tối thiểu VN ngày càng tăng qua các năm và tính thêm mức đóng bảo hiểm xã hội, thật sự là một gánh nặng chi phí lớn đối với DN Đài Loan thâm dụng lao động.

Kiến nghị

Tỷ trọng chi phí lao động trên tổng phí sản xuất của các ngành nghề rất khác nhau, 2% phí công đoàn đối với các ngành công nghiệp thâm dụng vốn có thể không lớn, nhưng đối với ngành giày dép, dệt may là ngành công nghiệp thâm dụng lao động, đó lại là gánh nặng không nhỏ. Do đó, DN Đài Loan đề nghị chính phủ Việt Nam nên quy định mức

đóng tùy theo đặc điểm từng ngành nghề, nhằm giảm bớt gánh nặng chi phí bổ sung của DN, nâng cao khả năng sản xuất cạnh tranh.

3. Về thuế (Bộ ngành liên quan : Bộ Tài chính, Tổng cục thuế, Bộ Thông tin truyền thông)

(1) Ưu đãi về thuế, tiền thuế

Làm rõ điều kiện được hưởng ưu đãi

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Nghị định Việt Nam sửa đổi nhiều lần trong những năm qua, và đã tạm ngừng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong những năm 2009-2013, dẫn đến điều kiện áp dụng các mức thuế ưu đãi thay đổi tùy theo thời điểm đầu tư khác nhau, hơn nữa do chênh lệch về giải thích hoặc yếu tố thẩm quyền, nên xảy ra trường hợp DN Đài Loan bị thua thiệt do áp dụng thuế suất ưu đãi.

Do quy định bị sửa đổi nhiều lần, điều kiện hưởng thuế ưu đãi thu nhập doanh nghiệp rắc rối và phức tạp, ví dụ, DN Đài Loan đầu tư 1 triệu USD trong năm 2008, được giảm thuế 15% trong 10 năm, năm 2010, DN tăng vốn đầu tư đến 5 triệu USD, nhưng vì sau đó quy định ưu đãi bị hoàn toàn đông băng từ năm 2009 đến năm 2013, nên 4 triệu USD đầu tư vẫn bị đánh thuế bình thường. Nếu doanh nghiệp không hiểu rõ quy định pháp luật, không tách riêng số vốn chịu thuế bình thường, sẽ không được ưu đãi, hiểu lầm chính phủ thất hứa.

Bên cạnh đó, khi DN đến đầu tư xây dựng nhà máy, được chính quyền địa phương cam kết cho hưởng mức thuế ưu đãi và tiền thuế, nhưng sau đó thanh tra thuế trung ương không công nhận; hoặc Bộ Tài chính bác bỏ các quyết định của cơ quan đầu tư cho DN hưởng thuế ưu đãi và yêu cầu truy thu thuế. Mặc dù DN Đài Loan có kháng cáo theo luật pháp, nhưng do thời gian xét xử kéo dài, tốn kém thời gian và tiền bạc, và cho dù có thắng kiện chưa chắc cho hưởng ưu đãi trở lại. Điều kiện thuế, tiền thuế không rõ ràng, ảnh hưởng đến đánh giá đầu tư tại Việt Nam, làm tăng rủi ro đầu tư, tác động xấu đến tăng trưởng môi trường đầu tư của Việt Nam.

Kiến nghị

Kiến nghị Cơ quan thuế Việt Nam nên công bố giải thích rõ ràng cho sự sửa đổi về ưu đãi cắt giảm thuế, điều kiện áp dụng và cách tính, tăng cường phổ biến, để các DN Đài Loan hiểu rõ nắm vững thuế suất ưu đãi và thuế suất chung áp dụng trong từng năm qua. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam cần tăng cường cơ chế hợp tác điều phối giữa các bộ, có biện pháp xử lý nhất quán liên tục trong các trường hợp cam kết hoặc xét xử dành cho DN Đài Loan cho dù đó là cơ quan trung ương hoặc chính quyền địa phương, tránh phủ quyết lời cam kết của chính quyền địa phương, vi phạm nguyên tắc bảo vệ và tin cậy, giúp cho DN Đài Loan đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn, làm giảm rủi ro đầu tư tại Việt Nam.

(2)Thuế nhà thầu nước ngoài

Trường hợp máy móc, thiết bị nhập khẩu gắn liền với dịch vụ cung cấp, đề nghị miễn giảm thuế theo Hiệp định thỏa thuận của Tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế.

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Bộ Tài chính Việt Nam ban hành Thông tư số 103/2014 / TT-BTC vào ngày 06 tháng 8 năm 2014, hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại VN có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2014. Thông báo này quy định các doanh nghiệp Việt Nam (bao gồm cả các công ty nước ngoài) khi ký hợp đồng và thanh toán với tổ chức, cá nhân nước ngoài (không hoạt động theo luật Việt Nam) có phát sinh thu nhập từ cung ứng dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa tại Việt Nam, phải áp dụng thuế nhà thầu nước ngoài, trong đó bao gồm lãi, lệ phí bản quyền, phí dịch vụ, cho thuê, bảo hiểm, vận tải, chuyển nhượng chứng khoán, và nguồn hàng cung cấp trong nước hoặc dịch vụ cung cấp liên quan, cũng như sắp xếp phân phối nhất định.

DN phản ánh: Chi phí mua sắm máy móc thiết bị thường gắn liền phí dịch vụ vận chuyển và lắp đặt, đối với trường hợp có thể tách rời, phí dịch vụ áp thuế nhà thầu nước ngoài 10% (5% thuế GTGT và 5% thuế TNDN), trường hợp không thể tách rời, sẽ áp mức thuế chung 5% (thuế GTGT 3% và thuế TNDN 2%).

Nhưng trên thực tế, giá trị giữa phần mềm như dịch vụ vận chuyển lắp đặt, lắp trình, và phần cứng như máy móc thiết bị nói chung, rất khó tách bạch trong quá trình sản xuất, nếu áp chung mức thuế nhà thầu nước ngoài 5% trên tổng giá trị nhập khẩu máy móc thiết bị đó, sẽ làm tăng chi phí trang bị máy móc của DN Việt Nam và DN Đài Loan, hơn nữa, nhiều máy móc mua qua đại lý nước khác, không rõ cơ cấu giá thành, do đó, DN nhập khẩu Việt Nam và DN Đài Loan không thể tách biệt chi phí phần cứng với dịch vụ gắn liền, gây cản trở bước tiến nâng cấp máy móc kỹ thuật của DN nói riêng và các ngành nghề VN nói chung.

Kiến nghị

Do khó tách rời giữa giá trị của máy móc thiết bị và phí vận chuyển, lắp đặt, thiết kế phần mềm và các dịch vụ khác, thay vì áp thuế trên tổng chi phí, đề nghị quy định một tỉ lệ chịu thuế phù hợp cho trường hợp không thể tách bạch hai khoản chi phí nêu trên, mặt khác, nếu dịch vụ chính do nước ngoài cung cấp, chỉ giới hạn trong một số ngày lắp đặt tại VN, đề nghị 3% thuế GTGT nằm trong thuế nhà thầu nước ngoài 5%, có thể xin hoàn thuế theo từng trường hợp riêng lẻ hoặc được coi là khoản khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Do Đài Loan và Việt Nam đã ký kết Thỏa thuận tránh đánh thuế hai lần, nên 2% thuế TNDN (trong 5 % thuế nhà thầu nước ngoài) phải được khấu trừ. Theo quy định tại điểm g khoản 2, điều 5 của Thỏa thuận tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế do Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam và Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc ký kết (sau đây gọi tắt là Thỏa thuận về thuế Đài - Việt): “ Cơ sở thường trú bao gồm : khu vực dự án công trình, lắp ráp, lắp đặt của hoạt động giám sát có liên quan, với điều kiện dự án hoặc các hoạt động kéo dài hơn 6 tháng", nếu hoạt động đó không quá 6 tháng, 2% thuế TNDN của khoản chi phí nhập khẩu máy móc bao gồm phần cứng, phần mềm và dịch vụ phải chịu, sẽ không được khấu trừ khi DN khai thuế lợi tức tại Đài Loan, dẫn tới tình trạng đánh thuế hai lần, vì vậy chính phủ Việt Nam nên tôn trọng bản thỏa thuận được ký kết giữa song phương, bỏ 2% thuế TNDN trong 5% thuế nhà thầu nước ngoài. Đề nghị chính phủ Việt Nam công bố các biện pháp thi hành phù hợp với thỏa thuận về thuế Đài - Việt. nhằm đơn giản hóa thủ tục nộp đơn và hồ sơ tài liệu liên quan, tư vấn để các doanh nghiệp Đài Loan tận dụng Thỏa thuận về thuế Đài -

Việt, để giảm gánh nặng thuế và thu hút nhiều doanh nhân Đài Loan đầu tư tại Việt Nam.

(3) Kiểm tra thuế và lãi tiền thuế nộp thêm

Rút ngắn thời hạn truy thu thuế, và tính lãi tiền nộp thêm thuế theo lãi suất thị trường

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Kiểm tra thuế tiền hành định kỳ, nhưng thường bao gồm nhiều năm tính thuế, nếu sơ ý khai thiếu, sẽ bị yêu cầu nộp thêm tiền thuế và lãi, gây khó khăn về quản lý nguy cơ tài chính cho DN. Chính phủ Việt Nam có hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về thuế, từ phạt cảnh cáo cho tới phạt tiền gấp nhiều lần tính trên mức thuế vi phạm. Xử phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu. Mức phạt lãi chậm nộp tiền thuế là 0,05%/ ngày tính trên số tiền thuế. Thời hạn truy thu thuế là 10 năm (có hiệu lực thi hành từ 1/7/2013). Thời hạn nộp tiền phạt là 5 năm. Thời hạn truy thu quá dài và lãi tiền thuế nộp thêm quá cao là gánh nặng kinh doanh cho DN.

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ công bố thời hạn kiểm toán hợp lý, giảm thời hạn truy thu và lãi tiền thuế nộp thêm. Theo quan sát, cơ quan chức năng thường cử rất nhiều người đến DN để kiểm toán, vừa gây nỗi ám ảnh và tốn công tốn sức, là nguyên nhân chính không thể thực hiện kiểm toán hàng năm với từng DN. Đề nghị du nhập cơ chế rà soát văn bản, nếu lợi nhuận kê khai đã đạt mức hợp lý, nâng hiệu suất kiểm toán, rút ngắn thời hạn kiểm tra truy thu.

Đề nghị rút ngắn thời hạn truy thu thuế và lãi tiền thuế nộp chậm xuống còn 5 năm. Tham khảo cách tính lãi tiền thuế nộp chậm của một số nước, tính theo lãi suất thị trường bình quân của ngân hàng năm đó. Vừa giải quyết lo ngại về lãi tiền thuế nộp thêm gia tăng do thời hạn kiểm toán quá dài, đồng thời tiền thuế sớm về tay chính phủ. Hoặc có thể kéo thời gian kê khai từ cuối tháng 3 lùi lại cuối tháng 5, để DN có thêm thời gian làm bản báo cáo tài chính, kê khai thuế chính xác hơn.

(4) Chuyển giá

Tăng tính minh bạch và hợp lý khi kiểm soát chống chuyển giá

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

VN đã tăng cường kiểm soát chống chuyển giá đối với DN có vốn đầu tư nước ngoài từ năm 2013. Trong 6 tháng đầu năm 2014, hơn 500 DN bị truy thu thuế, phạt thuế vì kê khai lợi nhuận quá thấp, trong đó gồm nhiều DN Đài Loan. 80% DN Đài Loan đầu tư ngành thâm dụng lao động, sản lượng và doanh số tuy cao, nhưng giá cả do phía thương hiệu đặt hàng quyết định, chi phí tiền lương lao động tăng hàng năm, nên lợi nhuận thu được không nhiều. Cơ quan thuế thường xuống kiểm tra, so sánh báo cáo tài chính, lợi nhuận của Thương hiệu quốc tế hoặc DN cùng ngành, và yêu cầu nộp thuế tương tự.

Song trên thực tế, lợi nhuận DN chịu ảnh hưởng bởi thay đổi của kinh tế thế giới và môi trường đầu tư, không có tình hình tương tự, chính phủ VN không công khai cách thống kê và cách tính mức chuẩn lợi nhuận ngành nghề, như vậy rất khó thuyết phục DN Đài Loan. DN Đài Loan chấp nhận khai thuế trung thực, thực hiện trách nhiệm xã hội, nhưng không thể nào chấp nhận bị yêu cầu nộp thêm tiền thuế không đáng nộp, làm tăng gánh nặng và rủi ro trong kinh doanh.

Kiến nghị

DN Đài Loan đa số gia công cho Thương hiệu quốc tế, mô hình hoạt động có sự chênh lệch lớn so với DN kinh doanh thương hiệu, không có quyền tự chủ, nhất là thu mua nguyên vật liệu và phụ tùng then chốt, đều do Thương hiệu quốc tế chỉ định, sau đó giao DN đi mua, nên DN gia công chỉ thu phí dịch vụ lắp đặt, không thể thu thêm phí thu mua, nên cơ sở tính giá thành thường lớn hơn so với DN độc lập, dẫn tới lợi nhuận thấp hơn so với thị trường chung. Nói một cách khác, nghĩa là lợi nhuận thấp của DN gia công là do mô hình kinh doanh, chứ không phải gian lận thuế.

Đề nghị chính phủ tôn trọng công bố của OECD về “Định giá chuyển giao cho DN đa quốc gia và cơ quan thuế” (OECD Transfer Pricing Guideline for Multinational Enterprises and Tax Administrations), hoàn thiện thêm tiêu chuẩn và thủ tục kiểm tra định giá chuyển giao, nâng

cao trình độ chuyên nghiệp và kỹ thuật kiểm soát của cán bộ thuế, nhằm tăng tính minh bạch, hợp lý về mức chuẩn kiểm soát. Cơ quan chủ quản thuế trên cơ sở quy định điều 25 về Qui trình thỏa thuận song phương của Thỏa thuận về thuế Đài - Việt, và thỏa thuận định giá trước song phương (Bilateral APA), đưa ra trước nguyên tắc và cách tính định giá thương mại liên quan, tránh tranh chấp khi kiểm tra, gây nên gánh nặng thuế.

(5) Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ Đài Loan

Đối với cán bộ Đài Loan, nên được xem như cư dân phi thuế, theo nguyên tắc thuế về cư dân phi thuế, chỉ đánh thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập có nguồn gốc Việt Nam của họ.

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Theo quy định về thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam, Cá nhân cư trú là người có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Mọi thu nhập chịu thuế của cá nhân này (không phân biệt nơi chi trả hoặc thu nhập) phải nộp thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam.

Thu nhập tiền lương vượt mức áp dụng mức thuế suất lũy tiến, thu nhập khác được đánh thuế ở mức độ khác nhau. Năm tính thuế Việt Nam là năm dương lịch. Tuy nhiên, nếu năm dương lịch đầu tiên cá nhân có mặt tại VN ít hơn 183 ngày, năm tính thuế đầu tiên là khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày có mặt. Sau đó, năm tính thuế là năm dương lịch. Trong khi đó, một số công ty Đài Loan áp dụng cơ chế luân chuyển cán bộ sang công tác ở Việt Nam 3 năm 1 lần, năm cuối nhiệm kỳ có mặt tại VN ít hơn 183 ngày, nhưng vẫn bị chính phủ Việt Nam áp thuế TNCN đối với thu nhập cá nhân trên toàn thế giới, tăng một gánh nặng thêm cho đối tượng nộp thuế.

Kiến nghị

Kiến nghị chính phủ Việt Nam căn cứ quy định tại khoản 2 điều 4 Thỏa thuận về thuế Đài - Việt, về tiêu chuẩn ưu tiên khi xác định đối tượng cư trú: “một người được coi là đối tượng cư trú của nước mà người đó có nhà ở thường trú lâu dài; nếu người này có nhà ở thường trú lâu dài tại cả hai nước thì được coi là đối tượng cư trú của nước mà người đó có quan hệ cá nhân và quan hệ kinh tế gần gũi hơn (trọng tâm lợi ích kinh

tế)”. Do cán bộ Đài Loan thường trú tại Đài Loan lâu dài, chỉ ở thuê hoặc tạm trú tại ký túc xá khi đến làm việc tại Việt Nam, Và trọng tâm lợi ích kinh tế vẫn là tại Đài Loan (ví dụ như gia đình, tài sản, quan hệ xã hội, v...v...), nên cán bộ quản lý của Đài Loan phải được coi là cá nhân không cư trú, nên áp dụng nguyên tắc theo cá nhân không cư trú, chỉ chịu thuế thu nhập cá nhân cho nguồn thu nhập tại Việt Nam, không nên mở rộng đến các khoản thu nhập trên toàn thế giới. Tiền lương khai báo chịu thuế của cán bộ quản lý Đài Loan tại Việt Nam nên tham khảo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thỏa thuận về thuế Đài - Việt. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả của bản thỏa thuận, đề nghị Chính phủ Việt Nam cần tăng cường hiệu quả hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt các rào cản xin phép, tận dụng lợi thế thỏa thuận, làm giảm gánh nặng thuế cho cán bộ quản lý Đài Loan tại Việt Nam.

(6) Hoàn thuế VAT

Hoàn thuế qua hệ thống điện tử

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

VN áp dụng thuế VAT với hàng hóa và dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng (bao gồm hàng hóa và dịch vụ mua sắm từ nước ngoài). DN trong nước phải thuế VAT đối với phần giá trị hàng hóa và dịch vụ cung cấp. Tuy nhiên, hàng hóa xuất khẩu sản xuất, gia công, tiêu dùng trong nước đã nộp thuế VAT, có thể xin hoàn thuế. Song theo phản ánh của một số DN, thời gian hoàn thuế thường bị kéo dài và chậm, cũng có trường hợp sau khi hoàn thuế lại bị yêu cầu nộp thêm thuế và lãi, khiến họ cảm thấy rắc rối và tăng chi phí.

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ tham khảo kinh nghiệm của Đài Loan và kinh nghiệm nước khác, thông qua hệ thống điện tử để kiểm tra mối quan hệ giữa đầu ra và đầu vào, bằng cách đối chiếu mã số thuế, tiền trên hóa đơn và số hóa đơn của DN, qua đó nắm được hạng mục thuế phải hoàn trả, khấu trừ cho nhau giữa tiền thuế VAT hoàn trả với tiền thuế khác phải nộp. Vừa tiết kiệm sức người sức của, đồng thời nâng cao hiệu quả hành chính, cải thiện môi trường kinh tế.

(7) Xử lý phế liệu chế xuất

Có quy định cụ thể về biện pháp xử lý phế liệu, kê khai theo luật sẽ được miễn nộp thêm thuế hải quan.

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

DN phản ánh : Dù phải tốn nhiều thời gian và công sức cho việc xử lý kê khai các phế liệu như nguyên liệu tồn do sự cố chưa tái xuất, sản phẩm hết giá trị kinh doanh, phế liệu... song vẫn bị cơ quan thuế đánh giá là tiêu dùng trong nước, yêu cầu nộp thuế. Chính là tác nhân làm hạn chế ý thức chấp hành hoặc tìm biện pháp xử lý phế thải thỏa đáng của DN, bất lợi cho bảo vệ môi trường. Ở Indonesia, DN được ủy thác đơn vị có chức năng thu mua phế liệu, tiến hành chôn cất hoặc thiêu hủy, phối hợp tốt khi hải quan yêu cầu kiểm tra, DN sẽ được miễn thuế. Tương tự như ở Trung Quốc, Hải quan cấp phép cho DN ủy thác các đơn vị có chức năng xử lý phế liệu qua đốt, chôn hoặc biện pháp vô độc hại khác. Cách làm của Hải quan Đài Loan là công bố tỉ lệ phế liệu cụ thể, giao kế toán chuyên nghiệp theo dõi giám sát suốt quá trình kê khai, và ký chứng nhận kiểm kê, số phế liệu đúng tỉ lệ sẽ được miễn nộp thêm thuế nhập khẩu.

Kiến nghị

Đề nghị Chính phủ tham khảo cách làm của Đài Loan, Trung Quốc, Indonesia, đưa ra biện pháp cụ thể về xử lý phế liệu chế xuất. Hải quan cùng với các cơ quan chủ quản khác có mặt giám sát quá trình thiêu hủy phế liệu hết giá trị, DN chế xuất chấp hành tốt sẽ miễn nộp thêm thuế hải quan. Nếu nhân lực có hạn, có thể thiêu hủy tại một số nơi cố định. DN chỉ cần có đầy đủ chứng từ, kê khai dưới giám sát của kế toán chuyên nghiệp, sẽ được miễn nộp thêm thuế.

4. Vấn đề thương mại (Bộ ngành liên quan : Bộ Công Thương Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan)

(1)Thuế và Hải quan

Hạ thấp hàng rào thuế quan song phương

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Hiện nay, Đài Loan và VN đang thực hiện biểu thuế suất MFD theo cam kết WTO, hàng hóa XK áp dụng hàng rào thuế quan ở mức cao, có khi hơn 10-15%, làm giảm sức cạnh tranh và phát triển thương mại song phương. Đặc biệt là thuế VN khá cao, VN với tư cách là thành viên khối ASEAN đã ký kết FTA với các đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, và ký kết FTA với tư cách là một bên độc lập với Hàn Quốc, Nhật Bản, khiến giá thành nhập khẩu bán thành phẩm và phụ tùng từ phía Đài Loan của DN VN bị tăng cao, họ đã chuyển sang nhập khẩu từ TQ, VN càng thêm ỷ lại vào nhập khẩu TQ.

Ngoài ra, VN thường nâng mức thuế suất áp dụng (applied tariff rate) đối với một số mặt hàng vô duyên cớ, tuy chưa vượt mức ràng buộc của WTO, song vẫn khiến chi phí phụ tùng nhập khẩu của DN Đài Loan bị tăng một cách đáng kể.

Kiến nghị

Nếu có thể hạ thấp rào cản thuế suất song phương, sẽ có lợi cho việc hợp tác, nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng ngành nghề đôi bên, thu hút càng nhiều DN đầu tư. Đề nghị tiến hành đàm phán FTA hoặc ECA (Economic Cooperation Agreement, ECA) với Đài Loan, xúc tiến tư vấn và tác nghiệp nhanh chóng.

Duy trì tính nhất quán về xác định nguyên tắc thuế hải quan

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Chính phủ VN có sự nỗ lực về điều chỉnh nguyên tắc tính thuế hải quan, tuy nhiên do cán bộ Hải quan không thuộc luật hoặc nhập nhằng giữa quy định cũ mới, dẫn tới xác định sai lệch khi thực hiện, làm chậm trễ thời gian thông quan của DN, gây mất mát trong kinh doanh. Chẳng

hạn như cùng một mặt hàng đó vài năm trước thông quan suôn sẻ, sau đó đột nhiên bị truy thu thuế, lãi và tiền phạt, khiến DN bó tay, không biết phải ứng xử ra sao.

Cũng theo phản ánh của DN, do cán bộ hải quan không rõ danh mục hàng hóa nhập khẩu, có sai lầm khi xác định thuế. Ví dụ: tên mặt hàng đều là “Dầu đậu nành”, nhưng trường hợp sử dụng là chăn nuôi hoặc thực phẩm đều không giống nhau, do cán bộ hải quan thiếu hiểu biết, xác định sai mã số thuế hoặc thuế suất. Hoặc DN nhập khẩu chất làm mềm hoặc phụ gia sử dụng để hòa tan cao su, mặt hàng này là hóa phẩm hữu cơ (HS29173920) có thuế suất bằng 0, DN làm thủ tục kê khai, thông quan suôn sẻ tại các tỉnh miền bắc, trong khi đó hải quan các tỉnh miền nam lại yêu cầu DN kê khai theo mặt hàng hoạt chất giao diện hữu cơ (HS34029019) dùng để sản xuất xà bông và chất tẩy rửa, áp thuế 10%, còn yêu cầu kê khai nộp thêm thuế và tiền phạt. nhiều ngành nghề khác cũng gặp thường phải trở trêu tương tự.

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ hạn chế sửa đổi nguyên tắc áp thuế không cần thiết, đồng thời tăng cường đào tạo và nâng cao tính chuyên nghiệp cho cán bộ hải quan, để hạn chế sơ sót khi xác định thuế. Ngoài ra, Hải quan VN nên tăng cường thông tin công khai minh bạch, cung cấp văn bản pháp lý tiếng Anh, hỗ trợ và làm giảm cản ngại ngôn ngữ cho DN Đài Loan, giảm ngộ nhận do hiểu lầm. Chính phủ cũng nên xây dựng chế độ dự thẩm biểu thuế hải quan (Binding Tariff Information), trước khi nhập hàng, nhà nhập khẩu có thể cung cấp hàng mẫu để hải quan dự thẩm, sau khi thẩm tra thuộc tính và phân loại mặt hàng, Hải quan ban hành thông cáo về mã biểu thuế đã duyệt, hải quan cả nước theo đó mà áp dụng chung, trường hợp có ý kiến khác, nên trình cơ quan thẩm quyền trung ương có ý kiến xác định lại đối với mã biểu thuế mới, sau đó mới thông báo DN nhập khẩu về thời gian bắt đầu áp dụng mã biểu thuế mới, tránh tình trạng cán bộ hải quan do hiểu khác mà tùy tiện thay đổi mã biểu thuế, gây mất mát cho DN do bị nộp thêm thuế và tiền phạt.

Bỏ mức trần niên hạn đối với thiết bị nhập khẩu đã qua sử dụng

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Thông tư 23/2015/TT-BKHHCN do Bộ Khoa học và công nghệ VN ban hành vào ngày 13/11/2015, quy định tiêu chí, hồ sơ, thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, bao gồm cả linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế đã qua sử dụng có mã số HS thuộc Chương 84 và Chương 85 quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Có yêu cầu cụ thể là tuổi thiết bị không vượt quá 10 năm, được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) hoặc Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn của các nước G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.. Thông tư này còn quy định Hồ sơ nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng, ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải bổ sung văn bản tài liệu liên quan.

Hội DN Đài Loan thông cảm cách làm này của chính phủ là nhằm ngăn cản thiết bị dây chuyền lạc hậu đi vào VN, song cũng rất mong chính phủ hiểu và thông cảm rằng, quyết sách nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng của DN xuất phát từ duy trì vận hành xuyên suốt của nhà máy. Vì nhiều DN hoạt động tại đây đã hơn chục năm, trải qua thời gian dài khai thác, công suất của dây chuyền và quy trình sản xuất đã tới mức cao nhất. Một khi xảy ra sự cố hư hỏng, trong khi không thể tu sửa hoặc tìm không có thiết bị tương ứng để thay thế, đành phải nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng. Vì thế, quy định trên của Thông tư 23/2015/TT-BKHHCN, đã khiến DN khó xử, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất chung.

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ VN bỏ mức trần niên hạn đối với thiết bị nhập khẩu đã qua sử dụng, đồng thời xác định giá trị sử dụng của thiết bị dựa trên các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và tiết kiệm năng lượng quốc tế; xác định rõ ràng và đơn giản hóa qui trình thủ tục nhập khẩu, giảm thiểu nhận xét chủ quan của cán bộ thi hành.

Đơn giản hóa thủ tục và tăng tính công khai minh bạch

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

DN Đài Loan có nhiều nguyên vật liệu và linh kiện phụ tùng phải nhập khẩu từ nước ngoài, nên họ gặp phải nhiều vướng mắc do khung pháp lý thuế quan thiếu tính chính xác và minh bạch, vướng mắc về thiếu tiêu chuẩn chi tiết và tiêu chuẩn xét nghiệm, kiểm dịch không hoàn toàn công khai, phải qua cán bộ hải quan giải thích hoặc xử lý xác định theo chủ quan, ít áp dụng kinh nghiệm thông quan thành công đã qua, dẫn đến DN khó xác định khi kê khai và thông quan, ảnh hưởng xấu tới tiến độ sản xuất và tiêu thụ, đồng thời làm suy yếu sức sản xuất và cạnh tranh chung của VN.

Đặc biệt là tiêu chí xét nghiệm, kiểm dịch thiếu nhất quán, cùng một mặt hàng, đôi lúc cho thông quan, đôi lúc thì không, quy trình thủ tục và giấy tờ thông quan rườm rà, làm tăng chi phí nhập khẩu cho DN (bảng 6), VN là đất nước có chi phí nhập khẩu cao thứ hai trong 10 nước ASEAN, xếp sau Myanmar, cao hơn cả đối thủ cạnh tranh thương mại là TQ, Ấn Độ, tạo thành rào cản thương mại. Theo như DN ngành thực phẩm phản ánh, nhập khẩu mỗi thứ hàng sản xuất thực phẩm đều phải có công bố chất lượng, do Hà Nội cấp phép, thủ tục rườm rà, nhanh nhất cũng phải mất 45 ngày.

Bảng 6 Thời gian và chi phí thông quan của một số nước chính

Tên nước	Văn bản pháp lý thông quan (documentary compliance)	
	Thời gian nhập khẩu (time to import) (giờ)	Chi phí nhập khẩu (cost to import) (USD)
Myanmar	48	210
Vietnam	76	183
China	66	171
Indonesia	133	164
India	61	135
Cambodia	132	120
Lao PDR	216	115

Tên nước	Văn bản pháp lý thông quan (documentary compliance)	
	Thời gian nhập khẩu (time to import) (giờ)	Chi phí nhập khẩu (cost to import) (USD)
Mexico	18	100
Taiwan	41	90
Malaysia	10	60
Brunei Darussalam	140	50
Philippines	96	50
Thailand	4	43
Singapore	3	40

Nguồn : The World Bank “Doing Business Database”,

<http://www.doingbusiness.org/data/exploretopics/trading-across-borders>(ngày xem mới nhất : 15/02/2017).

Kiến nghị

Đề nghị Hải quan xây dựng các chi tiết thi hành rõ ràng hơn cho các chế độ quy định quan trọng, nhằm hạn chế sự xác định theo chủ quan của cán bộ thi hành. Phát hành văn bản quy định bằng tiếng Anh, hạn chế trường hợp hiểu sai từ ngữ giải thích của DN. Đồng thời đơn giản hóa thủ tục hải quan, giảm bớt văn bản thông quan không cần thiết, tạo tiện lợi nhanh chóng cho thương mại, nâng cao hiệu suất thông quan của VN.

(2) Hỗ trợ thương mại

Hỗ trợ đối phó với vấn đề sản phẩm bán phá giá

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Vài năm gần đây, có nhiều sản phẩm bán phá giá vào VN như sợi, thép giá rẻ... kéo giá thị trường trong nước xuống quá thấp, ảnh hưởng sức cạnh tranh và lợi nhuận của DN VN và ĐL.

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ xây dựng cơ chế hoàn thiện hơn về kiểm soát giá cả và số lượng nhập khẩu, tiến hành điều tra và khởi tố ngay những sản

phẩm nhập khẩu bán phá giá, nhằm bảo vệ sức cạnh tranh của DN trong nước.

5. Về đầu tư (Bộ ngành liên quan : Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin truyền thông.)

(1) Cấp phép đầu tư

Đơn giản hóa thủ tục đầu tư

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Để thỏa mãn nhu cầu ngày càng lớn của thị trường trong nước, DN Đài Loan mở rộng mô hình kinh doanh trên phạm vi địa bàn của nhiều tỉnh thành, tuy nhiên đã gặp khá nhiều vướng mắc về thủ tục xin cấp phép quyền phân phối trong nước. Theo quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BCT ban hành ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương (có hiệu lực kể từ 6/7/2013), đối với DN có vốn đầu tư nước ngoài đã có quyền phân phối đương nhiên có quyền lập một cơ sở bán lẻ thứ nhất, tuy nhiên, đối với việc thành lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thì các DN phải xin phép và phụ thuộc vào việc kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) của địa bàn nơi đặt cơ sở bán lẻ. (ENT bao gồm tình ổn định thị trường, mật độ cư dân, quy mô phát triển địa bàn, báo cáo khảo sát quy hoạch.); Trường hợp lập cơ sở bán lẻ thứ hai có diện tích dưới 500 m² thì không phải thực hiện quy định về ENT, nhưng phải phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế của địa bàn. Hơn nữa thủ tục xin quyền phân phối rườm rà, thời gian xét duyệt đôi khi tốn vài tháng hoặc nửa năm, thậm chí một năm. Thủ tục xin phép quảng bá tiếp thị sản phẩm cũng tốn nhiều công sức, dù hoạt động triển khai ở phạm vi cả nước, nhưng vẫn quy định phải có giấy phép các tỉnh, đôi khi làm mất thời cơ tốt nhất cho hoạt động quảng bá tiếp thị.

Kiến nghị

Đề nghị nói rộng và đơn giản hóa thủ tục cấp phép quyền phân phối, tổ chức hoạt động quảng bá sản phẩm... chẳng hạn như hoạt động tiếp thị phạm vi cả nước, chỉ cần xin phép một lần; nên áp dụng thủ tục thẩm định khác nhau đối với hình thức quy mô quảng bá không giống nhau, chẳng hạn như đối với dạng quảng bá thông thường như treo băng rôn,

phát tờ bướm, điều kiện thủ tục phải đơn giản hơn so với tổ chức hoạt động quảng bá quy mô lớn.

(2) Giấy phép và cấp phép

Thúc đẩy chế độ thừa nhận lẫn nhau

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

DN Đài Loan đang gặp nhiều vướng mắc về chứng nhận và cấp phép trong quá trình đầu tư, làm chậm trễ thời gian hoạt động kinh doanh. Chẳng hạn như chứng nhận sản phẩm xe và phụ tùng, do giữa Cục Đăng kiểm VN và Cục Tiêu chuẩn kiểm nghiệm Đài Loan chưa có chế độ thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, giấy tờ liên quan của Đài Loan chưa hẳn được phía VN thừa nhận. Song giấy tờ của TQ, Hàn Quốc, Nhật Bản đều được thừa nhận trực tiếp, làm chậm trễ quy trình cấp phép cho Đài Loan. Hơn nữa, các cơ quan Đăng kiểm và chứng nhận thường tập trung ở Hà Nội, không tiện cho việc đi lại của DN trụ sở ở miền nam.

Kiến nghị

Đề nghị xúc tiến nhanh cơ chế thừa nhận lẫn nhau với Đài Loan, tránh kiểm nghiệm trùng lặp, kéo dài thời gian cấp phép. Trong thời đại kỹ thuật số phát triển nhanh chóng như hiện nay, Đài Loan và nhiều nước lớn trên thế giới đều áp dụng hình thức cấp phép điện tử, tiết kiệm thời gian đi lại cho DN, đề nghị đẩy mạnh chức năng chính phủ điện tử, tăng hiệu suất tác nghiệp hành chính chung, thông qua kiểm tra lẫn nhau, giảm tỉ lệ sai sót một cách đáng kể. Trong khi chờ đợi hệ thống điện tử được hoàn thiện, đề nghị trước mắt hãy lập chi nhánh đăng kiểm, chứng nhận tại miền nam, để tiện lợi cho DN khi có nhu cầu chứng thực giấy tờ liên quan.

Đẩy nhanh tiến trình cấp phép chứng nhận ATTP(Nafiq) cho DN.

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

DN Đài Loan khi xuất khẩu sản phẩm thủy sản hoặc thức ăn chế biến từ thủy sản đến một số nước (chẳng hạn như TQ), phải có giấy chứng nhận ATTP (Nafiq) phù hợp một số quy định của VN, trong đó có quy định về lao động sản xuất phải qua khóa đào tạo theo chương trình

nhà nước, do giảng viên nhà nước đảm nhận, do số lượng giảng viên không nhiều, tất cả DN đều phải xếp hàng chờ đợi, đôi khi chờ hơn nửa năm, làm chậm trễ thời gian cấp phép Nafiq.

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ bổ sung nhân sự giảng viên đào tạo, nhằm đẩy nhanh tiến trình cấp phép chứng nhận ATTP(Nafiq), trường hợp nhân sự bổ sung chưa kịp, nên nới rộng quy định này.

Cho phép ngân hàng Đài Loan mở thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh thành

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Đất nước VN có diện tích rộng lớn, khách hàng phân phổ khắp các nơi, do cơ quan chức năng của một số tỉnh cứ trì hoãn cấp phép mở thêm chi nhánh, khiến ngân hàng Đài Loan không thể cung cấp dịch vụ tốt cho khách hàng, quy mô hoạt động cũng bị giới hạn cố định. Có lẽ chính phủ VN cho rằng, ngân hàng Đài Loan chỉ phục vụ cho khách Đài Loan, không tác dụng lớn đối với phát triển kinh tế doanh nghiệp trong nước. Đây rõ ràng là một sự hiểu lầm. Ngân hàng Đài Loan còn phục vụ cho nhiều DN trong nước và nước ngoài, khả năng cung cấp về dịch vụ tài chính thương mại (trade finance) và USD rất cao, tuy phạm vi nghiệp vụ có phần nào khác so với ngân hàng nội địa, song đã hỗ trợ thỏa mãn nhu cầu mua USD trong thời gian qua và mở rộng kinh doanh ra nước ngoài sắp tới cho rất nhiều DN VN. Có nhiều kinh nghiệm về cung cấp vốn vay, dịch vụ ngân hàng cho DN vừa và nhỏ.

Ngoài ra, do DN Đài Loan là một khâu trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giao dịch với nhiều DN đa quốc gia, có mối quan hệ tốt với đối tác Nhật Bản, được biết có nhiều DN vừa và nhỏ của nước này rất có hứng thú đầu tư sang VN, giả sử ngân hàng Đài Loan có thêm chi nhánh tại VN, sẽ trở thành đầu mối giao dịch lý tưởng để thu hút nguồn vốn DN Nhật Bản, tạo thêm nhiều cơ hội công ăn việc làm cho lao động VN.

Kiến nghị

Theo kinh nghiệm vừa qua cho thấy, ngân hàng vốn ngoại có đóng góp to lớn cho việc đào tạo nhân lực cho ngành tài chính, nhập khẩu các

mô hình và hệ thống kinh doanh hiện đại cho một nước, ngân hàng Đài Loan cũng có ý muốn phát huy tốt vai trò đó. Có khả năng hỗ trợ tài chính cho DN vừa và nhỏ tại địa phương, phù hợp nhu cầu phát triển ngành nghề nói chung. Đề nghị chính phủ VN cấp phép cho ngân hàng Đài Loan mở thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh thành lớn, vừa tiện việc đi lại cho khách hàng địa phương, đồng thời thông qua mạng lưới ngân hàng thu hút thêm nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, tăng thu nhập ngoại tệ, hỗ trợ đào tạo nhân lực tài chính chuyên nghiệp, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế đất nước.

(3) Bảo hộ đầu tư

Tăng cường bảo hộ đầu tư một cách cụ thể

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Các vụ đình công, biểu tình lao động tại VN xảy ra khá nhiều, tuy nhiên dưới sự hỗ trợ thu xếp của chính quyền, hậu quả thiệt hại không lớn, chỉ có sự kiện 513 xảy ra vào năm 2014, gây thiệt hại to lớn cho DN Đài Loan. Năm 1993, Đài Loan và VN đã ký Thỏa thuận Xúc tiến Bảo hộ đầu tư, nhưng sau sự kiện 513, DN Đài Loan vẫn chưa nhận được bồi thường thỏa đáng, chứng tỏ chức năng thiết thực của Thỏa thuận còn giới hạn. DN tuy có mối lo lắng về an toàn về tài sản và tính mạng, song vì tình hữu nghị lâu nay, không những không rút vốn, mà còn tiếp tục xây thêm nhà máy, khôi phục lại hoạt động. Để DN phát triển bền vững tại VN, đề nghị chính phủ nhanh chóng cập nhật nội dung Thỏa thuận Xúc tiến Bảo hộ đầu tư theo bước phát triển của Thỏa thuận đầu tư quốc tế.

Định nghĩa về đầu tư tại Thỏa thuận Xúc tiến Bảo hộ hiện nay, chưa tương xứng như các Thỏa thuận Đầu tư quốc tế khác ký kết gần đây. Định nghĩa “Tài sản kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ nhà đầu tư nào” khó mở rộng giải thích cho phần đầu tư gián tiếp của DN tại nơi thứ ba, hậu quả là tài sản đầu tư của DN tại VN thông qua TQ, British Virgin Islands không được bảo hộ; Thỏa thuận chưa có điều khoản quy định đầy đủ về đối xử và bảo hộ an toàn, chỉ quy định bảo hộ theo luật song phương, chưa có bảo hộ cụ thể. Về điều khoản đền bù bồi thường, chỉ quy định đền bù trên cơ sở đầy đủ, hợp pháp, tôn trọng, thiếu yêu cầu về thủ tục chính đáng. Chứng tỏ nội dung về bảo hộ con người, tài sản và đền bù bồi thường còn phải làm rõ thêm. Về giải quyết tranh chấp, chưa có quy

định cụ thể về trọng tài xét xử do bên thứ ba đề xuất và được đôi bên đồng ý chấp nhận, cũng chưa quy định cụ thể về thời hạn thỏa thuận trước khi đưa ra trọng tài xét xử, nên rất dễ gây tranh chấp. Sau cùng là việc chấp hành quyết định trọng tài, do Đài Loan không phải bên ký kết Công ước New York, VN thường giữ thái độ bảo thủ khi thi hành quyết định của trọng tài quốc tế, cho nên dù nhà đầu tư có trong tay bản quyết định trọng tài, khi thi hành vẫn gặp phải khó khăn.

Kiến nghị

Đài Loan và Việt Nam đã ký kết Thỏa thuận Xúc tiến Bảo hộ đầu tư vào năm 1993, tuy nhiên điều khoản thỏa thuận chỉ chú trọng về mở rộng hợp tác kinh tế và đầu tư trên cơ sở những nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, chưa có quy định rõ ràng về thiệt hại tài sản đầu tư và yêu cầu chính phủ đền bù, không đáp ứng nhu cầu trong bối cảnh hiện nay, thỏa thuận về bảo hộ cụ thể đối với DN lạc hậu.

Đề nghị Đài Loan và Việt Nam cập nhật lại nội dung Thỏa thuận theo xu hướng phát triển của Thỏa thuận đầu tư quốc tế, tăng mức bảo hộ đối với DN Đài Loan, bổ sung thêm cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế (Alternative Dispute Resolution , ADR), xây dựng cơ chế và cơ quan trọng tài chung, nhằm giải quyết tranh chấp trên cơ sở công bằng, thỏa đáng. Dưới đây xin mời tham khảo nội dung Thỏa thuận Bảo hộ ký kết giữa Đài Loan- Nhật Bản, Thỏa thuận Đầu tư ký kết giữa Đài Loan – Newzealand, Đài Loan- Singapore, và kiến nghị bổ sung các điều Thỏa thuận sau đây:

1. Quy định rõ thuật ngữ Nhà đầu tư (khoản 2 điều 1): nhằm thỏa mãn tính đa dạng về chủ thể nhà đầu tư, đề nghị tham khảo xu hướng Thỏa thuận đầu tư quốc tế, quy định cụ thể phạm vi nhà đầu tư bao gồm : công ty, ủy thác, đối tác, sở hữu duy nhất, liên doanh, liên kết.

2. Nói rộng về loại hình đầu tư (khoản 3 điều 1): Để đáp ứng đa dạng hóa về hình thức đầu tư hiện nay, đề nghị nói rộng loại hình đầu tư tại khoản 3 điều 1 của Thỏa thuận, chẳng hạn như: Cổ phần hoặc vốn góp của công ty, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu tài chính, các khoản vay và các hình thức cho vay khác, quyền lợi theo luật pháp (như nhượng quyền, quyền tham dò khai thác tài nguyên thiên nhiên..) và so sánh đối chiếu với Thỏa thuận Bảo hộ đầu tư Đài

Loan-Nhật Bản, quy định cụ thể về các tài sản do nhà đầu tư kiểm soát trực tiếp hoặc sở hữu, về các tài sản do nhà đầu tư kiểm soát gián tiếp hoặc sở hữu, đều thuộc về các đầu tư trong Thỏa thuận, nhằm gói gộp tình hình đầu tư gián tiếp của DN Đài Loan thông qua nơi thứ ba.

3. Bổ sung sửa đổi quy định tại điều 4: Do ảnh hưởng đa dạng hóa hình thái đầu tư, chính phủ các nước phát triển các phương thức can thiệp vào tài sản đầu tư của người nước ngoài. Để hạn chế rủi ro về mặt chính trị tại nước sở tại cho nhà đầu tư, đề nghị bổ sung sửa đổi quy định trung thu, bao gồm tiêu chuẩn xem xét về trung thu gián tiếp, nguyên tắc đền bù và phạm vi đền bù (có bao gồm mức lãi hợp lý hay không)...

4. Bổ sung điều khoản về tính minh bạch pháp lý: Quy định rõ nghĩa vụ cập nhật pháp lý liên tục của song phương, nhằm nâng cao tính công khai minh bạch về pháp lý, tiết kiệm chi phí tiếp nhận và làm rõ văn bản pháp lý đôi bên.

6. Về nguồn nhân lực (Bộ ngành liên quan : Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(1)Lao động kỹ thuật.

Tăng cường hoạt động giáo dục dạy nghề, đào tạo lao động kỹ thuật

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Theo Báo cáo điều tra về lao động VN của Bộ Kế hoạch Đầu tư và Tổng cục thống kê, lao động phổ thông chiếm 80% dân số lao động, có sự khác biệt tùy theo từng vùng sinh sống. Chẳng hạn như có 39,8 % lao động Hà Nội đã qua các khóa học đào tạo kỹ thuật, tỉ lệ này chỉ có 11,6% tại vùng nông thôn đồng bằng Sông Cửu Long. Lao động có trình độ đại học hoặc cao đẳng chiếm 21,3% dân số lao động Hà Nội, chiếm 20% tại TP. Hồ Chí Minh, chỉ chiếm 4% tại đồng bằng Sông Cửu Long., qua đó cho thấy lao động có trình độ cao vẫn tập trung tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, phân bố không đồng đều.

Hiện nay, lao động có kỹ thuật chỉ chiếm khoảng 38,5% dân số lao động VN,²² Chất lượng lao động cần phải cải thiện nhiều hơn nữa (nếu chấm theo thang điểm 10, thì chất lượng lao động VN chỉ đạt 3,79 điểm), năng suất lao động kém, chỉ bằng 1/15, 1/5 và 2/5 của lao động Singapore, Malaysia và Thái Lan. Việt Nam là nước có dân số lao động trẻ và dồi dào, tuy nhiên lao động kỹ thuật chưa đủ đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của DN nước ngoài ngày càng nhiều trong những năm gần đây. Theo thống kê của cơ quan chức năng, tỉ lệ thất nghiệp hiện nay là 2,33%, nhiều DN Đài Loan và nước ngoài đang đứng trước tình trạng tuyển dụng khó khăn, đặc biệt đối với các ngành sản xuất theo ca liên tục, cần tuyển dụng lao động kỹ thuật. DN đang lo ngại sắp tới đây có khả năng thiếu hụt lao động, nếu như quy định về số giờ làm thêm không được nới rộng, vấn đề thiếu hụt lao động kỹ thuật sẽ càng thêm nghiêm trọng.

Kiến nghị

DN Đài Loan luôn chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, ngoài phục vụ cho hướng phát triển lâu dài của DN, còn góp phần hỗ trợ nâng cấp chuyển đổi ngành nghề của VN, tạo nhiều giá trị gia tăng. Đề nghị chính phủ triển khai chương trình hợp tác với Đài Loan về đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề kỹ thuật, soạn thảo kế hoạch đào tạo ngành nghề phù hợp, nhằm hoàn thiện hệ thống giáo dục và cơ sở đào tạo ngành nghề kỹ thuật tại Việt Nam. Về biện pháp cụ thể, chẳng hạn như thành lập Trung tâm và Cao đẳng dạy nghề, đẩy mạnh hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực, trao đổi giao lưu hai chiều giữa giáo viên và học sinh, thành lập hệ thống thông tin về nguồn nhân lực, đào tạo theo nhu cầu linh hoạt, hình thành hệ thống kiểm định theo nhu cầu phát triển ngành nghề, cải thiện xây dựng công cộng và đầu tư trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo...

²² Tô Kinh tế Văn phòng tại TP. HCM (2016), “ lao động qua đào tạo chỉ khoảng 38,5%, website : <http://hsl101.taiwantrade.com.tw/CH/bizsearchdetail/8148864/C?keyword0=%20E5%8B%9E%E5%8B%95%E9%83%A8%20E8%81%B7%E8%A8%93> .

(2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp

Đẩy mạnh đào tạo về nguồn nhân lực chuyên nghiệp

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Giữa những năm 1980, VN áp dụng chính sách đổi mới, đẩy mạnh hội nhập vào kinh tế và thị trường quốc tế, tham gia WTO, ký kết Hiệp định FTA mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế. DN Đài Loan khẳng định những nỗ lực về cải cách thể chế và sửa đổi pháp quy của VN trong thời gian vừa qua, nhìn chung, trình độ chuyên môn và tổ chức của cán bộ thi hành và nhân lực VN còn khập khiễng so với bước tiến cải cách luật pháp, gây nên thiếu đồng bộ giữa lập pháp và hành pháp. Chẳng hạn như Luật Bảo vệ môi trường và Luật thuế, nhiều quy định pháp luật hiện nay được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định pháp luật của Âu Mỹ, hoặc luật quốc tế, quy định rườm rà, thủ tục kiểm tra đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, có DN Đài Loan từng nhờ công ty tư vấn luật do cơ quan chức năng giới thiệu hỗ trợ giải thích Luật Bảo vệ môi trường, vẫn xuất hiện trường hợp hiểu sai.

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ tìm biện pháp thu hút nguồn nhân lực nước ngoài, đồng thời đào tạo nhân lực có chuyên môn về ngành tài chính, thuế, môi trường, nguồn nhân lực, tư vấn tâm lý... thông thạo tiếng Việt- Hoa hoặc Việt- Anh. Khi ban hành pháp lệnh mới, phải phối hợp tăng cường tập huấn đối với văn phòng luật, văn phòng kế toán hoặc công ty tư vấn, nhằm hạn chế trường hợp hiểu sai luật.

7. Bảo vệ môi trường và pháp lý (Bộ ngành liên quan : Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Môi trường)

(1) Quy phạm pháp lệnh.

Cung cấp văn bản pháp quy tiếng Anh, tăng tính công khai minh bạch

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Luật Bảo vệ môi trường của VN ban hành từ năm 1993, qua 2 lần bổ sung sửa đổi vào năm 2003 và 2014. Luật bảo vệ môi trường mới nhất hiện nay, bao gồm một số điều sửa đổi, bổ sung của Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua và ban hành ngày 23 tháng 06 năm 2014, có hiệu lực thi hành kể từ 1/1/2015. Bổ sung thêm khái niệm về kinh tế xanh, phát triển bền vững, quy định trách nhiệm của DN sản xuất kinh doanh, chẳng hạn như “Thiết bị kiểm soát nước thải tự động”, “Xác định hệ thống quản lý môi trường theo quy định”, “Thiết bị kiểm soát khí thải độc hại”, “Thiết bị kiểm soát tự động”... Quy định rõ trách nhiệm đối với các cơ quan chức năng, sửa đổi ban hành một số văn bản hướng dẫn thi hành, quy chuẩn chất thải...²³

Do ý thức về vệ sinh môi trường của người dân ngày một cao, chính phủ VN điều chỉnh Luật Bảo vệ môi trường và tiến hành kiểm tra kết quả thực hiện. Tuy nhiên, vì quy định rườm rà, sửa đổi liên tục, nhiều văn bản quan trọng không có bản tiếng Anh, gây khó xử cho DN nước ngoài khi thi hành. Chẳng hạn như DN Nhật thường bị kiểm tra, thậm chí bị hồi tố.

²³ JETRO Văn phòng Hà Nội, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), thi hành từ 1/1/2015
JETRO 河内事務所, 改訂環境保護法(2015/01/01 施行)等の環境法規の動向について, 2015年3月, https://www.jetro.go.jp/ext_images/_Reports/1_1503kankyohogohou.pdf。

²⁴ DN Đài Loan gần đây cũng gặp rắc rối tương tự. Theo phản ánh của một số DN, chính phủ sửa đổi quy định, nâng mức chuẩn bảo vệ môi trường, hoặc khi xảy ra tranh chấp, cơ quan chức năng kéo dài thời gian cấp phép, thậm chí thu hồi giấy phép đã cấp trước đó, khiến bất ổn đầu tư tăng cao.

Kiến nghị

Thiết nghĩ, phát triển kinh tế, cần đi đôi với bảo vệ môi trường, nhất là ô nhiễm làm cho khí hậu thay đổi, chúng tôi đánh giá cao hành động bảo vệ môi trường của chính phủ VN. DN nước ngoài phải có trách nhiệm thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, do quy định rườm rà, sửa đổi liên tục, nhiều văn bản quan trọng không có bản tiếng Anh, là nguyên nhân khiến DN nước ngoài gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, Hội thương gia Đài Loan đề nghị chính phủ, xây dựng kênh thông cáo chung đối với văn bản Luật Bảo vệ môi trường, cung cấp bản tiếng Anh và giải nghĩa liên quan, hỗ trợ cho DN giảm chi phí thi hành.

(2) Quy trình thi hành

Cho DN có thời gian điều chỉnh thỏa đáng, và duy trì tính nhất quán khi các tỉnh thành thi hành.

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Theo phản ánh, một số DN Đài Loan đã được cấp giấy phép, nhưng sau đó bị thu hồi do chính phủ dự kiến nâng cao mức chuẩn bảo vệ môi trường, hoặc kéo dài thời gian xét duyệt hồ sơ cấp phép. Điều này khiến DN vô cùng bối rối. Chẳng hạn như Bộ luật Phòng cháy chữa cháy năm 1995, có nhiều quy định mới về chi tiết thi hành, song nội dung vẫn chưa hoàn chỉnh, không biết sau này có hồi tố hay không. Đối với trường hợp DN có nhiều nhà máy hoạt động tại các tỉnh khác nhau, quy mô ngày càng mở rộng, chi phí sẽ gia tăng. Để thỏa mãn yêu cầu phát triển sản xuất, DN xây thêm nhà máy mới tại địa bàn hoạt động cũ, khi có đoàn công tác đến kiểm tra PCCC, tiêu chuẩn về yêu cầu đối chiếu hệ thống tưới nước giữa nhà máy cũ và mới thường khác nhau tùy theo từng cán bộ kiểm tra.

²⁴ https://www.jetro.go.jp/ext_images/_Reports/1_1503kankyohogohou.pdf

Kiến nghị

Thông thường, nội dung và tiêu chuẩn quy định của luật mới thường nghiêm hơn luật cũ, đề nghị áp dụng quy định cũ đối với thời hạn còn lại của giấy phép được cấp theo luật cũ, hoặc cho phép DN có một khoảng thời gian thích nghi đầy đủ đối với hạng mục và phạm vi sửa đổi, nhằm giảm nguy cơ và chi phí kinh doanh do gián đoạn vận hành. Đồng thời đề nghị tăng cường hướng dẫn cho doanh nghiệp Đài Loan, văn phòng luật, văn phòng kế toán, công ty cố vấn sau khi quy định luật mới được ban hành, nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp nắm vững trọng tâm sửa đổi, để tránh tình trạng hiểu lầm quy định pháp luật.

8. Về cơ sở hạ tầng (Bộ ngành liên quan: Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Giao thông, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin Truyền thông)

(1) Xây dựng cơ sở hạ tầng và đảm bảo chất lượng

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đảm bảo chất lượng

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Tuy được nhà nước chủ trương đầu tư phát triển liên tục, song cơ sở hạ tầng chung của VN vẫn còn nhiều thiếu thốn, chẳng hạn như: sân bay, bến cảng, hệ thống đường sắt cần phải tiếp tục cải thiện về mặt chất lượng. Hệ thống cung cấp điện do dựa trên thủy điện là chính, nên thường không cung ứng đủ nhu cầu trong mùa khô, tình trạng cả nước thiếu điện là chuyện bình thường. Tuy chính phủ áp dụng chính sách tăng giá điện, nhưng vẫn không chế lượng điện sử dụng của DN, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất. Để giải quyết vấn nạn thiếu điện lâu dài, nhà nước đã ký kết hợp tác với Nga và Nhật, xây dựng nhà máy điện hạt nhân đầu tiên, nhưng thời gian khởi công dự kiến dời đến năm 2020.²⁵Vấn nạn kẹt xe trong các thành phố lớn càng thêm nghiêm trọng, đặc biệt là tình trạng giao thông bị tê liệt sau những trận mưa to gây ngập nước ở TP. HCM, thành phố lớn nhất của Việt Nam.

²⁵ Tổ kinh tế Văn phòng TP.HCM (2016) ·” Tài liệu tham khảo về Môi trường KT-TM và đầu tư VN” · P.9 · Website : <http://www.taiwanembassy.org/uploads/sites/99/2016/12/2016-%E6%9B%B4%E6%96%B0%E7%89%88-%E6%95%B4%E4%BB%BD2.pdf> ·

Các doanh nghiệp Đài Loan đa số đầu tư ngành nghề gia công chế xuất truyền thống như : da giày, dệt may...vì vậy phụ thuộc rất nhiều vào vận tải đường biển, do các cảng quan trọng thường tập trung ở hai miền nam bắc như: cảng Hải Phòng, cảng TP. HCM...Khối lượng thương mại Việt Nam ngày càng tăng, hàng hóa thông qua cảng biển cũng tăng mạnh, một số lượng lớn tàu thuyền và hàng hóa bị ùn tắc, ảnh hưởng đến thời gian giao hàng chính xác của DN..

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ VN xúc tiến việc xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan theo mô hình hợp tác công tư (Public-Private Partnerships, PPP) hoặc mô hình Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (Build-Operate-Transfer, BOT) với doanh nghiệp Đài Loan hoặc nhà đầu tư nước ngoài, nhằm thúc đẩy nhanh xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng, cải thiện môi trường đầu tư. Đặc biệt là ngành xuất khẩu đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế và giải quyết việc làm hiện nay. Chính phủ nên tăng cường kênh vận tải đối ngoại, nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Đề nghị xây dựng nhanh cảng nước sâu để giảm gánh nặng cho nhiều bến cảng đang bị quá tải.

(2) Mạng thông tin di động và bảo đảm chất lượng

Hoàn thiện mạng thông tin di động và bảo đảm chất lượng

Vấn đề trình bày và sự tác động của nó

Theo bước tiến của thời đại kỹ thuật số, vai trò mạng thông tin di động ngày càng quan trọng, cũng là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả kinh doanh. Theo Báo cáo Akamai năm 2015: Tốc độ kết nối bình quân (Average Connection Speed) VN là 3,4 Mbps, thấp hơn nhiều so với kết nối bình quân toàn cầu là 5,1 Mbps. Thống kê của International Telecommunication Union năm 2015, chi phí kết nối VN chiếm 2% tỷ lệ thu nhập quốc dân, tỷ lệ này ở Singapore là 0,7%, chứng tỏ phí kết nối mạng của Việt Nam còn quá cao.

Bảng 7 Khái quát về sử dụng Internet của 6 nước ASEAN

	Số người sử dụng Internet so với dân số năm 2015 (%)	Tốc độ mạng bình quân năm 2015 (Mbps) ^b	Phí Internet so với thu nhập quốc dân năm 2014 (%)
Cả thế giới	42	5.1	-
Singapore	84	12.5	0.70
Malaysia	67	4.9	3.10
Thái Lan	54	8.2	3.63
Việt Nam	50	3.4	2.00
Philippines	46	2.8	8.27
Indonesia	34	3.0	3.11
Ấn Độ	19	2.5	5.28

Nguồn : a. Digital, Social, and Mobile in APAC 2015, we are social & iab Singapore (2015) ◦

b. Akamai's state of the internet (2015) ◦

c. Measuring the Information Society Report 2015, ITU ◦

Kiến nghị

Đề nghị chính phủ tiếp tục hoàn thiện xây dựng hệ thống mạng thông tin di động, nâng tốc độ mạng và tính ổn định kết nối, giảm mức chênh lệch kỹ thuật so với các nước khác, nhằm tạo môi trường tốt cho đầu tư. Mạng thông tin di động kỹ thuật chất lượng cao sẽ góp phần thúc đẩy ngành nghề mới phát triển và thế hệ trẻ khởi nghiệp, hỗ trợ chuyển đổi và nâng cấp ngành nghề.

Phần III Thúc đẩy triển vọng về hợp tác thương mại và đầu tư của Đài Loan- Việt Nam

Mối quan hệ kinh tế thương mại và liên kết sản xuất giữa Đài Loan và Việt Nam vốn rất mật thiết. Việt Nam là cơ sở gia công quan trọng của doanh nghiệp Đài Loan tại ASEAN, đồng thời là mắt xích quan trọng kết nối chuỗi ngành nghề toàn cầu và Đông Á của Đài Loan. Giữa Đài Loan và Việt Nam có tính hỗ trợ lẫn nhau cao, chỉ cần hỗ trợ tốt để cùng phát huy ưu điểm, đi sâu hợp tác, chắc chắn đem về lợi ích cho sự phát triển kinh tế thương mại và ngành nghề đôi bên, tạo nên cục diện cùng thắng lợi.

Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, hiện đang tích cực nâng cấp ngành nghề, hướng tới phát triển ngành nghề mới có giá trị gia tăng. Việt Nam và Đài Loan có điểm tương đồng về nhân văn, tập quán sinh sống, có nhiều kinh nghiệm thành công về công nghiệp hóa, giàu năng lực sáng tạo, có ưu thế về giáo dục, văn hóa, du lịch, khoa học kỹ thuật và nông nghiệp..., Đài Loan đang đẩy mạnh Chính sách hướng Nam mới, rất mong thúc đẩy đi sâu giao lưu hợp tác đa dạng với Việt Nam, cùng nhau xây dựng quan hệ đối tác toàn diện, đối tác cùng phát triển kinh tế, cùng chia sẻ nguồn nhân lực, cùng đổi mới chất lượng cuộc sống và đối tác liên kết quốc tế cùng có lợi với Việt Nam.

So với doanh nghiệp nước ngoài của các nước tiên tiến như Châu Âu, Mỹ, Nhật, thì mức độ phát triển giữa Đài Loan và Việt Nam tương đối gần, kinh nghiệm và kỹ thuật ngành nghề Đài Loan cũng phù hợp hơn với nhu cầu của Việt Nam. Ông Lý Quang Diệu, nguyên cố vấn kinh tế chính phủ Việt Nam từng khuyến cáo : “ Việt Nam nên học tập kinh nghiệm phát triển kinh tế của Đài Loan, vì cả hai đều đi lên từ nền nông nghiệp nhỏ, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ là một biện pháp linh hoạt và căn bản” Đài Loan từ một xã hội nông nghiệp phát triển đi lên trở thành một nước công nghiệp, có nhiều tấm gương đáng để kinh tế Việt Nam noi theo, hơn nữa, doanh nghiệp Đài Loan có tình nghĩa sâu nặng, có tấm lòng và nhiệt tình hợp tác phát triển ngành nghề với Việt Nam, và tin rằng dưới sự hợp tác đôi bên, chắc chắn sẽ góp phần thúc đẩy sự nghiệp cải cách, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu ngành nghề và tăng sức cạnh tranh quốc tế của Việt Nam.

Có thể tiến hành rất nhiều chương trình hợp tác phát triển giữa VN và Đài Loan, đề nghị ưu tiên thực hiện 6 chương trình hợp tác cụ thể trong năm nay, bao gồm : Đào tạo nguồn nhân lực, kỹ thuật nông nghiệp cao và nuôi trồng thủy sản, y tế, khởi nghiệp sáng tạo, thông tin di động và hệ thống đầu ra, tăng cường thu hút vốn đầu tư Đài Loan...

I. Hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực

Theo báo cáo phát triển nhân lực của Liên Hiệp Quốc, năm 2014, dân số Việt Nam hơn 90 triệu, trong đó, 70% ở độ tuổi từ 15-64, cao hơn bình quân thế giới (65,8%). Theo UNDP (The United Nations Development Programme) về chỉ số phát triển của nhân loại (Human Development Index , HDI), HDI của Việt Nam²⁶ từ 0,463 tăng lên 0,666 trong hơn 30 năm qua, xếp hạng 116 trong 188 nước, cho thấy kinh tế phát triển, sức khỏe người dân, đào tạo nguồn nhân lực của Việt Nam trong hơn 30 năm qua đều có mặt cải thiện rõ rệt. tuy nhiên nếu đem so sánh với hệ số bình quân (0,710) của các nước vùng Đông Á và Thái Bình Dương, thì vẫn thấp hơn tương đối, cho nên nhà nước Việt Nam vẫn tìm cách đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực.

Báo cáo nghiên cứu của Lâm Văn Thụ (2012): ²⁷Theo Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 công bố vào tháng 4 năm 2011, đưa ra mục tiêu phát triển cụ thể, bao gồm: nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng làm việc của nhân lực Việt Nam phải tiếp cận trình độ các nước tiên tiến ở khu vực, một số mặt tiếp cận trình độ các nước tiên tiến trên thế giới; Đào tạo nhân lực Việt Nam hội đủ các yếu tố cần thiết về thái độ nghề nghiệp, có năng lực ứng xử, (đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong làm việc, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân ...) và tính năng động, tự lực cao, đáp ứng ²⁸ những yêu cầu đặt ra đối với người lao động trong xã hội công nghiệp;

²⁶ Chỉ số HDI, là chỉ số so sánh, định lượng về mức thu nhập, tỷ lệ biết chữ, tuổi thọ và một số nhân tố khác của các quốc gia trên thế giới. HDI giúp tạo ra một cái nhìn tổng quát về sự phát triển của một quốc gia..

²⁷ Lâm Văn Thụ (2012) “Nghiên cứu chế độ và chính sách về Hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề ở Việt Nam – Bàn thêm về sách lược Đài Loan về tương hợp việc mở rộng giáo dục của Việt Nam”, Chương Trình của Viện Nghiên cứu Giáo Dục

²⁸ Lý luận tương hợp (Correspondence Theory): Mục đích chính là để khám phá những mối quan hệ tương ứng giữa giáo dục và hệ thống kinh tế. Có hai quan điểm của các học giả. Một là giá trị nội tại của giáo dục là để thúc đẩy tăng trưởng và chuyển đổi kinh nghiệm cá nhân, chứ không phải là chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai, và cũng không có trách nhiệm phục vụ cho hệ thống kinh tế. Hai là giáo dục là công cụ của xã hội, phải đáp ứng đầy đủ các nhu cầu kinh tế và chính trị, và điều chỉnh mục tiêu tùy theo sự phát triển kinh tế và thay đổi xã hội. Do đó, trau dồi kiến thức, thái độ và tính

Xây dựng được xã hội học tập, đảm bảo cho tất cả các công dân Việt Nam có cơ hội bình đẳng trong học tập, đào tạo: Xây dựng được hệ thống các cơ sở đào tạo nhân lực tiên tiến, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

Tiêu chí phát triển nguồn nhân lực cụ thể là : đến năm 2020, 70% tỉ lệ lao động qua đào tạo, 55% có kỹ thuật chuyên môn, mục tiêu cơ cấu nhân lực Việt Nam là : 50% nhân lực làm việc trong ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 23-24% làm việc cho ngành công nghiệp- xây dựng, 26-27% cho ngành dịch vụ..²⁹ Cho thấy Việt Nam có nhu cầu cao về đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ngành công nghiệp- xây dựng, ngành dịch vụ....

Đài Loan có nền tảng giáo dục hướng nghiệp vững chắc, qua hệ thống trường lớp, Đài Loan đã đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chuyên môn hùng hậu cho ngành công nghiệp công nghệ cao từ những năm 1970, thỏa mãn nhu cầu về công nhân kỹ nghệ (Skill Worker) và kỹ sư (Technician) cho ngành, tạo ra “Kinh nghiệm Đài Loan” nổi tiếng thế giới, đưa Đài Loan đứng vào hàng ngũ 4 con rồng Châu Á giàu tiềm năng nhất, nên chắc chắn thỏa mãn được nhu cầu về giáo viên giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực của VN, đây là lĩnh vực hợp tác quan trọng về đào tạo nguồn nhân lực giữa Đài Loan và Việt Nam.

Trên thực tế, hợp tác giáo dục giữa Đài Loan và Việt Nam đã có nền tảng thực hiện hơn 10 năm. Tại Hội thảo Giáo dục Đài Loan -Việt Nam 2015, hai bên ký kết “Thỏa thuận Hợp tác Giáo dục”, với 4 chủ đề chính là nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nhân tài và cung cấp nhân lực lao động, công nhận văn bằng chứng chỉ cao đẳng, hợp tác giảng dạy ngữ văn Hoa Việt.. nhằm tăng cường sự hợp tác giữa đào tạo đội ngũ giáo viên và học sinh.

Tóm lại, với nền tảng hợp tác vừa qua, việc giáo dục và đào tạo sắp tới đây cũng sẽ được xúc tiến liên tục qua mô hình hợp tác đào tạo và hướng nghiệp giữa doanh nghiệp và trường học. Mặc khác, nhằm thỏa

cách tại nhà trường, là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ. Quan niệm thứ hai chứa khái niệm về "trung hợp", có nghĩa là giáo dục trường học phải phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.(Tham khảo website Viện Nghiên cứu Giáo dục :<http://terms.naer.edu.tw/detail/1310669/>)

²⁹ Lâm Văn Thụ (2012) “Nghiên cứu chế độ và chính sách về Hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề ở Việt Nam – Bàn thêm về sách lược Đài Loan về trung hợp việc mở rộng giáo dục của Việt Nam”, Chương Trình của Viện Nghiên cứu Giáo Dục

mãn nhu cầu về đô thị hóa của nền kinh tế Việt Nam, phát huy tốt hiệu quả sau khi Hiệp định thuận tiện hóa thương mại WTO được thi hành, ngoài việc hợp tác nêu trên, hai bên sẽ có thêm cơ hội hợp tác trên lĩnh vực xây dựng thành phố thông minh, thuận tiện hóa thương mại... Cụ thể là :

Một là, Mở rộng mô hình hợp tác trường cao đẳng kỹ nghệ và sử dụng nhân tài. Do Việt Nam là nước đầu tư quan trọng của doanh nghiệp Đài Loan, Đài Loan lại có nhiều năm kinh nghiệm về hợp tác đào tạo hướng nghiệp giữa nhà trường và doanh nghiệp, cho nên hai bên có thể mở rộng phạm vi hợp tác, thông qua sự hợp tác của doanh nghiệp đầu tư và nhà trường trong nước, thành lập trường cao đẳng ở nước ngoài, lập chế độ học bổng, theo chỉ tiêu đào tạo nhân lực công nghiệp, dịch vụ đến năm 2020, đẩy mạnh hợp tác đào tạo hướng nghiệp đúng ngành nghề, vừa góp phần phát triển nguồn nhân lực Việt Nam, đồng thời đáp ứng nhu cầu nhân tài cho doanh nghiệp Đài Loan.

Hai là, xúc tiến kế hoạch đào tạo nhân lực xây dựng thành phố thông minh. Theo Kế hoạch Hành động ASEAN về Hợp tác năng lượng (APAEC) 2016-2025, nhằm tăng cường hợp tác về các vấn đề môi trường như tiết kiệm năng lượng, kiến trúc xanh, về phương diện này, Đài Loan ngoài sẵn có ưu thế công nghệ thông tin và truyền thông (information and communications technology, ICT), năng lực về kiến trúc xanh và thiết kế xây dựng xanh cũng khá mạnh. Chẳng hạn như cả thế giới hiện có 26 hệ thống đánh giá công trình xanh, trong đó hệ thống đánh giá công trình xanh theo định lượng khoa học của Đài Loan xếp hạng 4, chỉ đứng sau Anh, Mỹ và Canada, và là hệ thống đánh giá công trình xanh phát triển độc lập duy nhất và thích nghi với vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới trên thế giới hiện nay.³⁰ Những năm gần đây, các nhà máy và cao ốc mới của doanh nghiệp, trường học, cơ quan hành chính Đài Loan đều là kiến trúc xanh. Nói một cách khác, nghĩa là Đài Loan có ưu thế kỹ thuật cao về đẩy mạnh xây dựng thành phố thông minh và môi trường thân thiện, có khả năng hợp tác theo nhu cầu phát triển hiện nay của các nước ASEAN. Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp IEK và Viện Nghiên cứu Môi trường xanh Đài Loan có kinh nghiệm về ứng dụng hệ thống năng lượng xanh tại Philipines và Lào, đang quy hoạch hợp tác phát triển thành phố thông minh với Indonesia, sẽ

³⁰ Tham khảo website của Hiệp hội phát triển kiến trúc xanh Đài Loan :
<http://www.taiwangbc.org.tw/tw/modules/news/article.php?storyid=82> (ngày xem mới nhất : 20/1/2017)

có nhiều cơ hội hợp tác đối với VN đang trong giai đoạn phát triển kinh tế và đô thị hóa, cho nên nhà nước VN có thể xem xét thêm về kế hoạch hợp tác và đào tạo nhân lực kỹ thuật liên quan.

Ba là, hợp tác đào tạo về nhân lực thuận lợi hóa thương mại. Theo Báo cáo Xúc tiến thương mại toàn cầu (The Global Enabling Trade Report) ³¹ nhằm đánh giá tình hình phát triển thương mại của các nước của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) hàng năm, các chỉ số xúc tiến thương mại là chỉ số quan trọng để đánh giá việc tạo thuận lợi thương mại và vận chuyển hàng hóa (commercial goods) các nước của quốc tế hiện hành. ³²Báo cáo Xúc tiến thương mại toàn cầu 2016 của WEF, Đài Loan xếp ở vị trí 35 trong 136 nước, trong thang điểm từ 1-7, các hạng mục về tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý biên giới, các dịch vụ vận chuyển, tiện lợi về sử dụng công nghệ thông tin ICT đều đạt trên 5,5 điểm, cho thấy ưu thế về thuận lợi hóa thương mại của Đài Loan, so với VN chỉ xếp 73 trong 136 nước, ba hạng mục trên chỉ được từ 4,1- 4,6 điểm. Do Việt Nam là nước tâm điểm đầu tư quan trọng nhất của doanh nghiệp Đài Loan tại Đông Nam Á, đồng thời Hải quan Việt Nam từng đến thăm và học tập kinh nghiệm về thuận lợi hóa thông quan và quản lý thực thi tại Tổng cục Hải quan Đài Loan, cho nên có thể tăng cường hợp tác đào tạo về mặt này. Thông qua việc xây dựng và hỗ trợ kỹ thuật (TACB) về khả năng thuận lợi hóa thương mại WTO, đơn giản hóa thủ tục hải quan, áp dụng điện tử hải quan, không những giúp Việt Nam thực hiện thuận lợi hóa thương mại, đồng thời tăng cường kết nối giữa các ngành nghề của Đài Loan và Việt Nam.

II. Hợp tác về nông nghiệp công nghệ cao, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản

Việt Nam là miền đất trù phú, tỷ trọng ngành sản xuất nông lâm ngư nghiệp chiếm 20% GDP, tạo 40% cơ hội việc làm cho dân số lao động, có vai trò rất quan trọng đối với phát triển kinh tế và an sinh xã hội. Về chính sách nông nghiệp, kế hoạch phát triển 2011-2015 với mục tiêu nâng

³¹ WEF 「 Báo cáo xúc tiến thương mại toàn cầu 2016 」 (The Global Enabling Trade Report 2016) · Website tham khảo : http://www3.weforum.org/docs/WEF_GETR_2016_report.pdf (ngày xem mới nhất : 16/3/2017)

³² Chỉ số xúc tiến thương mại chủ yếu là 7 lĩnh vực, tiếp cận thị trường trong nước và tiếp cận thị trường nước ngoài, hiệu quả và tính minh bạch quản lý biên giới, xây dựng giao thông vận tải, dịch vụ vận chuyển, sử dụng công nghệ thông tin thuận tiện, và môi trường kinh doanh.

cao năng suất và kỹ năng sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn, đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống sâu bệnh cây trồng và dịch bệnh gia súc, thiên tai, cải thiện môi trường sinh thái cơ bản. Kế hoạch 2016-2020, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, tiếp tục sản xuất hàng hóa quy mô lớn và các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, phát triển về nghiên cứu kỹ thuật trồng cây ăn quả, rau, hoa để mở rộng sản xuất, cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến hoặc làm nguyên liệu, tạo hình ảnh chất lượng cao cho sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường quốc tế; và giảm hiện tượng ô nhiễm trong sản xuất nông nghiệp, khắc phục và giảm nhẹ mất mát do thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu; bảo vệ đa dạng sinh học, đảm bảo tái sinh và phát triển của đánh bắt thủy sản nội địa và ven biển; kết hợp có hiệu quả giữa ngành công nghiệp, dịch vụ, nền kinh tế đô thị với sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Qua đó cho thấy chính sách nông nghiệp Việt Nam hiện nay đang rất chú trọng về các mục tiêu nâng cấp kỹ thuật và tăng năng suất nông nghiệp, bảo vệ chất lượng sản phẩm, môi trường sinh thái, kết hợp với dịch vụ công nông. Đài Loan xưa nay vốn luôn cải tiến kỹ thuật nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, nâng cao năng suất và giá trị gia tăng của sản phẩm bằng kỹ thuật công nghệ sinh học. Chính sách, thành quả và kinh nghiệm của Đài Loan thích hợp cho giai đoạn phát triển nông nghiệp của VN hiện nay, có thể nhập khẩu kỹ thuật và kiến thức liên quan, nhằm hỗ trợ nâng cao sức cạnh tranh cho ngành nông thủy sản, tăng thu nhập quốc dân. Trên thực tế, Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam và Đài Loan đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác nông ngư nghiệp kể từ năm 1998, đồng ý tiến hành hợp tác về quy hoạch phát triển nông lâm ngư nghiệp và chăn nuôi, gia công sản xuất và phát triển nông thôn, hỗ trợ đào tạo kỹ thuật nông nghiệp và chương trình đào tạo nghiên cứu Chính sách nông nghiệp, kiểu mẫu ruộng cam quýt không sâu bệnh, chuyển giao kỹ thuật và kinh nghiệm nông ngư nghiệp cho VN. Hội nghị hợp tác định kỳ hàng năm từ năm 1999 đến nay đã hơn chục lần, nghiên cứu nhiều đề tài về sản xuất nông nghiệp, nhân lực, bảo vệ đa dạng sinh vật... Ngoài đàm phán cơ chế hợp tác với Bộ Nông nghiệp Việt Nam, còn đàm phán trực tiếp với chính quyền địa phương trong những năm gần đây, để tìm hiểu những vướng mắc ngành nông nghiệp địa phương phải đối mặt.

Trong thời gian sắp tới, việc hợp tác nên đứng trên cơ sở từng hạng mục cụ thể, theo hướng phát triển chuỗi nông nghiệp hoàn chỉnh, vận

dụng khái niệm ngành nghề 6 cấp, giúp tạo giá trị gia tăng cho nông sản thông qua hệ thống tổng hợp giữa sản xuất, gia công, phân phối và tiêu dùng. Sự hợp tác nông nghiệp giữa Đài Loan và Việt Nam được triển khai cụ thể như sau:

Một là, Tăng cường và mở rộng sự liên kết hợp tác hiện có. Phát triển nông nghiệp VN hiện nay với sản phẩm nguyên liệu thô là chính, giá trị thương mại chưa cao. Trong quá khứ, Đài Loan có nhiều kinh nghiệm về giao lưu hợp tác nông nghiệp với Việt Nam trên nhiều phương diện : về cây giống, công nghệ, sinh thái, môi trường, cơ chế..., các loại trái cây và rau quả, hoa, thủy sản, lâm nghiệp, gia cầm, phát triển vắc xin phòng chống dịch bệnh, quản lý kho bãi... , kỹ thuật, kiến thức và đào tạo nhân lực.... Sắp tới, ngoài tiếp tục hợp tác theo chiều sâu, do sự phát triển nông nghiệp ở Việt Nam tập trung tại điểm cố định, nên phải tăng cường củng cố thêm về các mặt như : hiệu quả sản xuất, cải tiến sản phẩm, mức chênh lệch sản phẩm và giá trị tăng thêm của các sản phẩm; vấn đề sử dụng rộng rãi thuốc trừ sâu hóa học và phân bón hóa học, nhưng thiếu chế độ giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt về dư lượng thuốc trừ sâu, đặc biệt là dư lượng trên sản phẩm chè khá phổ biến, nên việc ô nhiễm môi trường và các bất ổn về an toàn thực phẩm đối với Việt Nam cũng đang tăng lên theo bước tiến mở rộng sản xuất nông nghiệp. Do đó, ngoài vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học, hợp tác với vùng sâu vùng xa, các vấn đề tác động môi trường và biến đổi khí hậu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, an toàn thực phẩm vẫn là vấn đề quan trọng trong hợp tác nông nghiệp và trao đổi nhân sự, công nghệ và thông tin giữa Đài Loan-Việt Nam.

Hai là, Thúc đẩy hợp tác Nông nghiệp, sản phẩm truy cập Thủy sản và các dịch vụ giá trị gia tăng

Mặc dù nguyên liệu nông sản dồi dào, nhưng vận chuyển, tiêu thụ, gia công chưa mạnh do thiếu kỹ thuật, thiết bị và hệ thống thông tin điện tử, vì vậy, nên mở rộng hợp tác liên kết từng chuyên mục với khái niệm liên kết công, nông nghiệp và dịch vụ, chẳng hạn như: lưu thông vận chuyển hàng hóa, dây chuyền lạnh (Cold Chain) có mối quan hệ mật thiết với ngành nông ngư nghiệp³³, song ở Việt Nam hiện nay, do kho đông

³³ Dây chuyền Lạnh (Cold Chain) là một hệ thống mạng phân phối và dây chuyền cung ứng với mục đích duy trì chất lượng của thực phẩm hàng hóa, dược phẩm, nông sản, từ khi bắt đầu sản xuất, dây chuyền sẽ xuyên suốt các khâu về xử lý vật liệu, bao bì bảo vệ, kho bãi, chế biến, vận chuyển và phân phối, bán hàng và các chức năng khác như thông tin, lòng ghép có hiệu quả với các thiết bị phân cứng trong môi trường nhiệt độ thấp, và không thể thay đổi các điều kiện nhiệt độ của sản

lạnh đa số tập trung ở địa bàn sản xuất và xung quanh thành phố cấp I, cho nên, nhiều mặt hàng đông lạnh nước ngoài gặp trục trặc về bảo quản sau khi nhập khẩu vào Việt Nam (vì nhiệt độ bảo quản ban đầu bị chênh lệch), làm giảm giá trị ban đầu của mặt hàng, đặc biệt là hàng tươi sống và gia công. Dưới tình trạng thiếu dây chuyền lạnh, Việt Nam phải chịu thiệt hại ít nhất 2,5 tỷ USD hàng năm trong quá trình lưu thông phân phối, nhất là trái cây, rau cải, thủy sản, tỷ lệ hư hỏng cao đến 25-30%, đứng đầu các nước Đông Nam Á. ³⁴Chính phủ hiện đang có chính sách chỉ đạo, phấn đấu đến năm 2020, giảm tỷ lệ thiệt hại xuống dưới 20%.

Thực phẩm lạnh sử dụng dây chuyền lạnh tại Đài Loan đã đạt 80-90% mức toàn cầu, từ khâu kho bãi, vận chuyển, thông tin, nghiên cứu sản xuất thiết bị, phân phối lưu thông..., dây chuyền được hoàn chỉnh cả về mặt hệ thống quản lý, kỹ thuật ứng dụng, và dịch vụ. Quan trọng hơn, Đài Loan chú trọng phát triển các kỹ thuật, nhân lực và mô hình kinh doanh liên quan, mang lại hiệu quả cao, giá thành thấp, nhiệt độ bảo quản khác nhau, thỏa mãn các đặc tính như quãng đường ngắn, hàng ít nhưng đa dạng, phù hợp yêu cầu kinh doanh của VN. ³⁵Thông qua sự hợp tác và phát triển, nhằm thúc đẩy sự phát triển dây chuyền lạnh của VN cả về nhân lực, kỹ thuật, quy trình tác nghiệp, chứng nhận..., giảm thiệt hại trong quá trình lưu thông phân phối.

Ba là, đẩy mạnh hợp tác phát triển theo hướng hệ thống tập trung, như hỗ trợ kinh nghiệm, kỹ thuật, thông qua hình thức khu nông nghiệp công nghệ tập trung, đưa khoa học công nghệ vào cuộc tái cơ cấu nông nghiệp, như mô hình “ Khu công nghệ sinh vật nông nghiệp Bình Đông”. Tập trung sức mạnh các ngành một cách hệ thống, nhằm nâng cao hiệu suất kinh tế nông nghiệp Việt Nam, giải quyết vướng mắc về môi trường sinh thái, phát triển nông nghiệp, và bảo vệ môi trường.

phẩm mà nhà sản xuất thiết lập lưu trữ ban đầu trong quá trình bất kỳ, luôn luôn ở trong tình trạng ổn định của một phạm vi nhiệt độ thấp.

³⁴ Trích dẫn từ tạp chí kỹ thuật và chiến lược lưu thông phân phối hàng hóa (tháng 10/2016) ,

<https://www.logisticnet.com.tw> .

³⁵ Phân phối thực phẩm của Việt Nam chủ yếu dựa theo các kênh bán lẻ vừa và nhỏ, thiếu cơ chế tập trung hàng hóa và hệ thống phân phối, các nhà hàng truyền thống cho nhân viên tiến hành việc mua sắm thực phẩm và phân phối riêng, một số khác lấy hàng thông qua nhà bán buôn hoặc nhà kho, mức độ về chuyên môn không cao.

III. Hợp tác về y tế

Theo thống kê năm 2012 của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), số người Việt Nam bị chết do bệnh tim mạch chiếm 40%, với nguyên nhân chính là nghiện thuốc lá, vì có đến hơn 45% đàn ông có thói quen hút thuốc, nguyên nhân tử vong tiếp theo là tai nạn xe cộ và bệnh ung thư. Với nền kinh tế bắt đầu cất cánh, thu nhập bình quân đầu người Việt Nam tăng lên, đồng thời có nhu cầu cao hơn về bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, sự phát triển về số lượng, chất lượng, kỹ thuật của cơ sở và nhân viên y tế chưa đủ thỏa mãn so với nhu cầu về chăm sóc sức khỏe của người dân. Số lượng bệnh viện công gấp 10 lần so với bệnh viện tư, địa bàn phân bố không đồng đều, các bệnh viện lớn thường tập trung tại các thành phố; vốn nước ngoài đang có ý định đầu tư vào lĩnh vực này. Tuy nhiên, do số lượng y bác sĩ còn thiếu, hoặc đang làm việc cho bệnh viện công, nên không thể đáp ứng nhu cầu nhân sự cho bệnh viện tư. Mặt khác, người dân Việt Nam nói chung thu nhập chưa cao, không có khả năng gánh chịu chi phí điều trị cao, nên khiến bệnh viện tư khó lớn mạnh về số lượng, ngành y tế Việt Nam luôn ở trong trạng thái mất cân bằng giữa cung và cầu.

Được biết, chi phí ra nước ngoài trị bệnh của dân Việt Nam hàng năm lên đến 1,5-2 tỷ USD, ngoài việc cho thấy hiện tượng cung không đủ cầu, đồng thời còn phản ánh ngành y tế chưa đủ khả năng điều trị các bệnh nan y, nên người bệnh giàu có mới tìm đến Singapore, Malaysia, Nhật và Đài Loan để điều trị. Chất lượng điều trị và chăm sóc sức khỏe rất quan trọng đối với lợi ích nhân dân, và luôn được nhà nước VN quan tâm. Với chất lượng sống ngày càng cao, nhu cầu về chăm sóc sức khỏe của người Việt Nam cũng tăng lên, hơn nữa có nhiều doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư, họ cũng có nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại chỗ. Nhà nước Việt Nam đang khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực y tế, và nỗ lực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Song năng lực y tế không thể tiến bộ một sớm một chiều. mà đòi hỏi tích lũy và truyền thụ kinh nghiệm.

Đài Loan và Việt Nam có vị trí địa lý và khí hậu gần nhau, có nhiều nét tương đồng về con người và văn hóa xã hội, đều có hệ thống y tế hoàn chỉnh và nhân lực chất lượng cao, nên rất thích hợp tiến hành giao lưu và hợp tác, nhằm mang lại sự phát triển đi lên cho ngành y học Việt Nam và giúp cho Đài Loan tích lũy thêm kinh nghiệm. Kể từ năm 1992, Bệnh

viện NTUH (National Taiwan University Hospital), bệnh viện hàng đầu của Đài Loan đã lần lượt hỗ trợ Việt Nam hoàn thành nhiều cuộc phẫu thuật về thận, gan, xương tủy... Chính thức ký kết giao lưu từ năm 2005 với Trung tâm y tế ĐH Y Dược TP.HCM, BV Bạch Mai Hà Nội, BV Việt Đức, BV Chợ Rẫy, BV Bệnh Nhiệt đới tại Hà Nội, BV Nhân dân 115, BV Nhi đồng Hà Nội, BV Huế và BV Nhi Đồng 1..., và đã nhiều lần tổ chức hội thảo tại Hà Nội và TP.HCM, tham gia đào tạo nhân lực y tế Việt Nam, nhằm hỗ trợ nâng cao khả năng điều trị, hình thành kênh giao lưu giữa ngành y tế Đài Loan và Việt Nam. Bệnh viện Changhua Christian Đài Loan, Đại học Y khoa Trung Quốc, Bệnh viện En Zhugong, Bệnh viện Tzu Chi..., cũng nối bước Bệnh viện NTUH, triển khai hoạt động giao lưu với ngành y tế Việt Nam, như trao đổi học thuật, tham quan cơ sở y tế, hoặc đào tạo nhân viên y bác sĩ tại Việt Nam, Đài Loan luôn nêu cao tinh thần tình yêu bao la, mong muốn đưa công nghệ y tế hàng đầu châu Á, thứ ba thế giới tích lũy lâu nay của Đài Loan để tri ân người dân Việt Nam. Hợp tác của Đài Loan và Việt Nam có thể được thực hiện theo chiều sâu trong tương lai, với ba khía cạnh cụ thể là :

Một là, Mở rộng hoạt động giao lưu. Trên nền tảng hiện nay, tiếp tục mở rộng thêm phạm vi giao lưu hợp tác, như: gia tăng số lượng bệnh viện giao lưu hợp tác, xây dựng mô hình và kênh đào tạo nhân lực cố định, liên kết tổ chức hội thảo y học quốc tế, mời bác sĩ Đài Loan đến hướng dẫn lâm sàng và dạy học từ xa ... Ngoài ra, có thể hỗ trợ Việt Nam kêu gọi thành lập Quỹ quốc tế, xúc tiến công tác đào tạo, quyên tặng thiết bị và sách vở y học..... nhằm nâng cao trình độ y học Việt Nam.

Hai là, đẩy mạnh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đặc biệt. Về y tế đối ngoại, thiết lập kênh chuyên ra nước ngoài hoặc Đài Loan để điều trị đối với những chứng bệnh nan y; Bên cạnh đó, cho phép người dân đến Đài Loan du lịch, kết hợp với kiểm tra sức khỏe, phẫu thuật thẩm mỹ, laser cận thị, nha khoa, vì đây là chuyên khoa nổi tiếng thế giới của Đài Loan. Đài Loan chỉ cách Việt Nam khoảng 3 giờ chuyến bay, hơn kém nhau một múi giờ, có khí hậu và thói quen ăn uống khá gần gũi, chi phí điều trị thấp hơn so với các nơi khác, là nơi chăm sóc sức khỏe lý tưởng của người dân Việt Nam. Hiện nay, một số bệnh viện nổi tiếng của Đài Loan đều có bộ phận điều trị quốc tế, chẳng hạn như bệnh viện Đại học Đài Loan, bệnh viện Vinh Dân Đài Bắc, bệnh viện trực thuộc ĐH Y Đài Bắc, bệnh viện Vạn Phương, bệnh viện tư nhân Cathay, bệnh viện tư nhân Chang Gung....., liên hệ qua mạng sẽ được dịch vụ hỗ trợ như visa, đi lại, ăn ở

cho bệnh nhân và người thân. Bộ phận điều trị quốc tế luôn thỏa mãn nhu cầu trao đổi bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ khác với người bệnh, hoặc bệnh viện sắp xếp cung cấp thông dịch viên.

Ba là, tăng cường sự hợp tác ngành y tế. Ngoài hệ thống chăm sóc sức khỏe và đội ngũ y bác sĩ, thiết bị vật tư y tế và thuốc men cũng không kém phần quan trọng. Loại thuốc tổng quát chiếm 50% thị trường dược phẩm của Việt Nam hiện nay, trong đó chủ yếu là thuốc kháng sinh, thuốc tiêm ít hơn. Đài Loan có công nghệ sản xuất viên nén theo tiêu chuẩn Mỹ và Nhật, thuốc tiêm cũng có hiệu quả điều trị khá tốt, tuy nhiên, sử dụng thuốc uống hoặc thuốc tiêm, phải thay đổi tương ứng tùy theo bệnh tình và tuổi tác của bệnh nhân, mới có được kết quả điều trị tốt. Do đó, các công ty dược phẩm của Đài Loan và Việt Nam có thể nghiên cứu sản xuất các loại thuốc và vacxin phù hợp với căn bệnh đang hoành hành, để đáp ứng thị trường Việt Nam. Về trang thiết bị y tế, trong nước hiện nay chỉ sản xuất thiết bị cơ bản, thiết bị công nghệ cao vẫn phải đặt hàng từ Singapore, Nhật Bản... Đài Loan có khả năng sản xuất thiết bị y tế chất lượng cao, chẳng hạn như thiết bị y tế, que thử, thuốc thử chẩn đoán, máy đo, vật tư..., ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu y học từ xa sắp tới, Đài Loan có khả năng tích hợp công nghệ ICT, cải thiện môi trường y tế, tiết kiệm chi phí điều trị, cho nên, giữa nhà máy sản xuất thiết bị vật tư y tế của Đài Loan và Việt Nam có nhiều cơ hội hợp tác và phát triển.

IV. Hợp tác về khởi nghiệp sáng tạo

Để thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng đổi mới sáng tạo, chính phủ Việt Nam phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 ” (National Program to Support Innovative Startup Ecosystem in Vietnam by the year 2025), đưa ra hàng loạt ưu đãi như thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (National Technology Innovation Fund), Vietnam Silicon Valley... nhằm hỗ trợ nguồn vốn và vườn ươm, huấn luyện cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các chính quyền địa phương tích cực hưởng ứng, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hiện nay chủ yếu tập trung tại TP.HCM, Hà Nội và Đà Nẵng, trong đó, Hà Nội tập trung nguồn nhân lực IT, còn Đà Nẵng đang triển khai các bước tiến tới xây dựng thành phố ứng dụng CNTT hiện đại qua kế hoạch hỗ trợ xây dựng “Thành phố Đà Nẵng thông minh hơn” của IBM.

Theo Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025, chính phủ Việt Nam dự kiến xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các Bộ địa phương, tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia quy mô lớn, Vietnam Silicon Valley, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giao lưu kết nối với quốc tế, hoàn thiện văn bản pháp luật ... tạo môi trường lành mạnh cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và hoạt động đầu tư sáng tạo. Qua kế hoạch Vietnam Silicon Valley, chính phủ Việt Nam chú trọng đẩy mạnh khởi nghiệp sáng tạo đổi mới ở các ngành nghề như nông nghiệp, thương mại, logistics, các phần mềm, trò chơi, ứng dụng di động, AR / VR ...; Thành phố Hồ Chí Minh cũng đang lên kế hoạch hỗ trợ kinh phí khoảng 45 triệu USD cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực máy móc, điện tử, hóa chất, chế biến thực phẩm, thương mại điện tử, giao thông, logistics, du lịch, thông tin, y tế, giáo dục và khoa học và công nghệ...

Khởi nghiệp sáng tạo cũng là chính sách quan trọng của Đài Loan. Trong những năm gần đây, ngoài việc thành lập “Diễn đàn Chính sách khởi nghiệp sáng tạo”, kể từ tháng 12 năm 2014, nhằm thúc đẩy chương trình hành động “Xã hội sáng tạo và tuổi trẻ sáng tạo”, “Liên kết quốc tế”, “Môi trường khởi nghiệp” và “Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo”, còn ban hành đề án “Thung lũng Silicon Châu Á” từ năm 2016, với 2 hướng chính là “Thúc đẩy nghiên cứu sáng tạo Internet of Things (IoT)” và “Kiện toàn hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo”, nhằm tận dụng nguồn lực quốc tế, thực hiện bốn mục tiêu là: xây dựng cơ sở nghiên cứu đổi mới sáng tạo, tăng sức mạnh mềm, xây dựng chuỗi IoT hoàn thiện, vườn mẫu khởi nghiệp sáng tạo và thông minh.... Cuối cùng là xây dựng thành công Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo lấy nghiên cứu sáng tạo làm gốc.

Quy nạp các phương hướng chính sách và nhu cầu phát triển ngành nghề thiết thực giữa Đài -Việt, đưa ra cơ hội hợp tác chung như sau:

Một là, Hỗ trợ Việt Nam hoàn thiện cơ chế môi trường khởi nghiệp sáng tạo. Đài Loan hiện có hệ sinh thái hoàn thiện về hệ thống pháp lý, cơ chế khen thưởng hỗ trợ, đào tạo nhân lực, ươm tạo/ tăng tốc và ký kết quốc tế, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ Việt Nam hoàn thiện hơn cơ chế môi trường khởi nghiệp sáng tạo. Kiến nghị nhà nước Việt Nam tổ chức đoàn đến tham quan, tìm hiểu học tập hệ sinh thái tại Đài Loan, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, qua đó xây dựng cơ chế phù hợp, thỏa mãn nhu cầu khởi nghiệp cho tuổi trẻ Việt Nam và lao động trong nội bộ

doanh nghiệp Đà Loan. Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm về hình thành cơ chế môi trường hỗ trợ phát triển khởi nghiệp ngành công nghệ cao tại Đà Loan.

Hai là, Hỗ trợ xây dựng vườn ươm tạo / tăng tốc, có vai trò quan trọng đối với việc đẩy mạnh dự án khởi nghiệp ngành công nghệ cao. Việt Nam hiện nay có 20-30 vườn ươm tạo/ tăng tốc, nếu muốn đạt tới Mục tiêu của Đề án là đến năm 2020 sẽ hỗ trợ được 800 dự án, 200 doanh nghiệp khởi nghiệp. Rõ ràng vườn ươm tạo hiện có không thể đáp ứng yêu cầu, Đà Loan có thể hỗ trợ phần này. Vì Đà Loan hiện có hơn 100 vườn ươm, có đơn vị đã được quốc tế chứng nhận. Gần đây xây dựng thêm vườn tăng tốc khởi nghiệp TxA, AppWorks, Garage+ và cloud tw, chứng tỏ hệ thống ươm tạo / tăng tốc tích lũy khá nhiều năng lượng. Đề nghị chính phủ Việt Nam sắp tới đây cho phép hình thành vườn ươm tạo tại khu công nghiệp hoặc quy hoạch vườn ươm mới. Doanh nghiệp Đà Loan sẽ đóng vai trò là nhịp cầu để Việt Nam tiếp cận kinh nghiệm, chẳng hạn như vườn ươm tạo/ tăng tốc, chương trình tập huấn, cơ chế đào tạo hướng nghiệp, ký kết quốc tế..., giới thiệu doanh nghiệp khởi nghiệp đến Việt Nam phát triển, giao lưu hợp tác với doanh nghiệp khởi nghiệp địa phương, khuyến khích cơ quan nghiên cứu tham gia kiến tạo và tăng cường cho hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam.

Ba là, Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực. Đây là khâu then chốt của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy bản thân doanh nghiệp phát triển, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp Đà Loan phát triển. Sắp tới, tại cuộc thi về nhân lực sáng tạo Đông Nam Á do doanh nghiệp Đà Loan tổ chức, sẽ mời sinh viên Đông Nam Á và kiều sinh Đà Loan tham dự nghiên cứu đề tài sản phẩm/ công nghệ/ dịch vụ mới, khen thưởng các tập thể có đề tài sáng tạo xuất sắc về mô hình kinh doanh/ chính sách tiếp thị/ ứng dụng, có cơ hội tham dự miễn phí hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp như vườn tăng tốc Việt Nam hoặc Đà Loan và dịch vụ mentor, hoặc được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp Đà Loan, hàng năm, Việt Nam có nhiều học sinh giỏi đến du học, Đà Loan sẽ cung cấp chương trình đào tạo hoặc học bổng của vườn ươm, nhằm hỗ trợ việc đào tạo nhân lực sáng tạo cho VN mai sau.

Bốn là, thúc đẩy sự hợp tác giữa doanh nghiệp Đà Loan với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam. Do doanh nghiệp Đà Loan có đóng góp nhất định cho kinh tế địa phương, đang tiếp tục nâng cấp chuyển đổi để đón đầu thời kỳ công nghệ mới, kinh tế mạng, kỹ thuật số.

Sự hợp tác có tác dụng thúc đẩy doanh nghiệp tận dụng tài nguyên hiện có để phát triển, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam khởi nghiệp sáng tạo phát triển đi lên, đóng vai trò là nhịp cầu cho doanh nghiệp khởi nghiệp của hai bên, bổ sung lẫn nhau và cùng thắng lợi, đưa ra yêu cầu về sản phẩm/ công nghệ/ dịch vụ mới phục vụ cho mục tiêu nâng cấp chuyển đổi, để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nghiên cứu và tìm giúp giải pháp, đồng thời có biện pháp hỗ trợ về kinh phí, công nghệ, thị trường và hướng đi cho doanh nghiệp khởi nghiệp có đề tài phù hợp, để tăng nguồn lực cho khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam và đạt tới các mục đích chuyển đổi và nâng cấp của doanh nghiệp Đài Loan.

Năm là, thúc đẩy hợp tác nhiều hơn trong lĩnh vực mới như: nông nghiệp công nghệ cao, IoT, ứng dụng di động, phần mềm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục công nghệ. Theo quan điểm chính sách của Việt Nam, các ngành trên sẽ là trọng tâm phát triển của Việt Nam trong tương lai. Đài Loan vừa có năng lực tốt về các ngành này, đồng thời “Thung lũng Silicon Châu Á (IoT)”, “Y học công nghệ sinh học” và “nông nghiệp mới” cũng là những ngành trọng điểm của Đài Loan, những năm gần đây Việt Nam chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phần mềm, với cơ chế chính sách, kỹ thuật, nhân lực tích lũy vừa qua, sắp tới đây hai bên có thể tiến hành hợp tác cùng phát triển trên các lĩnh vực trên.

V. Hợp tác về công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và hệ thống đầu ra

Đài Loan là nơi tập hợp quan trọng các ngành công nghệ thông tin truyền thông, là nhà cung ứng then chốt của các sản phẩm bán dẫn, bảng IC, linh kiện điện tử Trước kia nhà sản xuất Đài Loan chuyên về sản phẩm đơn chiếc, trong những năm gần đây, đã tích cực chuyển sang tích hợp hệ thống, kết hợp ưu thế phần mềm và phần cứng sẵn có, thực hiện một loạt các ứng dụng sáng tạo và các mô hình dịch vụ, chẳng hạn như giao thông thông minh, hậu cần thông minh, chăm sóc sức khỏe thông minh, trường học thông minh, ngôi nhà thông minh...

Việt Nam ngoài một vài cơ quan công nghệ thông tin truyền thông có qui mô do nhà nước quản lý, số còn lại đều là doanh nghiệp vừa và nhỏ, ít liên kết quốc tế. Nhằm khuyến khích đầu tư kinh doanh, chính phủ nước Việt Nam đã đưa các ngành công nghệ thông tin truyền thông, máy

móc, luyện kim, hóa chất, thực phẩm và năng lượng vào danh sách các ngành ứng dụng công nghệ cao, cho hưởng mức thuế ưu đãi. Cũng trong những năm gần đây, Việt Nam đã thu hút được một số công ty công nghệ thông tin đa quốc gia thiết lập dây chuyền sản xuất tại địa phương, để trở thành nước cung cấp thiết bị điện tử tiêu dùng lớn, chẳng hạn như tỉnh Bắc Ninh đã phát triển thành một trong những cơ sở sản xuất điện thoại di động quan trọng trên thế giới. Do ngành công nghiệp ICT Đài Loan và Việt Nam ở các giai đoạn phát triển khác nhau, nên có tác dụng bổ sung cho nhau, qua những cơ hội hợp tác như sau:

Một là, Tăng cường hợp tác về dây chuyền công nghiệp. Hiện nay, các hãng ICT lớn của Hàn Quốc, Nhật Bản thành lập nhà máy tại Việt Nam, từng bước hình thành các cụm công nghiệp. Dự án Đài Loan đầu tư lớn gần đây là Tập đoàn Hon Hai/Foxconn mua lại nhà máy sản xuất điện thoại của Microsoft năm 2016, sắp tới sẽ sản xuất điện thoại phổ thông và điện thoại di động. Nếu sản xuất tiếp tục phát triển, dự kiến sẽ thu hút được các nhà cung cấp xung quanh đến đầu tư, dây chuyền công nghiệp trở nên hoàn thiện hơn, đẩy mạnh nhu cầu linh kiện có liên quan. So với doanh nghiệp các nước khác, hệ thống sản xuất của doanh nghiệp Đài Loan có sự điều chỉnh linh hoạt, cởi mở hơn, có thể hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam, vì vậy ngoài việc tiếp tục cải thiện các điều kiện chuỗi cung ứng của Đài Loan, cũng sẽ có lợi cho doanh nghiệp Việt Nam kết nối với các dây chuyền công nghiệp thế giới, qua đó nâng cao mức độ phát triển công nghiệp và làm phong phú sức thu hút của các cụm công nghiệp địa phương.

Hai là, Hợp tác để tích hợp hệ thống. Ngành công nghiệp ICT của Đài Loan trong những năm gần đây tích cực phát triển tích hợp hệ thống, và đạt hiệu suất nhất định; Sự hợp tác sẽ thỏa mãn các nhu cầu phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam. Hợp tác để tìm ra các giải pháp thích hợp với các điều kiện của Việt Nam, đồng thời giúp các doanh nghiệp Đài Loan kiểm chứng, tích lũy điều chỉnh kinh nghiệm kinh doanh địa phương và quốc tế, mở rộng thị trường ở các nước đang phát triển. Dự án hợp tác cụ thể như:

1. Hệ thống thu phí đường bộ tự động (ETC)

Hệ thống thu phí đường bộ tự động của Đài Loan có tỷ lệ thành công 99%, đã được Việt Nam và các nước khác quan tâm. Gần đây, công ty

FETC đã ký hợp đồng tư vấn kỹ thuật với Việt Nam, và đề nghị tăng cường hợp tác trong tương lai.

2. Hệ thống an ninh thông tin

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công mạng, Đài Loan có nguồn nhân lực an ninh thông tin mạnh mẽ và có rất nhiều kinh nghiệm "chống hacker", IBM đã giao sản phẩm bảo mật thông tin toàn cầu của mình cho đội ngũ an ninh thông tin Đài Loan đảm trách, qua sự kiện chứng tỏ năng lực trong nghiên cứu và phát triển an ninh thông tin của Đài Loan được các công ty tầm cỡ thế giới tin tưởng. Do đó, thông qua sự hợp tác, Đài Loan sẽ có thể hỗ trợ chính phủ Việt Nam xây dựng một hệ thống an ninh thông tin mạnh mẽ hơn.

3. Thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số

Chính phủ Việt Nam tăng cường thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số để theo kịp bước phát triển của thời đại. Đài Loan với ngành ICT mạnh về năng lực và xuất khẩu, có khả năng hỗ trợ Việt Nam xây dựng chính phủ và trường học điện tử cả về phần cứng và phần mềm, góp phần thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số giữa các tỉnh thành, và với các nước khác trên thế giới. Với hơn 10 năm kinh nghiệm về hệ thống hành chính thông minh, có thành quả nhất định về kiến tạo cơ sở công nghệ thông tin truyền thông và dịch vụ chính phủ, đa dạng hóa các dịch vụ công, thông tin công khai minh bạch, kéo dài thời gian phục vụ, cải cách thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý của hành chính công, từng bước đạt trình độ các nước tiên tiến trên thế giới.

Đài Loan đã thu được nhiều thành quả về cơ sở trí tuệ, các doanh nghiệp Đài Loan còn xuất khẩu kinh nghiệm ra nước ngoài, chẳng hạn như công ty Mitac dưới sự hỗ trợ của công ty cổ phần tiên bộ quốc tế AIC, nhập khẩu dịch vụ học tập thông minh và y tế thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Đồng Nai, đào tạo nhân lực cho địa phương với tổng cộng 10.000 giáo viên tiếng Anh, tương lai sẽ phân bổ chi viện đến các tỉnh và thành phố khác. Đồng thời giữa Đài Loan và Việt Nam cũng đã tổ chức trải nghiệm trực tuyến các khóa học cho các em học sinh cấp I của trường Gia Bắc thành phố Chiayi Đài Loan và trường Hạ Long Quảng Ninh Việt Nam thông qua Internet, tạo mối liên kết tình bạn giữa các em.

Nếu mở rộng ứng dụng trên các lĩnh vực, Đài Loan và Việt Nam có thể tiến hành hợp tác trong lĩnh vực thành phố thông minh. Các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương hiện đang phát triển thành phố thông minh, nhằm giải quyết các vấn đề về phát triển đô thị qua áp dụng công nghệ ICT, thông qua đó, các tỉnh và thành phố Việt Nam cũng cải thiện được cơ sở hạ tầng mạng và tìm kiếm đối tác để xây dựng trại thử nghiệm. Tháng 3 năm 2017, Tỉnh Bình Dương Việt Nam và Viện Nghiên cứu Công nghệ Công nghiệp Đài Loan đã ký kết bản ghi nhớ “Thành phố thông minh” và “Trung tâm điện toán đám mây”, sẽ thúc đẩy giao lưu và hợp tác trong công nghệ liên quan. Do Đài Loan hiện đang phát triển một số giải pháp trong lĩnh vực vận tải, hậu cần, an toàn công cộng, chăm sóc sức khỏe của thành phố thông minh, sau này có thể kết hợp các dịch vụ ứng dụng trên để phục vụ cho các ngành nghề, các nhà khai thác viễn thông và chính phủ Việt Nam, cùng nhau xây dựng trại thử nghiệm, vừa giúp giải quyết vấn đề phát triển của thành phố, đẩy mạnh quá trình đô thị hóa tại Việt Nam, đồng thời giúp cho ngành dịch vụ thông tin truyền thông song phương phát triển tăng tốc.

Ba là, Tăng cường sự hợp tác tổ chức. Việt Nam hiện nay đã trở thành nước cung cấp chính về điện thoại di động và các sản phẩm điện tử tiêu dùng khác trên thế giới, hoạt động xuất nhập khẩu phát triển. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các khâu trong quy trình xuất nhập khẩu như hải quan, kiểm tra, giao thông vận tải..., có tính quyết định then chốt đối với năng suất và hiệu quả tác nghiệp của Hải quan. Đài Loan hiện nay đã tích hợp thành công “một cửa” và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử. Với kinh nghiệm thương mại, cảng vụ phong phú, sự hợp tác sẽ giúp Việt Nam tăng cường hơn nữa hệ thống thương mại đạt tiêu chuẩn quốc tế, tối ưu hóa cạnh tranh xuất khẩu các sản phẩm công nghệ thông tin.

VI. Đẩy mạnh hợp tác thu hút vốn đầu tư doanh nghiệp Đài Loan

Sau khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới từ năm 1986, doanh nghiệp Đài Loan là công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam sớm nhất, khoảng 80-90% tham gia vào ngành sản xuất chế biến và xuất khẩu, sử dụng một số lượng lớn lao động, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân địa phương; DN Đài Loan không cạnh tranh với các doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương, chỉ tập trung mở rộng xuất khẩu,

tăng thu nhập ngoại hối cho Việt Nam. Dưới sự đầu tư và nỗ lực của Đài Loan, dây chuyền công nghiệp và nhân lực kỹ thuật Việt Nam ngày một hoàn thiện, tạo nền tảng tốt hơn để thu hút người nước ngoài đến đầu tư.

Mối liên kết sản xuất giữa Đài Loan và Việt Nam ngày càng mật thiết, Việt Nam trở thành khâu quan trọng khi doanh nghiệp Đài Loan bố trí dây chuyền công nghiệp toàn cầu và Đông Nam Á, hình thành mối quan hệ thương mại 3 chiều giữa Đài Loan - Việt Nam - Âu Mỹ. Trong quá trình đầu tư, doanh nghiệp Đài Loan tích cực đẩy mạnh việc thu mua, sản xuất, tuyển dụng lao động tại chỗ, song do hệ thống cung ứng, giáo dục đào tạo, nhân lực phía Việt Nam chưa đầy đủ, có nhiều thiết bị công nghệ, nguyên liệu, linh kiện chủ chốt của Doanh nghiệp Đài Loan vẫn phải dựa vào nguồn cung cấp của Đài Loan, cũng cần kỹ thuật Đài Loan đến hiện trường hướng dẫn và hỗ trợ.

Hiện nay, doanh nghiệp Đài Loan phải chịu thuế MFN trong khuôn khổ WTO khi nhập khẩu từ Đài Loan vào Việt Nam, với thuế nhập khẩu lên đến 10%, cộng với Việt Nam bắt đầu ký kết FTA với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, khiến chi phí nhập khẩu bán thành phẩm và phụ tùng từ Đài Loan tăng lên khá cao, không có lợi cho phát triển sâu thương mại và chuỗi cung ứng công nghiệp song phương. Doanh nghiệp Đài Loan đành phải chuyển sang nhập khẩu từ Trung Quốc, điều này làm tăng sự phụ thuộc của Việt Nam vào Trung Quốc, đồng thời lấn át thị phần Việt Nam của các sản phẩm chất lượng cao Đài Loan. Để xây dựng nền tảng tốt cho thương mại và phát triển kinh tế song phương, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp Đài Loan mở rộng đầu tư và đến đầu tư tại Việt Nam, nên sắp xếp cuộc đối thoại về thể chế hóa, kể cả ký kết ECA song phương, để tiếp tục tăng cường trao đổi và hợp tác về kinh tế, thương mại, chuỗi cung ứng, nguồn nhân lực, công nghệ, chứng nhận và tiêu chuẩn chung, tạo ra cục diện hai bên cùng có lợi.

Ngoài đầu tư ngành sản xuất, các doanh nghiệp Đài Loan hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ mới, tích hợp hệ thống và khởi nghiệp sáng tạo cũng muốn đầu tư vào Việt Nam trong những năm gần đây, nhưng do hai bên chưa ký kết ECA, nhiều dịch vụ tại Việt Nam chưa mở cửa cho Đài Loan, nên các công ty này đành phải chuyển sang đầu tư tại địa điểm khác, hoặc tạm ngừng ý định đầu tư, là một điều đáng tiếc. Đài Loan và Việt Nam đã hoàn thành nghiên cứu chung về ECA, có sự tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau hơn, đề nghị trên cơ sở đó, sớm xúc tiến tư vấn và tác

nghiệp chuẩn bị để tăng cường hợp tác sâu hơn về kinh tế và thương mại song phương.

Theo số liệu thương mại Hải quan Việt Nam cho thấy, vào năm 2015 kim ngạch xuất khẩu của Đài Loan sang Việt Nam lên tới 11 tỷ USD, nhập khẩu từ Việt Nam là 2,1 tỷ USD. Nguyên nhân thặng dư thương mại này là do sự phân công của dây chuyền công nghiệp toàn cầu, hơn nữa hai bên chưa ký kết ECA, kết quả là những sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh của Việt Nam như nông sản, thủy sản và thực phẩm chế biến, không thể nhập vào thị trường Đài Loan do hàng rào thuế quan cao, thu hẹp khối lượng nhập khẩu sản phẩm từ Việt Nam. Các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản như tôm (HS030617), hạt điều (HS080132), trà đen / trà xanh (HS0902) của Việt Nam xuất sang Đài Loan phải chịu mức thuế cao là 15%, hàng may mặc và giày dép có sức cạnh tranh cao của VN cũng phải đối mặt với thuế nhập khẩu cao là 5%. Trong thực tế, sản phẩm Việt Nam có nhiều cơ hội mua bán tại Đài Loan, vì có khoảng 180.000 lao động, 100.000 người thân và 5000 sinh viên VN đang sinh sống tại Đài Loan, cộng với số đông người Đài Loan từng làm việc tại Việt Nam và dân chúng yêu thích món ăn Việt Nam trong và ngoài nước, mong muốn thông qua việc ký kết ECA, hỗ trợ mở rộng xuất khẩu hàng Việt Nam sang Đài Loan, thúc đẩy sự phát triển của thương mại song phương.

Mặc dù trong những năm gần đây, Việt Nam luôn tích cực hội nhập vào nền kinh tế quốc tế và thị trường toàn cầu, gia nhập WTO, ký kết FTA mở cửa thị trường. Tuy nhiên, một thị trường toàn cầu, không chỉ là thị trường mở, quan trọng hơn là pháp lý đạt chuẩn quốc tế, và đây là lý do tại sao trong những năm gần đây, các hiệp định thương mại Mỹ và EU luôn chú trọng hài hòa hóa pháp luật. Hệ thống pháp luật Việt Nam và quy trình thực hiện hiện nay, thường bị doanh nghiệp nước ngoài phản ánh là thiếu minh bạch, và yêu cầu cải thiện. Do pháp chế Đài Loan chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi phương Tây, có kinh nghiệm hơn khi tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng hệ thống điện tử, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, để giúp cải thiện vấn đề này, nâng cao sức cạnh tranh tổng thể của Việt Nam.

Có thể bắt đầu từ tiếp cận quy định luật pháp song phương, không chỉ giải quyết vấn đề khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp Đài Loan đầu tư vào Việt Nam hiện nay, đồng thời giúp tích hợp thị trường hai bên, tăng cường giao lưu hợp tác, thúc đẩy Việt Nam hội nhập thế

giới. Sự tiếp cận luật pháp song phương có tác dụng loại trừ các rào cản thương mại phi thuế quan (non-tariff barriers), để giảm đi các quy tắc bất thành văn trong thương mại, với phạm vi rộng bao gồm nông nghiệp (kiểm dịch), công nghiệp (tiêu chuẩn công nghiệp), dịch vụ (tiếp cận thị trường, giấy phép ...), thực hiện dễ dàng hơn trong ECA song phương và đạt được kết quả. Đài Loan cũng sẵn lòng chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xây dựng hệ thống thông tin làm nền tảng cho tiếp cận quy định pháp luật song phương.

Tình cảm mà thương gia Đài Loan dành cho Việt Nam trước sau như một, dù môi trường kinh tế bên ngoài có sự thay đổi, chẳng hạn như sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, các nước khác điều chỉnh chiến lược đầu tư của họ tại Việt Nam, nhiều đầu tư nước ngoài đã bỏ đi, chỉ có doanh nghiệp Đài Loan tiếp tục đầu tư Việt Nam. Tương tự như sự kiện 513 vào năm 2014, nhiều công ty Đài Loan vô tội sau khi bị thiệt hại lớn, vẫn quyết định quay về xây dựng lại nhà máy, trở lại làm việc. Trong thực tế, nhiều thương gia Đài Loan đã bắt rễ tại Việt Nam, và phát triển thế hệ thứ hai, coi VN là quê hương thứ hai. Tâm nguyện duy nhất của họ là được đối xử công bằng và đảm bảo về an toàn tài sản và tính mạng.

Mặc dù hai bên đã ký thỏa thuận xúc tiến bảo hộ đầu tư vào năm 1993, nhưng chỉ trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Chưa có quy định rõ ràng đối với thiệt hại đầu tư và đền bù. Sau sự kiện 513 năm 2014, càng chứng tỏ bản thỏa thuận không phù hợp với bối cảnh hiện nay, khiến bảo hộ cụ thể cho DN Đài Loan bị giới hạn. Để duy trì sự phát triển bền vững của DN Đài Loan tại Việt Nam, và thu hút đầu tư của Đài Loan nhiều hơn, đề nghị Việt Nam cập nhật bản thỏa thuận theo xu hướng phát triển thỏa thuận đầu tư quốc tế càng sớm càng tốt.

Phần IV Kết luận và kiến nghị

I. Khái quát và đặc điểm đầu tư của DN Đài Loan tại Việt Nam

Năm 1986, chính phủ Việt Nam bắt đầu thực hiện chính sách đổi mới, thu hút người nước ngoài đến đầu tư. Dựa trên các yếu tố gần nhau về địa lý, văn hóa tập quán tương tự và đặc tính người dân cần cù, ôn hòa, DN Đài Loan đã đến Việt Nam đầu tư vào năm 1989, và trong suốt 20 năm sau đó đều luôn là nhà đầu tư lớn nhất của Việt Nam. Tính đến năm 2016, có tới 2.509 dự án đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam, với tổng vốn 31,5 tỷ USD, nếu tính chung DN Đài Loan thông qua nơi thứ ba đầu tư gián tiếp vào Việt Nam, số vốn đầu tư thực tế sẽ cao hơn nhiều so với thống kê chính thức tại Việt Nam. Theo ước tính sơ bộ, có hơn 4.000 DN Đài Loan với hơn 50.000 người tại Việt Nam, với ngành nghề ban đầu là: dệt may, giày dép, thực phẩm, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, máy móc, cơ khí, cao su, đồ gỗ nội thất, phương tiện vận tải... gần đây phát triển đầu tư sang các ngành công nghệ cao và cần nhiều vốn như điện tử, sắt thép..., đầu tư của Đài Loan có mặt khắp 48 tỉnh thành Việt Nam, từ TP Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận như Đồng Nai, Bình Dương, và dần dần lan rộng đến miền trung và miền bắc, góp phần thúc đẩy các ngành nghề, xuất khẩu phát triển, tạo nguồn thu ngoại tệ, cơ hội việc làm, sự cân bằng trong khu vực và tăng trưởng kinh tế Việt Nam nói chung.

Cùng với sự gia tăng về nguồn vốn đầu tư, mối quan hệ liên kết sản xuất giữa Đài Loan và Việt Nam càng thêm chặt chẽ, Việt Nam trở thành một khâu quan trọng trong chuỗi sản xuất của Đài Loan tại Đông Nam Á và toàn thế giới, giữa Đài Loan - Việt Nam - Âu Mỹ xây dựng được mối quan hệ 3 chiều về đầu tư và phân công, chẳng những tạo điều kiện cho phát triển thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam, mà còn góp phần thúc đẩy sự giao lưu về xã hội và văn hóa song phương. Năm 1999, Đài Loan và Việt Nam ký kết “Thỏa thuận cử và tiếp nhận lao động Việt Nam”, có khoảng 180.000 lao động làm việc tại Đài Loan, 88% làm việc trong lĩnh

vực sản xuất, đặc biệt là tập trung vào ngành hàng kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, nhựa và công nghiệp dệt may, là nguồn lao động nước ngoài chủ yếu trong ngành công nghiệp Đài Loan, ngoài việc tạo ra một lượng lớn ngoại tệ cho Việt Nam, còn cho phép họ học tập kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý, sau này trở về quê nhà có thể lập nghiệp hoặc làm việc cho doanh nghiệp trong nước. Tính đến cuối năm 2016, khoảng 100.000 người Việt Nam lập gia đình với người Đài Loan và ở lại, gần 85.000 học sinh cấp I là con cái của họ. Trong những năm gần đây, mô hình hôn nhân Đài-Việt đã thay đổi, trong quá khứ đa số là phụ nữ Việt lấy chồng Đài Loan, nhưng cùng với đầu tư đi vào chiều sâu gần đây, nhiều doanh nhân Đài Loan và cán bộ lưu trú tại Việt Nam chọn cuộc sống bôn bề ở địa phương, phát triển thế hệ thứ hai, Việt Nam là quê hương của họ. Là một phần của xã hội của Việt Nam, các công ty Đài Loan cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội, tích cực hưởng ứng, quyên góp ủng hộ cho hoạt động vì người nghèo, từ thiện, cứu trợ thiên tai tại địa phương...

Hơn 80% đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam là thuộc ngành công nghiệp chế tạo gia công, chiếm hơn 15% tổng mức đầu tư nước ngoài của ngành, rất khác biệt so với các nhà đầu tư nước ngoài khác ở châu Âu, Mỹ. Có thể nói, đầu tư của Đài Loan đã mở trang đầu cho công nghiệp hóa ở Việt Nam, là điểm khởi đầu hướng tới một xã hội thịnh vượng của Việt Nam. Đài Loan chủ yếu gia công cho các thương hiệu quốc tế, không chỉ thu về rất nhiều ngoại tệ cho Việt Nam, đồng thời tạo ra 1,4 triệu công ăn việc làm cho địa phương, mà còn đào tạo vô số cán bộ kỹ thuật và quản lý xuất sắc. Đài Loan gìn giữ một tình hữu nghị thủy chung với Việt Nam cho dù môi trường kinh tế thế giới luôn biến động, chẳng hạn như sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, các nước khác điều chỉnh chiến lược đầu tư của họ tại Việt Nam, nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã bỏ đi, chỉ có DN Đài Loan tiếp tục ở lại đầu tư tại Việt Nam. Tương tự như sự kiện 513 vào năm 2014, nhiều công ty Đài Loan vô tội sau khi bị thiệt hại lớn, vẫn quyết định quay về xây dựng lại nhà máy, trở lại làm việc. Với sự đầu tư và nỗ lực của DN Đài Loan, đội ngũ cán bộ kỹ thuật ngày càng tăng, chuỗi sản xuất công nghiệp của Việt Nam ngày càng tốt hơn, ngoài việc giảm nhu cầu nhập khẩu, còn tạo một nền tảng tốt thu hút nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam đầu tư.

Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, người dân thông minh, chăm chỉ; chính phủ vừa đẩy mạnh cải cách trong nước, vừa

thúc đẩy liên kết thương mại quốc tế, có tiềm năng đầu tư chiều sâu. Việt Nam có vị trí ngày càng cao về xếp hạng chỉ tiêu kinh doanh trên thế giới đã chứng tỏ điều này. Môi trường đầu tư nói chung tại Việt Nam tuy có chuyển biến tốt, song DN Đài Loan vẫn phải đối mặt với nhiều vướng mắc kinh doanh do đặc điểm đầu tư đặc thù, cụ thể là vấn đề pháp luật, lao động, thuế, thương mại, đầu tư, nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, cơ sở hạ tầng ..., kính mong chính phủ Việt Nam quan tâm lắng nghe tiếng nói của doanh nghiệp Đài Loan, hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh, thỏa mãn nhu cầu mong muốn phát triển lâu dài tại Việt Nam của các công ty Đài Loan; đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp góp phần tham gia thực hiện cải cách, mở cửa, điều chỉnh cơ chế, tháo gỡ vướng mắc pháp luật, tối ưu hóa môi trường kinh doanh và tăng tốc tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế của Việt Nam. Dưới đây, chúng tôi xin đề xuất một số vấn đề và kiến nghị mà doanh nghiệp Đài Loan quan tâm, mong muốn được chính phủ Việt Nam hỗ trợ giải quyết.

II. Vấn đề và kiến nghị

Vấn đề	Kiến nghị
1. Hệ thống quy phạm pháp luật và quy trình thực hiện	
1. Quy phạm pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao tính minh bạch của hệ thống luật pháp, hiệu lực hiệu quả thực hiện rõ ràng; sẵn sàng cung cấp các văn bản pháp luật và hướng dẫn chi tiết thi hành bằng tiếng anh. Hỗ trợ doanh nghiệp giải thích văn bản luật; cơ chế một cửa phục vụ đầu tư nước ngoài, đưa ra các thông báo và giải đáp thắc mắc từ ngữ luật bằng tiếng Anh; xuất bản định kỳ và cập nhật giải đáp vướng mắc thường gặp cho doanh nghiệp. Cho phép doanh nghiệp sản xuất xe máy thu thập số liệu có thu phí về đăng ký xe máy.
2. Quy trình thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì nhất quán về thủ tục và nhận định khi thi hành luật. Tăng cường tính nhất quán về giải nghĩa luật từ các cấp trung ương đến địa phương
2. Vấn đề lao động	
1. Giờ	<ul style="list-style-type: none"> Nâng tổng số giờ làm thêm tối đa hàng năm đến hơn

Vấn đề	Kiến nghị
làm thêm	500 giờ
2. Bảo hiểm xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Hoãn lại đưa mức tính các khoản bổ sung khác vào BHXH, hoặc giảm tỉ lệ mức đóng ; có quy định mức lương tối đa tính mức đóng BHXH hợp lý hơn • Cho phép người lao động là công dân nước ngoài tự quyết định về việc tham gia BHXH hoặc BHYT.
3. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công bất hợp pháp	<ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu cán bộ thực thi theo quy định pháp luật trong trường hợp xảy ra lao động đình công bất hợp pháp. • Tăng cường tuyên truyền về những thay đổi trong quy định của luật lao động, giảm thiểu sự hiểu lầm, gây bất mãn của lao động.
4. Giấy phép và cấp phép lao động	<ul style="list-style-type: none"> • Ký gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài đã được cấp phép theo qui định cũ . • Đề nghị sửa đổi khoản 3 điều 3 Nghị định số 11/2016 / NĐ-CP như sau: Chuyên gia là người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có văn bản xác nhận là chuyên gia của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài; b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương; c) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong chuyên ngành được đào tạo phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.
5. Tiền lương	<ul style="list-style-type: none"> • Duy trì tốc độ tăng lương ổn định.
6. Thời gian thử việc	<ul style="list-style-type: none"> • Thời gian lao động thử việc ít nhất kéo dài từ 1-2 tháng.
7. Điều kiện hưu trí	<ul style="list-style-type: none"> • Tách rời điều kiện hưu trí và thời hạn đóng BHXH, để doanh nghiệp có thể áp dụng điều kiện nghỉ hưu bắt buộc khi lao động đủ tuổi nghỉ hưu.
8. Tổ chức công đoàn	<ul style="list-style-type: none"> • Quy định mức đóng phí công đoàn tùy theo đặc điểm từng ngành nghề, nhằm giảm bớt tỷ lệ đóng phí.
3. Vấn đề thuế	
1. Ưu đãi về thuế và tiền thuê	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng cường tuyên truyền phổ biến, để các doanh nghiệp Đà Loan hiểu rõ nắm vững thuế suất ưu đãi và thuế suất chung . • Có biện pháp xử lý nhất quán liên tục trong các trường hợp cam kết hoặc xét xử dành cho doanh nghiệp Đà Loan cho

Vấn đề	Kiến nghị
	dù đó là chính phủ trung ương hoặc chính quyền địa phương.
2. Thuế nhà thầu nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Đề nghị quy định một tỉ lệ chịu thuế phù hợp cho trường hợp DN khó tách rời giữa giá trị của máy móc thiết bị nhập khẩu với phí dịch vụ. Không áp thuế trên tổng giá trị nhập khẩu máy móc thiết bị. • Nếu dịch vụ chỉ giới hạn trong một số ngày lắp đặt tại Việt Nam, nên xem như miễn thuế GTGT đối với hàng hóa hoặc đã nộp thuế GTGT nhập khẩu, miễn đi 3% thuế GTGT trong thuế nhà thầu nước ngoài 5%. • Công bố các biện pháp thi hành phù hợp, nhằm đơn giản hóa thủ tục nộp đơn và hồ sơ tài liệu liên quan, tư vấn để các doanh nghiệp Đài Loan tận dụng Thỏa thuận về thuế giữa Đài Loan và Việt Nam.
3. Kiểm tra thuế và lãi tiền thuế nộp chậm	<ul style="list-style-type: none"> • Rút ngắn thời hạn truy thu thuế và lãi tiền thuế nộp chậm xuống còn 5 năm. • Lãi tiền thuế nộp chậm tính theo lãi suất thị trường bình quân của ngân hàng năm đó.
4. Chuyển giá	<ul style="list-style-type: none"> • Mô hình gia công khác với doanh nghiệp nói chung, lợi nhuận thấp của doanh nghiệp gia công là do mô hình kinh doanh, chứ không phải gian lận thuế. Kiến nghị bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng kiểm soát của cán bộ thuế, nhằm tăng tính minh bạch, hợp lý về mức chuẩn kiểm soát. • Ký kết thỏa thuận định giá trước song phương, giảm tranh chấp khi kiểm tra.
5. Thuế TNCN cho cán bộ Đài Loan	<ul style="list-style-type: none"> • Cán bộ Đài Loan nên được xem như cư dân phi thuế, theo nguyên tắc thuế về cư dân phi thuế, chỉ đánh thuế TNCN về phần thu nhập nguồn gốc Việt Nam của họ, không nên đánh thuế TNCN toàn bộ thu nhập trên phạm vi toàn thế giới của họ. • Đơn giản hóa thủ tục Thỏa thuận về thuế giữa Đài Loan và Việt Nam, giảm bớt các rào cản xin phép.
6. Hoàn thuế VAT	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng hệ thống điện tử để kiểm tra mối quan hệ giữa đầu ra và đầu vào, tăng nhanh tiến độ hoàn thuế.
7. Xử lý phế liệu chế xuất	<ul style="list-style-type: none"> • Đưa ra biện pháp xử lý phế liệu chế xuất. Doanh nghiệp chế xuất chấp hành tốt sẽ miễn nộp thêm thuế hải quan.
4. Vấn đề thương mại	

Vấn đề	Kiến nghị
<p>1. Thuế và Hải quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đề nghị tiến hành đàm phán FTA hoặc ECA với Đài Loan, xúc tiến tư vấn và tác nghiệp nhanh chóng, để giảm rào cản thuế song phương. • Xây dựng chế độ dự thẩm biểu thuế hải quan, duy trì nhận định nhất quán về nguyên tắc thuế, tăng cường tập huấn cán bộ hải quan, giảm tình huống nhận định sai lầm. • Đề nghị chính phủ VN bỏ mức trần niên hạn đối với thiết bị nhập khẩu đã qua sử dụng, đồng thời xác định giá trị sử dụng của thiết bị dựa trên các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và tiết kiệm năng lượng quốc tế; xác định rõ ràng và đơn giản hóa qui trình thủ tục nhập khẩu, giảm thiểu nhận xét chủ quan của cán bộ thi hành. • Đối với chế độ quy định quan trọng, phải có văn bản chi tiết thi hành cụ thể, nhằm hạn chế cán bộ thực hiện theo ý muốn chủ quan, nâng cao tính minh bạch và xác định khi thông quan.
<p>2. Hỗ trợ thương mại</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng cơ chế hoàn thiện về kiểm soát giá cả và số lượng nhập khẩu, tiến hành điều tra và khởi tố ngay những sản phẩm nhập khẩu bán phá giá, nhằm bảo vệ sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.

Vấn đề	Kiến nghị
5. Vấn đề đầu tư	
1. Cấp phép đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Đơn giản hóa thủ tục cấp phép, chẳng hạn như hoạt động tiếp thị phạm vi cả nước, chỉ cần xin phép một lần, áp dụng thủ tục thẩm định khác nhau đối với hình thức quy mô quảng bá không giống nhau.
2. Giấy phép và cấp phép	<ul style="list-style-type: none"> Xúc tiến nhanh cơ chế thừa nhận lẫn nhau với Đài Loan, tránh kiểm nghiệm trùng lặp, trì hoãn thời gian cấp phép. Lập chi nhánh đăng kiểm, chứng nhận tại miền nam, tăng cường chức năng chính phủ điện tử, để tạo thuận tiện cho doanh nghiệp khi có nhu cầu chứng thực giấy tờ liên quan. Bổ sung nhân sự giảng viên đào tạo, nhằm đẩy nhanh tiến trình cấp phép chứng nhận ATTP(Nafiq), trường hợp nhân sự bổ sung chưa kịp, nên nới rộng quy định này. Đề nghị cấp phép cho ngân hàng Đài Loan mở thêm nhiều chi nhánh tại các tỉnh thành lớn, phát huy khả năng đặc thù của doanh nghiệp vừa và nhỏ, đào tạo nhân lực ưu tú, thúc đẩy kinh tế phát triển.
3. Bảo hộ đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Cập nhật lại nội dung Thỏa thuận Bảo hộ đầu tư giữa Đài Loan và Việt Nam theo xu hướng phát triển của Thỏa thuận đầu tư quốc tế, tăng mức bảo hộ đối với DN Đài Loan, bổ sung thêm cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế.
6. Vấn đề nguồn nhân lực	
1. Lao động kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai hợp tác với Đài Loan về chương trình đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống giáo dục và cơ sở đào tạo ngành nghề kỹ thuật tại Việt Nam.
2. Nguồn nhân lực chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Thu hút nguồn nhân lực nước ngoài, đào tạo nhân lực có chuyên môn thông thạo tiếng Việt- Hoa hoặc Việt- Anh. Khi ban hành quy định pháp lệnh mới, phải phối hợp tăng cường tập huấn đối với văn phòng luật, văn phòng kế toán hoặc công ty tư vấn, nhằm hạn chế trường hợp hiểu sai luật.
7. Bảo vệ môi trường và pháp lý liên quan	
1. Quy phạm pháp lệnh	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng kênh thông cáo chung đối với văn bản Luật Bảo vệ môi trường, cung cấp bản tiếng Anh và giải nghĩa liên quan, hỗ trợ cho DN giảm chi phí thi hành.
2. Quy trình áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> Đề nghị áp dụng quy định cũ đối với thời hạn còn lại của giấy phép được cấp theo luật cũ, hoặc cho phép doanh

Vấn đề	Kiến nghị
	nghiệp có một khoảng thời gian thích nghi đầy đủ đối với hạng mục và phạm vi sửa đổi. <ul style="list-style-type: none"> • Tăng cường hướng dẫn cho doanh nghiệp Đài Loan, văn phòng luật, văn phòng kế toán, công ty cổ vấn nắm vững trọng điểm sửa đổi sau khi quy định luật mới được ban hành.
8. Vấn đề cơ sở hạ tầng	
1. Xây dựng cơ sở hạ tầng và đảm bảo chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan theo mô hình hợp tác PPP hoặc BOT với doanh nghiệp Đài Loan hoặc nhà đầu tư nước ngoài, thúc đẩy nhanh xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng. • Tăng cường kênh vận tải đối ngoại, xây dựng nhanh cảng biển sâu.
2. Mạng thông tin di động và đảm bảo chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> • Hoàn thiện xây dựng hệ thống mạng thông tin di động, nâng tốc độ mạng và tính ổn định kết nối, giảm mức chênh lệch kỹ thuật so với các nước khác.

III. Thúc đẩy triển vọng về hợp tác thương mại và đầu tư của Đài Loan-Việt Nam

Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, dân số trẻ, đang đẩy mạnh nâng cấp ngành nghề, theo hướng phát triển ngành nghề giá trị gia tăng cao. Do tập quán và con người Đài Loan và Việt Nam khá tương đồng, đều có kinh nghiệm về công nghiệp hóa, có khả năng sản xuất tuyệt vời, có lợi thế về giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, khoa học và công nghệ, nông nghiệp..., Đài Loan hiện đang tích cực quảng bá cho “ Chính sách hướng nam mới”, mong muốn mở rộng mối quan hệ giao lưu hợp tác chiều sâu với Việt Nam, trở thành đối tác toàn diện, cùng bắt tay nhau phát triển nền kinh tế giàu mạnh, chia sẻ nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống, liên kết quốc tế cùng có lợi.

So với các doanh nghiệp nước ngoài ở châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, trình độ phát triển giữa Đài Loan và Việt Nam gần nhau hơn, nên kinh nghiệm và kỹ thuật công nghệ của Đài Loan đáp ứng được nhu cầu của Việt Nam. Ngoài ra, DN Đài Loan có tình cảm sâu sắc hơn với Việt Nam, tin rằng sự hợp tác song phương sẽ giúp đẩy nhanh quá trình đổi mới ở Việt Nam,

thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề và nâng cấp khả năng cạnh tranh quốc tế. Trước mắt triển khai hợp tác trên 6 lĩnh vực như sau : “đào tạo nhân lực”, “nông nghiệp công nghệ cao và nuôi trồng thủy sản”, “Chăm sóc sức khỏe”, “Khởi nghiệp sáng tạo”, “Công nghệ thông tin và hệ thống đầu ra”, “tăng cường thu hút vốn đầu tư của DN Đài Loan”.

1. Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực.

1. Mở rộng mô hình hợp tác cao đẳng đào tạo hướng nghiệp và sử dụng nhân lực. Thành lập trường cao đẳng ở nước ngoài do doanh nghiệp Đài Loan và nhà trường trong nước hợp tác, có cơ chế học bổng, tăng cường hợp tác giáo dục đào tạo và hướng nghiệp cho những lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

2. Thúc đẩy chương trình đào tạo nhân lực để xây dựng thành phố thông minh. Đài Loan có ưu thế kỹ thuật về xây dựng thành phố thông minh và môi trường thân thiện, có chỗ cho sự hợp tác đưa Việt Nam tiến lên trong quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa theo hướng đào tạo nhân lực kỹ thuật liên quan.

3. Tăng cường hợp tác đào tạo nhân lực thương mại. Với ưu thế hiệu quả và tính minh bạch trong quản lý biên giới, dịch vụ vận tải, công nghệ ICT, Đài Loan có thể hỗ trợ Việt Nam đơn giản hóa thủ tục thông quan và thực hiện các dịch vụ điện tử Hải quan.

2. Hợp tác về nông nghiệp công nghệ cao và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.

1. Mở rộng hơn sự liên kết hợp tác trên cơ sở hiện có. Trước đây, Đài Loan giao lưu hợp tác với nông nghiệp Việt Nam về mặt kỹ thuật và cơ chế như con giống, kỹ thuật, sinh thái, môi trường..., sắp tới hợp tác chiều sâu, tăng thêm các hạng mục về bảo tồn đa dạng sinh học, vùng sâu vùng xa, nghiên cứu tác động môi trường và biến đổi khí hậu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, an toàn thực phẩm....

2. Hợp tác hiệu quả các lĩnh vực phân phối sản phẩm nông nghiệp giá trị tăng thêm. Mở rộng hợp tác nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ kết nối, tiến hành dự án hợp tác chuyên mục, chẳng hạn như lưu thông phân phối.

3. Đẩy mạnh hợp tác phát triển cụm nông nghiệp. Đài Loan có thể cung cấp vườn ươm, tập trung các ngành nông nghiệp công nghệ

cao, chuyển giao kinh nghiệm về nâng cấp chuyển đổi ngành nông nghiệp.

3. Hợp tác y tế.

1. Mở rộng việc trao đổi y tế. Trên cơ sở trao đổi, mở rộng hơn nữa phạm vi hợp tác, bao gồm bệnh viện hợp tác, xây dựng mô hình và kênh đào tạo cố định nguồn nhân lực y bác sĩ, phối hợp tổ chức hội thảo y tế quốc tế, bác sĩ Đài Loan hướng dẫn lâm sàng, đào tạo từ xa...

2. Tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe đặc biệt. Thiết lập kênh ra nước ngoài hoặc đến Đài Loan khám chữa bệnh đối với trường hợp Việt Nam chưa có kỹ thuật điều trị. Tổ chức đưa người Việt Nam đến Đài Loan du lịch kết hợp khám chữa bệnh với các chuyên khoa nổi tiếng ở Đài Loan như kiểm tra sức khỏe, y tế thẩm mỹ, phẫu thuật laser cận thị, nha khoa....

3. Tăng cường hợp tác chiều sâu về y tế. Nhà máy sản xuất thuốc và dụng cụ y tế có thể hợp tác song phương để nghiên cứu sản xuất thuốc, vacxin, dụng cụ y tế cho bệnh phổ biến tại Việt Nam, thỏa mãn nhu cầu thị trường.

4. Hợp tác về khởi nghiệp sáng tạo.

1. Hỗ trợ Việt Nam hoàn thiện cơ chế môi trường khởi nghiệp sáng tạo. Việt Nam có thể đến tham quan, tìm hiểu học tập hệ sinh thái tại Đài Loan, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, nhằm thỏa mãn nhu cầu khởi nghiệp cho tuổi trẻ Việt Nam và lao động trong nội bộ doanh nghiệp Đài Loan.

2. Hỗ trợ xây dựng vườn ươm/ tăng tốc. Đài Loan có thể chia sẻ kinh nghiệm về vườn ươm/ tăng tốc, chương trình tập huấn, cơ chế đào tạo hướng nghiệp, ký kết quốc tế..., đồng thời giới thiệu doanh nghiệp khởi nghiệp của Đài Loan đến Việt Nam phát triển, giao lưu hợp tác với doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam.

3. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực sáng tạo. Đài Loan sẽ cung cấp chương trình đào tạo hoặc học bổng của vườn ươm, nhằm hỗ trợ việc đào tạo nhân lực sáng tạo cho Việt Nam mai sau.

4. Thúc đẩy sự hợp tác giữa doanh nghiệp Đài Loan với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam. Doanh nghiệp Đài Loan

có thể đưa ra yêu cầu về nâng cấp chuyển đổi, để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo song phương nghiên cứu và tìm giúp giải pháp, đồng thời có biện pháp hỗ trợ về kinh phí, công nghệ, thị trường và hướng đi cho doanh nghiệp khởi nghiệp có đề tài phù hợp. Để tăng nguồn lực cho khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam và đạt tới các mục đích chuyển đổi và nâng cấp của doanh nghiệp Đà Loan.

5. Thúc đẩy hợp tác nhiều hơn trong lĩnh vực mới như: nông nghiệp công nghệ cao, IoT, ứng dụng di động, phần mềm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục công nghệ..

5. Hợp tác về công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và hệ thống đầu ra

1. Tăng cường hợp tác về chuỗi sản xuất. Hệ thống sản xuất của doanh nghiệp Đà Loan có sự điều chỉnh linh hoạt, cởi mở hơn, có thể hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam, có lợi cho doanh nghiệp Việt Nam kết nối với các chuỗi sản xuất trên thế giới.

2. Hợp tác để tích hợp hệ thống. Hợp tác song phương về hệ thống ETC, an ninh thông tin, chính phủ điện tử, nhà trường điện tử, thành phố thông minh, thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số giữa các tỉnh thành, và với các nước khác trên thế giới.

3. Tăng cường hợp tác tổ chức. Đà Loan với thành quả thông tin truyền thông, sự hợp tác sẽ giúp Việt Nam tăng cường hơn nữa hệ thống thương mại, tiếp cận quốc tế, tối ưu hóa cạnh tranh xuất khẩu các sản phẩm công nghệ thông tin.

6. Đẩy mạnh hợp tác thu hút vốn đầu tư doanh nghiệp Đà Loan

1. Xúc tiến nhanh việc tham vấn và chuẩn bị ECA. Đà Loan và Việt Nam đã hoàn thành nghiên cứu chung về ECA, có sự tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau hơn, đề nghị trên cơ sở đó, hai bên sớm xúc tiến tham vấn và chuẩn bị để tăng cường hợp tác sâu hơn về kinh tế thương mại, chuỗi cung ứng, nhân lực, công nghệ, chứng nhận và tiêu chuẩn chung. Đồng thời thu hút đầu tư của các ngành dịch vụ mới, tích hợp hệ thống và khởi nghiệp sáng tạo Đà Loan, tăng xuất khẩu sang Đà Loan, tạo ra cục diện cùng có lợi.

2. Cập nhật Thỏa thuận xúc tiến bảo hộ đầu tư giữa Đài Loan và Việt Nam, chứng minh thỏa thuận năm 1993 đã không còn phù hợp bối cảnh hiện nay, khiến sự bảo hộ cụ thể bị giới hạn. Để duy trì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam, và thu hút càng nhiều đầu tư từ Đài Loan, đề nghị Việt Nam cập nhật bản thỏa thuận theo xu hướng phát triển thỏa thuận đầu tư quốc tế càng sớm càng tốt.

PHỤ LỤC

I. Giới thiệu về Tổng hội Thương gia Đài Loan thế giới

Với sự gia tăng đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp Đài Loan, Hội Thương gia Đài Loan được thành lập ở khắp nơi trên thế giới. Để nâng cao hiệu quả phục vụ đối với doanh nghiệp Đài Loan thông qua sức mạnh kết hợp của Hội Thương gia Đài Loan ở các nơi, tháng 9 năm 1994, Tổng hội Thương gia Đài Loan thế giới (gọi tắt là Tổng hội thế giới) được chính thức thành lập tại Đài Bắc, Đài Loan, nhằm phục vụ cho doanh nghiệp Đài Loan trên thế giới với các tôn chỉ mục đích: (1) Thúc đẩy hợp tác của doanh nghiệp Đài Loan trên thế giới, cùng nhau phát triển kinh doanh và khai thác thị trường quốc tế; (2) Tăng cường thông tin liên lạc giữa các doanh nghiệp Đài Loan trên thế giới, đoàn kết, hữu nghị và trao đổi kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh và khoa học công nghệ; (3) Cung cấp thông tin công nghiệp, thương mại và tài chính giữa các doanh nghiệp Đài Loan trên thế giới, qua đó tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế thương mại trong khu vực; (4) Nâng cao vị thế quốc tế và thúc đẩy việc bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp Đài Loan ở các nước; (5) Thúc đẩy giao lưu văn hóa-xã hội ở các vùng khác nhau trên thế giới, nhằm tăng cường sự hiểu biết chung và cùng phát triển kinh tế.

Tổng hội thế giới gồm có 6 Tổng hội khu vực là Tổng hội Châu Á, Châu Âu, Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ, Châu Đại Dương, Châu Phi, phân bố ở 73 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng cộng 189 hội thành viên, với hơn 40.000 hội viên doanh nghiệp, là một tổ chức đoàn thể có tầm quan trọng và phạm vi thế giới. Tháng 9 năm 2009, Tổng hội thế giới thiết lập văn phòng tại Đài Bắc, phục vụ cho doanh nghiệp Đài Loan trên toàn thế giới.

Cơ cấu nhân sự của Tổng hội thế giới gồm có 01 chủ tịch với nhiệm kỳ một năm, không được tái nhiệm; Các chủ tịch Tổng hội khu vực mặc nhiên là Phó Chủ tịch. Chủ tịch Tổng hội thế giới bổ nhiệm chức Tổng thư ký, trưởng ban tài chính làm việc nghĩa vụ theo Điều lệ hội, thành lập thêm 17 ban chuyên trách về bầu cử, quản lý công quỹ, doanh nghiệp Đài Loan ở Trung Quốc, hiệp hội phụ nữ, hiệp hội Đài Loan, đào tạo nhân tài cho doanh nghiệp Đài Loan, thúc đẩy cơ hội kinh doanh, kỷ luật, quốc tế,

quan hệ công chúng, chuyên đề, văn hóa giáo dục, giải thưởng cho doanh nghiệp Đài Loan ở nước ngoài, chuyên nghiệp, thông tin mạng, xuất bản và các quy định luật pháp. Trong những năm gần đây, Tổng hội thế giới khuyến khích các Tổng hội khu vực động viên doanh nhân trẻ tham gia hoạt động Hội, và chính thức thành lập Hội thương gia trẻ vào tháng 10 năm 2010, để thúc đẩy việc kế thừa và phát triển bền vững Tổng hội thương gia Đài Loan thế giới.

Tổng hội thế giới với vai trò tổng hợp nguồn lực của các giới, cung cấp cho DN Đài Loan ở các nước, nhằm thúc đẩy DN Đài Loan hợp tác chặt chẽ với chính quyền nước sở tại, có những đóng góp lớn hơn cho cộng đồng địa phương, tạo ra cục diện cùng có lợi; Đồng thời cũng là nhịp cầu tìm hiểu trao đổi giữa DN Đài Loan với chính phủ Đài Loan, giảm mối lo lắng sâu sau cho DN Đài Loan. Tổng hội thế giới luôn luôn là đơn vị đại diện cao nhất của DN Đài Loan.

II. Giới thiệu về Tổng hội Thương gia Đài Loan Châu Á

Sau những năm 1980, ngày càng nhiều DN Đài Loan đầu tư tại Đông Nam Á, nên Hội Thương gia Đài Loan ở các nước Đông Nam Á cũng lần lượt ra mắt vào năm 1990-1992, song hoạt động tương tác và tiếp xúc còn giới hạn, vì vậy, ông Du Thanh Thanh, Hội trưởng sáng lập Tổng hội Thương gia Đài Loan tại Thái Lan đã đứng ra liên kết với các hội trưởng tại Philippines, Malaysia, Singapore, Indonesia, vận động thành lập Tổng hội Thương gia Đài Loan Châu Á (gọi tắt là Tổng hội Châu Á).

Tổng hội Châu Á chính thức thành lập vào tháng 7 năm 1993, với 5 tôn chỉ hoạt động như sau : (1) Thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp Đài Loan tại các nước châu Á, tìm cách phát triển kinh doanh và mở rộng thị trường quốc tế; (2) Tăng cường liên kết giữa DN Đài Loan tại các nước châu Á, tương tác hữu nghị và trao đổi kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh và khoa học và công nghệ; (3) Cung cấp cho nhau thông tin tài chính thương mại, qua đó tăng cường hợp tác kinh tế thương mại khu vực; (4) Nâng cao vị thế quốc tế và bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp Đài

Loan tại các nước; (5) Thúc đẩy giao lưu văn hóa-xã hội trong khu vực châu Á, tăng cường sự hiểu biết chung và phát triển kinh tế.

Tổng hội Châu Á có 12 hội thành viên là: Thái Lan, Philippines, Malaysia, Singapore, Indonesia, Nhật Bản, Hồng Kông, Macau, Việt Nam, Lào, Campuchia, Brunei; và 6 thành viên quan sát là : Bangladesh, Ấn Độ, Myanmar, Jeddah, Guam, Đông Timor; sắp tới sẽ thành lập thêm Chi hội Hàn Quốc. Tổng số hơn 27.000 hội viên doanh nghiệp. Cơ cấu nhân sự với 01 Tổng hội trưởng và các Tổng hội phó là hội trưởng Tổng hội các nước, Ban Trị sự thường trực, Hội đồng trị sự, Ban Kiểm soát, 14 ban chuyên trách là : bầu cử, công cộng, năng suất, điều lệ, xuất bản, giáo dục và văn hóa , tài chính, doanh nghiệp Đài Loan tại Trung Quốc, hoạt động hội, kỷ luật, thể hệ mới, quản lý nguy cơ và phát triển lâu dài và Ủy ban Phát triển ASEAN, đồng thời là cửa sổ tiếp cận của các đơn vị hội viên và cổ vấn. Tổng hội Châu Á trực thuộc Tổng hội Thế giới, là nền tảng thúc đẩy việc giao lưu, môi giới, đầu tư tốt nhất giữa hội thành viên các nước với nhau, liên kết các nguồn lực nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho hội thành viên các nước, đặc biệt là trong gian đoạn ASEAN phát triển tăng tốc hiện nay.

III. Giới thiệu về Tổng hội Thương gia Đài Loan Việt Nam

Vào cuối năm 1993 và tháng 6 năm 1994, Hiệp hội Doanh nhân Đài Loan ra mắt tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, đến tháng 9 năm 1994 họp nhất trở thành Tổng hội Thương gia Đài Loan tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng hội Việt Nam), nhằm mục đích tạo điều kiện tiếp xúc giữa các doanh nghiệp Đài Loan tại Việt Nam, giúp đỡ lẫn nhau, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác, phát triển và bảo vệ quyền lợi chung, đồng thời tăng cường mối giao lưu hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, văn hóa giữa cộng đồng doanh nghiệp Đài Loan-Việt Nam.

Nhiệm vụ chính bao gồm : (1) Hỗ trợ hội viên giải quyết tranh chấp đầu tư và thương mại, cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý; (2) Biên soạn, sưu tập, thống kê và nghiên cứu các chính sách kinh tế, pháp luật kinh doanh Đài Loan và Việt Nam, xuất bản định kỳ bản tin tham khảo; (3) Hỗ

trợ giao lưu cho hội viên với các cơ quan chức năng Việt Nam và các đoàn thể công thương; (4) Tổ chức các hoạt động hữu nghị, tăng cường hiểu biết tình hình đời sống xã hội của người dân hai bên và thúc đẩy tình hữu nghị hội viên với gia đình họ.

Năm 1997, Tổng hội Việt Nam chính thức được chính phủ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động, và đến nay đã thành lập được 14 chi hội tại Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, TP Hồ Chí Minh, Tân Thuận và Long An, với tổng số gần 2.500 hội viên doanh nghiệp. Cơ cấu nhân sự gồm 01 Hội trưởng Tổng hội, các chi hội trưởng là phó Tổng hội trưởng đương nhiên, và Tổng thư ký, Trưởng ban tài chính. Ngoài ra còn có Hội đồng trị sự, Ban kiểm soát và 12 ban chức năng gồm : pháp luật, doanh nghiệp trẻ khởi nghiệp, giao lưu kinh doanh, giáo dục, giao lưu quốc tế, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (Vietnam Business Forum, VBF), xúc tiến đầu tư, nông nghiệp, giao lưu nghệ thuật, đẩy mạnh y tế Đài Loan, giao lưu thể dục thể thao và từ thiện.

Tổng hội Việt Nam lãnh đạo các chi hội tại Việt Nam phục vụ tốt cho doanh nghiệp Đài Loan, là nhịp cầu trao đổi quan điểm chính sách và xúc tiến đầu tư giữa Đài – Việt song phương, đặc biệt là trong những năm gần đây, còn cung cấp các dịch vụ chức năng, tăng cường sự hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp Đài Loan với nhau, phát huy tối đa hiệu quả của Hội Thương gia.



| Hiệp Hội Thương Mại Đài Loan Châu Á
| Hiệp Hội Thương Mại Đài Loan Thế Giới

